

Hiền Tài Lê Văn Thâm

Giới,
Đường tới Thiên Đàng
Precepts,
The Way to Paradise



CỨU TRÙNG THIÊN



Ban Thế Đạo Hải Ngoại
Ấn hành năm 2009 tại Hoa Kỳ

Soạn giả:
Hiền Tài Lê Văn Thêm

**GIỚI,
Đường tới Thiên Đàng**

**PRECEPTS,
The Way to Paradise**



Published by
BAN THE DAO HAI NGOAI
(Non-profit religious Organisation)
3076 Oakbridge Dr.
San Jose, CA 95121-1716
Phone: 408-238-6547, Fax: 408-440-1372
Email: dutani@comcast.net
Web: www.banthedao.org

**GIỚI,
Đường tới Thiên Đàng**

**PRECEPTS,
The Way to Paradise**

**SÁCH BIẾU - KHÔNG BÁN
Book not for sale.**

**Published by
BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI
(Non-profit religious Organisation)**

(First edition 2009 - USA)

ISBN 978-0-9825307-0-2

ISBN-10: 0-9825307-0-6 \$0.00
ISBN-13: 978-0-9825307-0-2





Lời Giới Thiệu

Người trên đời ai ai cũng mong được sống tròn đầy hạnh phúc và hoàn toàn tự do, tự do và hạnh phúc ngay trong cuộc đời này cũng như tự do và bình an sau khi cuộc đời mình đã mãn.

Quyển sách giới thiệu sau đây được viết nhằm vào mục đích đó.

Đó là làm cho mọi người khi đọc quyển sách này sẽ thấy vui tươi an lạc, không còn phiền não, vơi bớt khổ đau, sống tự tại an nhàn và sau khi tách bước ra đi sẽ có được an vui và tự do thật sự, hay nói rõ hơn là sẽ được siêu thăng, giải thoát.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại rất hân hoan giới thiệu đến quý đồng Đạo và quý độc giả tác phẩm **“Những nét vi tế về Giới”** do Hiền Tài Lê Văn Thêm biên soạn và dịch sang Anh Ngữ, chú trọng về ý (semantic) hơn là song tự ngữ văn (literal).

Tác giả Lê Văn Thêm thuở nhỏ là học sinh của trường Đạo Đức Học Đường tại Tòa Thánh Tây Ninh. Sau khi rời Đạo Đức Học Đường tác giả tiếp tục theo học tại Lycée Nguyễn Đình Chiểu, Mỹ Tho, đậu Tú Tài phần thứ Nhất và Lycée J.J Rousseau (Chasseloup Laubat) Saigon, đậu Tú Tài Phần Hai Pháp, Ban Triết.

Sau khi đậu Tú Tài, tác giả đi dạy học tại các trường Trung học Tư Thục Saigon, Tân An, Gò Công, Tây Ninh và làm Hiệu Trưởng trường Trung Học Tư Thục Tân Dân tại Quận Gò Đen tỉnh Tân An. Sau đó thi vào Đại học năm 1958, theo học bậc Đại Học tại Học Viện Quốc Gia Hành Chánh, Saigon và tốt nghiệp trường này vào năm 1961.

Năm 1962, tác giả theo học quân sự, ra trường với cấp bậc Chuẩn Úy, được trả về Phủ Tổng Thống và sau đó được bổ nhiệm đến Tỉnh Chương Thiện vào năm 1963.

Năm 1964, tác giả được bổ nhiệm chức vụ Phó Tỉnh Trưởng tỉnh Chương Thiện và kế tiếp là Phó Tỉnh Trưởng các tỉnh Vĩnh Bình (Trà Vinh), Kiên Giang (Rạch Giá), Định Tường (Tiền Giang) và Phó Thị Trưởng Thị Xã Mỹ Tho.

Năm 1972, tác giả được Quốc Hội Việt Nam Cộng Hoà bầu vào chức vụ Giám Sát làm việc tại Giám Sát Viện cho đến ngày 30-04-1975.

Sau khi ở tù về vào năm 1988, tác giả qua được Úc Đại Lợi, tiếp tục theo học bậc Đại Học tại Deakin University, Melbourne và tốt nghiệp trường này với bằng Graduate Diploma in Interpreting & Translating, được Chánh Phủ Úc Đại Lợi công nhận là một Thông - Phiên Dịch Quốc Gia Úc Đại Lợi.

Trong lời nói đầu của quyển sách, tác giả có cho biết sách này được viết là nhằm giúp cho nhơn sanh thấy rõ đâu là con đường để đến Thiên Đàng và bất cứ ai cũng đều có thể đến được.

Nhận thấy Quyển Sách nhỏ này dù chỉ với 120 trang (Việt ngữ & Anh ngữ) nhưng đây là một biên khảo rất công phu, có tính hệ thống, đã lý giải được một số vấn đề cốt lõi về “GIỚI” trong Giáo lý Đạo Cao Đài, đặc biệt là có tác dụng “Khuyến Tu”, nên Ban Thế Đạo Hải Ngoại rất vui mừng và hân hạnh giới thiệu cùng quý Đồng Đạo và đọc giả.

Trân trọng giới thiệu.

San Jose, tháng 07-2009



TỰA

Ngũ Giới trong Đạo Cao Đài không khác xa Ngũ Giới của Đạo Phật.

Ngũ Giới trong Đạo Cao Đài cũng gồm có: không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói láo và không uống rượu. Mặc dù vậy, khi dạy về Ngũ Giới, giáo lý Đạo Cao Đài lại có sự nhấn mạnh về ngũ Giới, tức chú trọng đến lời nói. Chính lời nói hay ngũ Giới là phần mà người tu dễ dính mắc nhất, dễ sai phạm nhất.

Thật vậy, nếu nói Giới kèm thúc thân gồm có ba là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm thì Giới liên quan đến ngôn ngữ “tức lời nói” lại có đến bốn. Đó là không nói láo, không nói thêu dệt, không nói đâm thọc và không nói lời độc ác.

Người tu ít khi sai phạm hay dính mắc các Giới về thân, vì đây là những việc làm thấy rõ mà con người có thể dễ tránh. Còn đối với lời nói mà người ta cho rằng như gió thoảng mây bay, nói ra là mất, cộng thêm vào thói quen hay nói, nên con người rất dễ sai phạm.

Quyển sách này được viết đặc biệt chú ý đến bốn Giới thuộc lời nói nhằm giúp người tu thấu triệt để tránh được sai phạm bốn Giới này.

Nếu giữ được bốn Giới về lời nói, cộng thêm ba Giới kèm thúc thân thì người tu đã giữ được bảy Giới. Chỉ cần tu tập và tránh được thêm ba thách thức tức ba Giới cuối cùng là Si mê, Tham lam và Sân hận thì người tu đã hành trì Thập Thiện, mà thực hành được Thập Thiện thì Thiên Đàng liền đến, tức sau khi từ già cõi đời người tu sẽ được thăng Thiên, nghĩa là lên được cõi Trời thay vì tái kiếp trở lại thế gian.

Nói rõ hơn, việc hành trì Thập Thiện sẽ giúp người tu đến được Thiên Đàng, nhưng lên được cao hay thấp, lên được đến tầng Trời nào đó là còn tùy ở công tu, cách tu và mức độ tỉnh thức của mỗi nhơn sanh, tức sự giác ngộ của mỗi người.

PHẦN THỨ I

TÂM QUAN TRỌNG CỦA GIỚI

1)- Giới là nền tảng căn bản của Đạo để dạy tín đồ tu hành, nghĩ thiện làm lành, quan trọng nhất là không tạo “Nghiệp”. Chính “Nghiệp” là động cơ dẫn dắt Luân hồi.

2)- Giới đối với người tu cũng như nền nhà đối với ngôi nhà. Muốn cho ngôi nhà càng bền càng cao thì nền nhà phải thật vững chắc. Người tu cũng vậy. Muốn tránh khỏi sinh tử Luân hồi và được siêu thăng hay giải thoát, trước tiên phải giữ gìn Giới, giống như trước khi muốn cất nhà phải xây nền nhà thật vững chắc vậy.

3)- Giới gồm những tín điều về đức hạnh, là Giáo pháp tiên khởi mà tín đồ của bất cứ tôn giáo nào cũng phải hành trì trước khi muốn tiến xa hơn nữa trên bước đường chuyển hoá tâm thức hay phổ độ.

4)- Giới là nấc thang lập cước, nấc thang đầu lập phước đức để bước lên các bậc thang công đức. Bất cứ khách trần nào, cư sĩ hay tu sĩ, thuộc bất cứ tôn giáo nào, một khi đã bước vào đường tu thì trước nhất phải lấy Giới làm căn bản. Người tu nếu không giữ Giới thì dù tu pháp môn nào vẫn không có nền tảng vững chắc. Công tu dù có nhưng chứng quả sẽ không, và dù có đi phổ độ nhưn sanh, có hành pháp gì thì cũng không làm sao diệu dụng được.

Có nhiều người tu nghĩ rằng mình đã giữ tròn Ngũ Giới vì không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Cũng có nhiều vị hành hạnh phổ độ nghĩ rằng ngoài việc giữ gìn ngũ Giới, mình còn hành Tam Tụ Giới, tức đã giữ tròn Nhiếp Luật Nghi Giới, Nhiếp Thiện Pháp Giới, Nhiêu Ích Hữu Tình Giới, nghĩa là đã ngăn dứt không còn làm những điều ác, chỉ làm các điều thiện và làm lợi ích cho nhưn sanh qua con đường phổ độ. Hai cách nghĩ trên đây về tổng thể tức về phần thô thì có đúng. Dù vậy, nếu đi vào chi tiết quán xét phần tế thì vẫn còn nhiều điểm cần ghi nhận.

I- GIỚI VÀ LUÂN HỒI

Luân hồi trong giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và giáo lý nhà Phật có cùng chung một ý nghĩa. Luân hồi là tái sinh trong lục đạo khác với giải thoát.

Nói đến Nhân quả, Nghiệp báo, Luân hồi, nhiều người cho rằng đây là giáo lý của đạo Phật, một trong những đặc trưng để phân biệt đạo Phật với các Đạo khác. Sự thật không phải như vậy. Các thuyết Nhân quả, Nghiệp báo, Luân hồi thực ra đã có trước khi Thái Tử Tất Đạt Đa trở thành Đấng giác ngộ.

Thật vậy, kể từ thuở xa xưa, nhiều ngàn năm trước khi Đức Phật Thích Ca thành Đạo hay Đức Chúa Giê-Su giáng sanh, giáo thuyết Nhân quả, Nghiệp báo, Luân hồi đã xuất hiện trên khắp năm châu.

Tại nhiều quốc gia trên thế giới, từ các nước Bắc Âu, Tây Âu và Đông Âu đến các nước cổ Ai Cập, Phi Châu, Mỹ Châu, Úc Châu và nhất là Á Châu, thuyết Nhân quả, Nghiệp báo, Luân hồi được rất nhiều sắc dân, nhiều quốc gia, nhiều người tin tưởng. Bằng chứng là cho mãi đến ngày nay, giáo thuyết này vẫn còn ghi trong bộ Cổ Thư Luật Mã Nổ nổi tiếng của Ấn Độ đã có trên 4.000 năm trước Tây Lịch.

Ngày nay, thuyết Nhân quả, Luân hồi chẳng những được các tôn giáo và các nhà tâm linh thuyết giảng, mà cả giới khoa học, học giả cũng có lòng tin. Lòng tin đó căn cứ vào những chứng nghiệm hoàn toàn khoa học, thực hiện tại nhiều quốc gia trên thế giới, kể cả Hoa Kỳ vào cuối thế kỷ 20, bởi nhiều nhà khoa bảng và khoa học, trong đó đáng kể nhất là công trình nghiên cứu của bác sĩ Ian Stevenson.

Ian Stevenson vừa là bác sĩ vừa là giáo sư chuyên khoa tâm thần tại Hoa Kỳ. Ông đã bỏ nghề đang kiếm được nhiều tiền, đi khắp nơi trên thế giới, nghiên cứu thực nghiệm về Luân hồi. Qua hơn 10 năm thực nghiệm, phỏng vấn, quan sát tại chỗ, Ông viết nhiều bộ sách giá trị, trong đó có các bộ Cases of Reincarnation và Reincarnation Type (04 tập), Twenty cases suggestive of Reincarnation và Children who remember previous lives, tất cả đều do University Press của Đại học Virginia

xuất bản.

Hiện nay, vấn đề Luân hồi tại Hoa Kỳ đã đi vào Đại học và Đại học cộng đồng, là môn nhiệm ý hay bắt buộc tùy một số phân khoa như phân khoa triết học, tâm lý, nghiên cứu xã hội, giáo dục, tôn giáo.

Báo chí Hoa Kỳ đã có bàn đến Luân hồi và các cuộc hội thảo của giới khoa học, học giả cũng thường được tổ chức. Gần đây, theo cuộc thăm dò của Viện Gallup thì ngày nay 23% người Mỹ trưởng thành tin rằng có Nghiệp báo, Luân hồi.

Vậy vấn đề Luân hồi đã được ghi nhận. Như vậy muốn tránh khỏi Luân hồi hay nếu còn bị Luân hồi chi phối thì ít nhất phải tránh khỏi ba ác đạo, người tu phải làm thế nào?

Cách tốt nhất để tránh Luân hồi vào ba ác đạo: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh là người tu phải giữ tròn Ngũ Giới. Có câu: “Ngũ Giới bất trì, thế gian lộ tiệt”, nghĩa là không hành trì Ngũ Giới thì bước đường tái sanh chuyển kiếp làm người sẽ gặp rất nhiều trở ngại. Người phạm Giới sẽ mất kiếp người nếu phạm nặng. Còn nếu phạm nhẹ, thí dụ thuộc vào loại bất định nghiệp, thì dù có trở lại được kiếp con người, đương cơ cũng phải chịu tội nguyên hay hèn kém, đó là để trả quả. Trong nhà Phật có câu:

*“Dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ thị giả;
Dục tri lai thế quả, kim sanh tại thị nhân”.*

Nghĩa là muốn biết kiếp trước ta đã gieo nhân gì, thì cứ xem kiếp này ta như thế nào; và muốn biết tái kiếp ta sẽ ra sao thì cứ xem nhân mà ta gieo tạo ở kiếp này.

Như vậy giáo lý Nhân quả hay Nghiệp báo, Luân hồi là chân lý. Gieo nhân nào gặt quả đó, trồng dưa hái dưa, trồng đậu hái đậu là lẽ đương nhiên.

Đã biết triết lý Nhân quả, hay giáo lý Nghiệp báo, Luân hồi là hiển nhiên, là chân lý, người tu nên cố gắng làm thiện làm lành. Trong kinh Pháp Bảo Đàn, tại phẩm Nghi Vấn, Lục Tổ Huệ Năng có nói: “Này thiện tri thức, thường làm mười điều lành thì Thiên Đường liền đến”, có nghĩa nếu người tu hành trì Thập Thiện viên mãn, thì chắc chắn sẽ được

siêu thăng “chín tầng Trời đến vị”, mà đến tầng nào, thấp hay cao, đó còn tùy cách tu và công tu mà chứng đắc.

Cũng vậy, nếu chưa hành trì được Thập Thiện mà còn muốn kiếp sau được tiếp tục tu, điều cần thiết là người tu phải giữ gìn Ngũ Giới để kiếp sau còn có thể giữ lại được kiếp làm người mà tu.

Làm được kiếp con người, nói khác hơn đắc được như thân trong Luân hồi chuyển kiếp là một điều rất khó.

Bài Giới Tâm Kinh thuộc Thiên Đạo có nói rất rõ:

*“Dễ gì lộn kiếp được làm người,
May đặng làm người chớ dễ duôi.
Lành dữ hai đường vừa ý chọn,
Lành như tòng dữ tợ hoa tươi.*

* * *

Hoa tươi tòng bá khác nhau xa,
Tòng bá xơ rơ kém sắc hoa.
Gặp tiết đông thiên sương tuyết bủa,
Chỉ còn tòng bá chẳng còn hoa”.

Cũng với ý nghĩa này, Đức Chí Tôn trong Đản cơ ngày 19-12-1926 có dạy: *“Loài người phải chịu chuyển kiếp ngàn năm muôn muôn lần mới đến địa vị như phẩm”*.

Ngoài ra, hằng ngày chúng ta cúng Tứ thời và nhiều khi tụng Di Lạc Chơn Kinh. Vậy Kinh Di Lạc trước tiên dạy ta như thế nào? Kinh nói: *“Khai Kinh kệ vô thượng thậm thâm vi diệu pháp, bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ, ngã kim thính văn đắc thọ trì, nguyện giải Tân kinh chơn thiệt nghĩa”*. Bá là một trăm, thiên là một ngàn, vạn là mười ngàn, kiếp là một kiếp làm người; nan tao ngộ là khó gặp được. Toàn thể câu “bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ” có nghĩa là cả trăm kiếp, cả ngàn kiếp, cả mười ngàn kiếp hay cả tỉ kiếp (nếu ba chữ bá thiên vạn kiếp cộng lại) ta đã không có dịp gặp Kinh này để tụng đọc. Mà đọc đây là ai đọc? Đó phải là bậc như phẩm mới đọc được; chớ nếu còn ở A-Tỳ hay làm ngựa quỳ, súc sanh thì làm sao đọc được.

Nói như thế có nghĩa là trước đây hoặc cả trăm, cả ngàn, cả vạn, cả tỷ kiếp, ta đã đánh mất kiếp làm người hoặc không gặp Đạo, do đó ta mới không tụng được Kinh này. Ngày nay đắc được nhân thân và gặp Đạo, quả là ta đã trải qua một hành trình đầy gian khổ và lâu dài. Chính vì lý do đó ta chớ nên đánh mất kiếp làm người của ta nữa. Một khi đã đánh mất rồi biết bao giờ mới tìm lại được. Nhiều khó khăn lắm! Với nỗi khó khăn này, trong Đạo Phật cũng có câu nói như sau:

“Thiên niên khô thọ khai hoa dị,
Nhứt thất nhưn thân vạn kiếp nan phùng”.

Nghĩa là cây khô ngàn năm mà trở được hoa còn dễ, chớ một khi đánh mất nhân thân này rồi thì biết bao giờ mới tìm lại được.

Để chứng giải hai câu nói trên, trong giáo lý nhà Phật có câu chuyện như sau: Một hôm Tổ Bá Trượng, một vị Tổ Thiên Tông đang Đàm thuyết pháp. Sau khi thuyết xong, tất cả tăng chúng lui ra. Duy chỉ có một cụ già ngồi lại mãi không về. Tổ thấy lạ bèn đến hỏi và cụ già thưa rằng:

- Thưa ngài, tôi không phải là người. Tôi là Giả hồ tinh.
Tổ Bá Trượng hỏi lý do, cụ già thưa:

- Thưa ngài, tôi trước đây cũng là một tỳ kheo trụ trì. Nhân một hôm có người đến hỏi: người tu cao có còn bị nhân quả không? Tôi trả lời không. Do đó Đức Thế Tôn bảo rằng tôi phỉ báng Phật vì Phật không có nói như vậy. Chính vì lý do này mà tôi bị phạt làm chôn 500 kiếp. Kính xin ngài gia ân cứu độ tôi.

Tổ Bá Trượng bảo: Vậy ông cứ hỏi lại ta đi, ta sẽ vì ông mà nói. Ông già đặt câu hỏi và Tổ Bá Trượng trả lời rằng:

- Người tu cao không lắm nhưn quả.

Nghe đến đây cụ già ngộ và thoát được kiếp chôn. Cụ già xin Tổ cho tăng chúng chôn giùm xác chôn của cụ ở trong hang động phía sau chùa với nghi lễ của một tu sĩ.

Câu chuyện trên đây cho thấy chỉ cần một lời nói sai mà

phải bị đọa làm thú năm trăm kiếp, cho đến khi tỉnh ngộ mới trở lại được kiếp làm người.

Như vậy, được kiếp làm người rất khó và rất lâu. Nay ta đã được kiếp làm người, ta nên cố gắng giữ để mà hưởng phước, để mà tu, tu kiếp này không siêu thăng hay giải thoát, kiếp sau tu tiếp.

Muốn giữ được kiếp làm người, điều cần thiết là phải giữ gìn ngũ Giới. Nói khác hơn, giữ được Ngũ Giới là giữ được tái kiếp làm người. Ngũ Giới thật vô cùng quan trọng.

Đạo Cao Đài có Ngũ Giới. Đạo Phật cũng có Ngũ Giới và Đạo Chúa có mười Điều Răn để tín đồ hay con chiên noi theo đó mà tu hành. Dù vậy, vẫn có một số ít người còn chấp thường hay chấp đoạn. Chấp thường là cho rằng kiếp làm người của ta sẽ còn mãi, hết kiếp này đầu thai kiếp khác cũng sẽ làm người. Chấp đoạn, như một số người thế gian, cho rằng chết là hết, do đó cần gì phải giữ Giới hay Luật làm chi cho mệt. Hai cách chấp thường, chấp đoạn đều là sai, nên tránh, vì đó không phải là con đường Trung Đạo.

* * *

Thật ra, Lý Nhân quả là sự thật hiển nhiên và giáo lý Nghiệp báo, Luân hồi hay báo ứng là chân lý bất khả tư nghì. Trong Kinh Thiên Đạo, bài Giới Tâm Kinh có dạy rõ rằng:

“Lẽ báo ứng cao thâm huyền diệu,
Cho chúng sanh đặng hiểu răn mình”.

Nghĩa là Thầy dạy người tín đồ phải tự răn mình, cố gắng dụng công giữ gìn Giới cấm, vì lẽ báo ứng rất cao thâm và vô cùng huyền diệu. Luật ở thế gian thì còn có thể lách lườn tránh né được, nhưng Luật Thiên Đình thì “dù thưa mà chẳng lọt mảy lông”. Biết như vậy, người tu nên cố gắng đìu dặt, nhắc nhở, giúp đỡ nhau để cùng tinh tấn tu hành, mà trên bước đường tu hành, việc đầu tiên là phải giữ gìn ngũ Giới.

Giữ được ngũ Giới, ngoài xã hội sẽ an bình, trong gia đình hạnh phúc vì chồng chẳng lừa vợ, vợ chẳng dối chồng, một

lòng một dạ thủy chung; phụ từ, tử hiếu chẳng những trong hành động mà cả trong ngôn từ, thì thử hỏi gia đình làm sao chẳng được an vui.

Hơn thế nữa, với lẽ báo ứng vi diệu thậm thâm, với nhân nào quả nấy, việc giữ gìn Ngũ Giới sẽ cứu độ người tu ít nhất cũng còn giữ lại kiếp làm người để mà hưởng phước, để mà tu; chớ nếu phải đọa vào địa ngục hay làm ngựa quỳ, súc sanh thì việc tu tập sẽ rất khó thực hành.

II- GIỚI VÀ NGHIỆP

Giới và Nghiệp có liên quan mật thiết. Nếu Nghiệp và Luân hồi theo nhau như bóng với hình thì sự liên quan giữa Giới và Nghiệp được ví như bộ phận máy của một chiếc xe đối với cỗ xe vậy. Người giữ Giới sẽ không tạo Nghiệp. Nhưng lìa Giới để gây Nghiệp thì bước đường tái sanh chuyển kiếp sẽ lắm khó khăn. Thánh giáo Đại Đạo có đoạn như sau:

“Ngửa thuyền Thầy đợi khách sang chơn.
Khổ hạnh khuyên con chớ dạ hờn;
Sấm nghiệp trần gian còn phải khó,
Lựa là nghi trưởng tại Bồng Sơn”.

Thầy vì thương nhơn sanh khổ ải nên thuyền cứu độ của Thầy luôn luôn sẵn sàng để đưa các con Thầy lìa cảnh tục bến mê mà trở về bờ giác. Thuyền của Thầy chực chờ sẵn đó nhưng nhơn sanh có chịu bước lên không? Nếu muốn đi tức chịu tu, chịu lên thuyền của Thầy thì trước tiên phải tập hiền, tập lành, tập giữ Giới để không tạo Nghiệp. Thầy dạy rất rõ: “Sấm Nghiệp trần gian còn phải khó”, tức người tu nếu không giữ Giới để còn tạo Nghiệp thì bước đường trở về Chơn Tâm hay Phật tánh, tìm lại Chơn Linh sẽ khó vô cùng.

Còn sấm Nghiệp trần gian là còn Luân hồi trong lục đạo và như vậy làm sao an hưởng được cảnh Thánh, Tiên, Phật là cảnh non Bồng.

Chính nhằm cứu vớt các con Thầy nên trong Đàn cơ ngày

18-1-1927 và 4 Đàn cơ năm Mậu Thìn 1928, Thầy đã ân cần nhắc nhở các con của Thầy muốn tu trước tiên phải hành trì ngũ Giới, vì Giới là căn bản.

Đạo Phật cũng vậy. Đức Phật Thích Ca đã dạy các đệ tử như sau: “Hãy tuân theo chánh pháp của ta, hãy giữ gìn Giới luật mà tu thì Như Lai lúc nào cũng gần gũi. *Nếu không theo Chánh pháp, không giữ Giới luật thì có Như Lai bên cạnh cũng chẳng giúp được gì*”.

Ngoài ra, Phật còn căn dặn Ngài A Nan rằng: “*Khi Phật còn tại thế thì kính Phật làm Thầy. Khi Phật tịch diệt rồi thì lấy Giới làm Thầy*”. Đây là bốn phận của người tín đồ giữ gìn thế luật. Đó cũng là tôn trọng giáo pháp căn bản để tránh tạo nghiệp ác.

Người tu chớ nên nghĩ rằng tu là chỉ ăn chay và hằng ngày ở nhà hay đến Thánh Thất tụng kinh gõ mõ. Những chỉ trì này dù rất cần nhưng chưa đủ. Căn bản của việc tu hành là phải tác trì làm lành, lánh dữ và không bao giờ tạo nghiệp ác. Kinh và chuông mõ có mục đích dạy dỗ và nhắc nhở người tu tập tánh hiền, làm điều thiện để tạo nghiệp lành. Chính nghiệp mới là căn bản, là động cơ dẫn dắt Luân hồi.

Nói về Luân hồi, ta biết rằng khi ta chết đi rồi thì ta sẽ bỏ lại tất cả, tiền tài, của cải, danh vọng, thân bằng quyến thuộc và kể cả thân xác này. Thế nhưng còn nghiệp, và nghiệp theo ta như bóng với hình trên bước đường tái sanh chuyển kiếp.

Để lý giải giáo thuyết Luân hồi do nghiệp dẫn, và nghiệp theo ta như bóng với hình, đạo Chúa và đạo Phật có những câu chuyện như sau: Mạnh Thường Quân, người nước Tề thời Chiến Quốc, nổi danh là người ưa làm việc nghĩa. Vốn tính rộng rãi, ông thường đem tiền cho người túng thiếu vay mượn và cho độ thân trong nhà bất cứ ai lâm cảnh ngặt nghèo. Một hôm, ông sai gia nhân qua đất Tiết để thu nợ. Ông còn dặn người gia nhân khi thu được nợ hãy lấy tiền mua sắm những gì còn thiếu trong nhà. Sau khi thu nợ xong người gia nhân trở về với hai bàn tay không và giải thích cho chủ nhân như sau: trước khi đi tôi đã

xem xét trong nhà thấy chẳng thiếu chi, duy có món “nghĩa” là thiếu. Do đó, thâu được bao nhiêu tôi đã dùng hết để mua “nghĩa” cho Tướng công.

Một thời gian sau, Mạnh Thường Quân bị giải quan và trở về đất Tiết trú ngụ. Nhớ ơn xưa, những con nợ đã đem tiền của đến giúp ông với tất cả lòng thành.

Luận giải việc Mạnh Thường Quân, đạo Chúa có nhắc nhở rằng: “Của cải vật chất đời này có thể qua đi, nhưng những nghĩa cử chúng ta làm sẽ tồn tại mãi mãi. Chúa Giê-Su đã nói với chúng ta là chớ lo thu tích của cải đời này vì trộm cướp có thể rình mò và mối nợ có thể đục khoét. Khi nhắm mắt xuôi tay, chúng ta chỉ có thể mang theo cho mình kho tàng thiêng liêng của những nghĩa cử”.

Cũng vậy, nhà Phật có một ví dụ như sau:

Có một ông trưởng giả có bốn bà vợ. Bà vợ thứ nhất một lòng trung thành với ông thế mà ông không hề nghĩ tới. Bà thứ hai được ông lưu ý phần nào. Bà thứ ba ông luôn nhắc nhở. Riêng bà vợ thứ tư thì ông ở đâu bà ở đó, không khi nào rời nhau. Đến khi ông bệnh nặng sắp chết, ông bèn gọi cả bốn bà vợ đến gần bên và hỏi rằng: tôi biết sắp chết, vậy trong bốn bà có ai tình nguyện chết theo tôi không?

Bà vợ thứ nhất nói: tôi luôn luôn trung thành chung thủy với ông; lòng tôi một giây một phút chẳng rời ông dù rằng ông bỏ tôi, không hề để ý hay nghĩ tới tôi. Bây giờ ông chết, tôi tình nguyện chết theo ông.

Bà vợ thứ hai nói: bình thường tôi được ông lưu ý nhắc nhở chút ít, bây giờ ông chết tôi xin đưa ông ra tới phần mộ.

Bà vợ thứ ba lên tiếng: Khi còn khỏe mạnh, ông thường nhắc nhở tôi liên miện. Bây giờ ông chết, tôi xin đưa ông ra tới cổng rào nhà.

Bà vợ thứ tư là bà được ông yêu thương nhất phát biểu sau cùng: lúc ông còn sống thì ông ở đâu tôi ở đó, chung chiếu chung phòng. Bây giờ ông chết, tôi chỉ có thể đưa ông ra tới cửa nhà mà thôi.

Người vợ thứ tư, được ví dụ cho tiền bạc. Tiền bạc luôn ở bên ta, nhưng khi ta chết rồi thì tiền bạc vẫn được cất trong rương hay tủ trong nhà; vì vậy mới nói chỉ đưa ra tới cửa nhà.

Người vợ thứ ba được ví dụ cho cửa cái, chỉ ở trong phạm vi rào nhà, vì thế mới nói đưa ra tới cổng rào.

Người vợ thứ hai được ví dụ cho công danh chức tước. Công danh chức tước sẽ được xưng hô tụng đọc qua điếu văn trước phần mộ, vì thế nên nói đưa đến mộ.

Người vợ thứ nhất, đó là ví dụ cho nghiệp lành hay nghiệp dữ. Nó luôn luôn bám theo người tạo ra nó như bóng với hình. Nó và người tạo ra nó chẳng khi nào rời nhau, chẳng khác nào tình nguyện cùng chết theo nhau vậy.

Tóm lại, dù với Đạo Phật hay Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, nghiệp lành hay nghiệp dữ mà lúc sanh tiền ta đã tạo ra, nó sẽ theo ta như bóng với hình trên bước đường tái sanh chuyển kiếp. Chính vì vậy mà khi còn sống ta nên cố tạo nghiệp lành, nghiệp thiện và tránh nghiệp ác, nghiệp dữ. Vì sao? Vì tất cả chúng ta ai cũng mong được siêu thoát hay ít nhất cũng còn giữ lại được kiếp làm người để hưởng phước, để tu nữa, chớ không ai muốn tạo nghiệp ác để phải Luân hồi vào ba ác đạo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

Để kết luận phần hai liên quan đến Giới và nghiệp lành, nghiệp dữ, xin được ghi lại đây những gì mà Thầy đã dạy chúng ta:

1)- Thầy dạy chúng ta tu là phải hiền, phải lành.

Thầy nói rất rõ:

“Tham chi sự thế lắm đua tranh,
Cái miếng đỉnh chung xúm giựt giành.
Bỏ hết trong cơn mê một giấc,
Trăm năm giận ngủi nhớ làm lành.

* * *

Làm lành cho trọn Phật Trời thương,
Hai chữ hơn thua chớ liệu lường.

Mừng thiệt là khi nường cảnh tịnh,
Khen chê giận ghét lẽ đời thường”.

Cũng với ý nghĩa này, trong Đàn cơ ngày 21-7-1926 tại tư gia Đức Cao Thượng Phẩm, Thầy có bảo rằng: “*Tu là chi?*

Tu là trau dồi đức hạnh cho nên hiền. Phẩm vị Tiên Phật để thưởng cho kẻ lành mới đáng phẩm vị...”.

Rõ ràng trích đoạn các phần Cơ bút, Thánh Giáo nêu trên cho thấy Thầy và các Đấng Thiêng Liêng dạy tín đồ hễ tu là phải hiền lành, vì nếu tu mà còn hung dữ thì khác nào chẳng tu.

Tu có nghĩa là sửa, mà sửa đây là sửa những gì? Đó là sửa đổi thói quen, tập khí mà ta đã huân tập từ lúc mới sinh ra và sống đời thế tục gần trọn kiếp mãi cho đến ngày ta biết tỉnh ngộ tu hành. Nói rõ hơn, ta phải sửa đổi lại ý nghĩ, hành động, lời nói để đừng tạo thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp.

Ta nên nghĩ thiện, làm lành và ngôn ngữ cũng phải thiện lành. Nếu trước đây với tâm phàm phu, ta đã lỡ làm những điều ác, nói những lời hung dữ, nghĩ những việc chẳng lành thì nay biết tu ta phải ngừng bỏ và chấm dứt cố lo tu để mà chuyển nghiệp.

2)- Thầy dạy người tu đừng nên tạo nghiệp: vì tạo nghiệp trần gian thì sẽ còn khổn khổ vô cùng, không làm sao thoát khỏi tam đồ, lục đạo. Người tu trước tiên phải làm lành, lánh dữ, để không tạo nghiệp ác dù do ngôn, thân hay ý, thì bước kế tiếp là việc tụng kinh gõ mõ mới diệu dụng được.

Có câu:

“Sân si nghiệp chướng chẳng chừa,
Bo bo mà giữ tướng đưà làm gì”.

Còn Sân là còn hung dữ chớ chẳng phải hiền lành. Còn gây nghiệp chướng chắc chắn sẽ còn thọ báo. Do đó, dù có chay lạc tướng đưà cũng chưa chắc gì gỡ được hết tội tình.

Điều quan trọng là phải hiền lành và không tạo nghiệp ác. Muốn thế, người tu phải vẹn vẻ hành trì Ngũ Giới. *Giữ tròn Ngũ Giới là tránh được Thân nghiệp, Khẩu nghiệp và Ý nghiệp.*

III- GIỚI VÀ ĐẠO.

Thầy giảng Cơ dạy Ngũ Giới là cốt để bảo vệ các con Thầy. Hội Thánh ban hành Tân Luật nơi điều 21, Chương 4, nói về Giới Cấm cũng nhằm khuyên răn tín đồ Đại Đạo.

Theo đúng lời dạy của Thầy, làm đúng như sự khuyên răn của Hội Thánh, đó là người tín đồ đã dụng công tu tập đúng theo Đạo. Do đó nên nói giữ Giới tức là giữ Đạo.

Đạo được nói ở đây là Đạo làm người tức Nhơn Đạo.

Nhơn Đạo là phần căn bản trong Ngũ Chi Đại Đạo gồm có Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo và Phật Đạo.

* * *

Nói Nhơn Đạo là căn bản vì người tu nếu muốn có thể thành Thánh, thành Tiên, thành Phật thì trước tiên phải làm tròn bổn phận con người. Nói khác hơn, khi Đạo làm người chưa tròn thì không thể thành Thánh, Tiên, Phật được.

Để lý giải Nhơn Đạo là căn bản, Thánh Ngôn có những đoạn như sau:

“Một Trời một đất một nhà riêng,
Dạy dỗ như sanh đặng dạ hiền.
Cầm mối Thiên cơ lo cứu chúng,
Đạo người vẹn vẻ mới thành Tiên”.

* * *

“Sai lầm một thuở biết ăn năn,
Năn nỉ lòng kia tự xét rằng.
*Rằng ở đời thì Nhơn Đạo trọn,
Trọn rồi Thiên Đạo mới hoàn toàn*”.

Qua Cơ Bút, Thánh Giáo, Thầy lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không những chỉ giúp các Đấng Thánh, Tiên, Phật đọa trần qui hồi cựu vị, như đã được ghi trong Đàn cơ tại Chùa Gò Kén

năm Bính Dần 1926, mà còn đặc biệt chú trọng đến việc cứu vớt các nhơn phẩm, tức toàn thể nhơn sanh đã đắc được kiếp người. Thánh thi nói rõ là ở đời Nhơn Đạo trọn thì mới mong đạt đến Thiên Đạo, có nghĩa Đạo người vẹn vẻ thì mới mong thành Tiên Phật được.

Nói rõ hơn, qua Thánh Giáo Cơ Bút, Thầy và các Đấng Thiêng Liêng nhắc nhở toàn thể nhơn sanh khi tu hành, bước quan trọng trước tiên là phải làm tròn Nhơn Đạo. Đây là một đặc trưng trong giáo pháp của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ giúp tín đồ dễ dàng dụng công trên bước đường tu tập. Sự dụng công tu tập thật ra vô cùng khó khăn nếu không thì ai cũng có thể thành Thánh, Tiên, Phật được cả.

Sở dĩ nói khó khăn vì nhơn sanh suốt cuộc đời đã bị trần thức lôi kéo, chướng nhiều tuệ ít, đắc được kiếp làm người đã khó khăn lắm rồi vì phải trải qua biết bao căn kiếp tu hành. Giờ đây, muốn từ kiếp con người bị bủa vây bởi Lục căn, Lục trần, Lục thức, tập khí dầy dầy do vọng tưởng từ vô thủy huân tập khiến vọng niệm chẳng rời, vọng tình bao phủ thì làm sao Kiến tánh thấy được Chơn Tâm hay Bản Lai Diện Mục của mình, để từ đó tinh tấn tu hành cho tự tánh thanh tịnh, chơn tâm rỗng lặng tròn đầy hầu bước lên quả Phật đại định như như.

Dù không chứng đắc được quả vị Thánh, Tiên, Phật, người tín đồ Đại Đạo nếu theo đúng lời dạy của các Đấng Thiêng Liêng, thì ít nhất cũng không bị thất “nhơn thân”. Đó là nhờ vào việc hành trì ngũ Giới. Chính vì thế mà nói rằng mục đích việc giữ Giới là giữ Đạo và Đạo ở đây là Nhơn Đạo tức Đạo làm người. “Đạo người vẹn vẻ mới thành Tiên”, đây là lời dạy của Thầy quá rõ ràng vì lòng thương các con của Ngài vẫn còn mê muội.

Thật vậy, con người vì mê muội mà không nhận ra được Chơn Tâm của mình. Mà Chơn Tâm là gì? Đó là cái dụng của Bản Thể Chơn Linh tại thế gian này, nói rõ hơn là Chơn Tướng của Chơn Linh, như lời Đức Hộ Pháp thuyết Đạo đêm 6 tháng 7 Mậu Tý (9-8-48) tại Đền Thánh.

Nhận biết được Chơn Tâm hay Phật tánh đã khó khăn, do đó trở về với Chơn Linh hay Pháp tánh lại càng khó khăn hơn nữa nếu người tu chưa hội đủ căn cơ. Dù vậy, việc giữ Đạo làm người tức Nhơn Đạo sẽ không khó khăn lắm nếu người tu biết giữ gìn ngũ Giới; không để cho tình thức xô đẩy mãi đến bến mê mà cố gắng tỉnh ngộ để trở về bờ giác.

Muốn trở về bờ giác, Đức Hộ Pháp có dạy tín đồ của Đức Ngài phải biết “Hồi Quang Phản Chiếu”. Vậy Hồi Quang Phản Chiếu là gì?

Như lời Đức Hộ Pháp thuyết Đạo tại Đền Thánh đêm Rằm tháng giêng và 9 tháng 7 năm Mậu Tý (1948) là “đem thần trí ra ngoài thể xác đặng quan sát lại mình và hành tàng của thể nhân ra sao rồi gắm lại ta ở cảnh HƯ hay THẬT...”.

Đúng như lời Đức Ngài đã dạy, đó là đem ánh sáng của Chơn Tâm, cái dụng của Bản Thể Chơn Linh mà soi rọi lại chính mình.

Dù biết vậy, nhưng cũng có người thay vì làm theo lời dạy của Đức Ngài, lại cứ để cho Lục căn chạy theo Lục trần sanh ra Lục thức rồi từ Thập Bát Giới này mà triển miên tạo nghiệp. Chính do nghiệp mà đường Luân hồi cứ miên man, không dừng, không dứt. Những vị này, với thời gian năm tháng trôi qua, theo dòng đời lôi cuốn, đã không chịu Hồi Quang Phản Chiếu, triển miên mơ màng chẳng tỉnh, mà cứ để nhãn căn phóng chiếu ra ngoài chạy theo trần cảnh, thấy người mà chẳng tự thấy mình, để biết rõ xác thân này giả hay chơn, và cảnh đang ở là hư hay thật. Rồi với sự lôi kéo của thất tình lục dục, có người sống như mọi người thế gian đang sống, đắm mê thanh sắc phù du, luyến lưu lợi danh huyền ảo mà chẳng nhớ Thánh Ngôn từng dạy:

“Phú quý lớn là giành với giựt,
Lợi danh cao bởi mượn và xin.
Trăm năm lẩn quẩn đường như nghĩa,
Một kiếp đeo đưa mối nợ tình”.

Có người sống như mọi phàm nhơn khác, cứ thấy, cứ nghe, rồi bị đắm mê và bị lôi cuốn theo cái thấy cái nghe của mình, từ đó sanh ra phân biệt đúng sai, tốt xấu, khen chê rồi thương ghét để cuối cùng tạo nghiệp.

Giờ đây, từng theo Đại Đạo, tuân theo giáo pháp Cao Đài, nếu ta hành trì đúng theo lời của Đức Hộ Pháp dạy là phải biết Hồi Quang Phản Chiếu định lại tướng diện của mình thì trước tiên ta sẽ thấy rõ con người chân thật của ta, cũng như cảnh mà ta đang ở là HƯ chứ không phải THẬT (như lời Đức Hộ Pháp đã nói). Đã thấy con người chân thật của ta đương nhiên ta biết ta phải làm gì. Việc trước nhất là làm sao cho tròn Nhơn Đạo tức Đạo làm người.

Muốn giữ tròn Đạo làm người, điều cần thiết là phải giữ gìn Ngũ Giới.

Giữ gìn Ngũ Giới ngoài việc giúp ta tinh tấn tu hành, còn cho ta nhiều lợi lạc ngay tại thế gian này. Thí dụ nếu không sát sanh hay du đạo thì làm sao bị tội tù. Nếu không tà dâm thì gia đạo luôn được yên vui hạnh phúc. Trong gia đình, ngoài xã hội, mọi người giao tiếp đối xử với nhau tâm không loạn, ý không vọng động mà trái lại nho nhã ôn hòa, ái ưu đoàn kết thì gia đình xã hội sẽ được an bình. Tóm lại, Tam cương, Ngũ thường, Tứ đức, bổn phận đối với Tổ Quốc, đạo Phu thê, tình Phụ tử, Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín; Công, Ngôn, Dung, Hạnh nếu làm tròn thì tâm ta luôn luôn an bình, mà tâm bình thì thiên hạ bình.

Tâm bình là mơ ước của mỗi nhơn sanh. Thiên hạ bình là mục tiêu của mọi đoàn thể, mọi quốc gia, mọi tôn giáo. Dù vậy, trên thực tế tâm nhơn sanh có an bình không? Thiên hạ có an bình không?

Nhìn vào sinh hoạt của các tôn giáo, trong cũng như ngoài phạm vi Chùa chiền, Nhà Thờ, Thánh Đường, Thánh Thất, câu trả lời là: cũng có và cũng không. Không là tại sao? Tại vì người tu đã không giữ tròn ngũ Giới, trước tiên thuyết thị thuyết phi, nói phải nói quấy, nói đúng nói sai, nói hay nói dở, nói tốt nói xấu, hễ tốt thì thương xấu thì ghét, đúng thì khen, sai thì chê, rồi

từ đó sanh ra ngấm ngầm hay công khai tranh chấp dưới nhiều hình thức mà không nhớ rằng làm như vậy là đã không hành trì Giới. Giới được đề cập đây là giới VỌNG NGŨ, với những nét vi tế của Giới này sẽ được đề cập ở Phần II.

PHẦN THỨ II **NHỮNG NÉT VI-TẾ VỀ GIỚI** **“VỌNG NGŨ”**

Vọng ngữ do lời nói tức ngôn ngữ. Ngôn ngữ có những đặc tánh rất vi tế mà nhiều tôn giáo có nói đến.

I- NGÔN NGŨ VỚI CÁC TÔN GIÁO

Ngôn ngữ thật vô cùng quan trọng đối với tín đồ các tôn giáo. Người tín đồ hiểu Đạo mà không thận trọng trong lời nói, Giới Vọng ngữ chẳng giữ gìn, thì cũng chưa xứng đáng với sự hiểu Đạo của mình. Cũng như người nói Đạo mà Giới không giữ thì lời nói sẽ không diệu dụng được.

Người tu cần phải cẩn thận trong ngôn ngữ, vì dù có hiểu Đạo, nói được người khác hưởng ứng, nhưng mình lại không giữ gìn Giới luật, thì lời nói đó chưa chắc cứu được mình.

Do tính cách quan trọng của lời nói mà các bậc Thánh Nhân, các vị Giáo Chủ luôn luôn kêu gọi người đời hay nhắc nhở tín đồ nên thận trọng cẩn ngôn.

1)- Với Đạo Khổng, Đức Khổng Phu Tử có dạy:

- “Cổ giả ngôn chi bất xuất, sủ cung chi bất đãi giả.” Tức người quân tử nên cẩn thận lời ăn tiếng nói của mình nói ra, vì sợ chẳng kịp lời nói mà hổ thẹn.

- “Quân tử vô sở tranh, tất giả xạ hồ”. Tức quân tử tránh tranh luận, nếu phải tranh luận thì cung kính lẫn nhau như khi bắn thi vậy.

2)- Với Đạo Lão, Đức Lão Tử trong Đạo Đức Kinh cũng có dạy như sau: “Thị dĩ Thánh Nhân xử vô vi chi sự, hành bất

ngôn chi giáo”. Tức bậc Thánh Nhân xử sự theo thái độ vô vi, không nói mà chỉ hành động để dạy người.

3)- Với Đạo Chúa, lấy yêu thương làm gốc, đức Ki Tô dạy rằng: “Nếu người anh em con có lỗi với Chúa Trời con hãy sửa trách một cách khôn ngoan. Trước tiên con hãy thực tình mách bảo, mách bảo riêng một mình con với một mình người có lỗi. Nếu người đó nghe con mà sửa đổi, ấy là con đã cứu được người anh em con. Nhưng nếu chẳng may con không làm được việc, nghĩa là người đó nhất định không nghe con, lúc ấy con hãy đem lại hai ba người đến với con, để nhờ sự chứng kiến của mấy người này, công việc của con được chắc chắn. Vậy con hãy thực tình khuyên anh em con, hãy dùng tiếng nói của lòng nhân từ và vận động mọi cách để chinh phục người có lỗi, nhưng không được tiết lộ và tuyên truyền làm mất phẩm giá của người ta”.

Với Khổng giáo, Lão giáo, Thiên Chúa giáo, các Đấng Giáo Chủ đều dạy tín đồ trước tiên phải cẩn thận trong lời nói. Nếu phải nói thì nên nói với từ tâm, nho nhã, ôn hòa và trung chính.

4)- Riêng Đạo Cao Đài, Giới Vọng ngữ được đặc biệt chú trọng nhiều hơn vì ngôn ngữ có thể gây khẩu nghiệp. Chính để tránh khẩu nghiệp, một trong ba nghiệp để trở thành định nghiệp dẫn dắt Luân hồi mà trong Đạo Cao Đài, Giới Vọng ngữ được chi tiết hóa rõ ràng và đầy đủ.

Ngoài ra, cũng như Đạo Lão với lời dạy “hành bất ngôn chi giáo”, Đạo Cao Đài trong Kinh Thiên Đạo có câu “Bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa”, và Kinh Nhập Hội, phần Thế Đạo cũng có câu “Câu Kinh vô tự độ người thiện duyên”.

Kinh vô tự đây là Kinh không chữ, kinh vô ngôn, không thể dùng văn tự ngôn ngữ để diễn đạt được mà chỉ có thể diễn đạt bằng giới hạnh, đức hạnh và bằng tâm của người tu thôi.

Tóm lại, với việc chi tiết hóa rõ ràng, đầy đủ Giới Vọng ngữ, hơn thế nữa, cũng như Đạo Lão “Hành bất ngôn chi giáo”, Đạo Cao Đài với “*Câu Kinh vô tự độ người thiện duyên*” và

“Bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa” đã dạy tín đồ tưởng tận những nét đặc trưng và vi tế về Giới sẽ được trình bày ở phần kế tiếp sau đây.

II- ĐẶC TRƯNG NGÔN NGỮ TRONG NGŨ GIỚI CỦA ĐẠO CAO ĐÀI

Ngũ Giới Đạo Cao Đài trên tổng thể cũng giống như Ngũ Giới của Đạo Phật hay mười Điều Răn của Đạo Chúa. Dù vậy, nếu nghiên cứu kỹ thì có những điểm cần được đặc biệt lưu ý. Chính những điểm đặc biệt này tạo nên một trong những nét đặc trưng của Đạo Cao Đài. Nhiều nét đặc trưng khác của Đạo Cao Đài xin được lần lượt trình bày sau, riêng bài viết này chỉ nói về ngũ Giới.

Theo Đạo Phật, Ngũ Giới gồm có: sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói láo và uống rượu. Mười Điều Răn của Đạo Chúa dù không hoàn toàn giống y Ngũ Giới nhưng cũng có nhiều điểm tương đồng.

Trong Đạo Phật, Giới cấm thứ tư là nói láo. Đệ tử Phật giáo được dạy không nên nói láo mà phải nói thật, dù rằng cũng có vị Hòa Thượng hay Thượng Tọa giải rộng thêm hơn, nhưng tựu trung chỉ chú trọng đặc biệt vào một điều, đó là “cấm nói láo”.

Đạo Cao Đài, trong phần Vọng ngữ, có bốn điều cấm rõ rệt:

1)- Vọng ngữ: Không được láo xược tức không được nói láo.

2)- Xảo ngữ: Không được nói xảo trá, gạt gẫm người, khoe mình bày lỗi người, chuyện quấy nói phải, chuyện phải nói quấy, tức không được nói thêu dệt, diễn dịch lời nói của người khác theo hậu ý riêng của mình, không được dùng lời nói để che đậy ác ý của mình hoặc nói bóng bẩy để dụ dỗ hay xúi giục người khác làm điều xằng bậy. Tóm lại, không được nói thêu dệt.

3)- Lưỡng ngữ: Không được nói hành kẻ khác; không được xúi giục người hờn giận, kiện thưa xa cách, tức không được nói

đâm thọc với mục đích gây bất hòa, tạo chia rẽ và thù nghịch. Tóm lại, không được nói như có hai cái lưỡi.

4)- Ác ngữ: Không được nhạo báng, chê bai, nói lỗ mãng, thô tục, chửi rửa người, hủy báng tôn giáo, tức nói những lời chanh chua độc ác. Tóm lại, không được nói lời độc ác.

A- Đặc Trưng I:

Chi tiết hóa ngôn ngữ với Vọng ngữ, Xảo ngữ, Lưỡng ngữ và Ác ngữ cho thấy Ngũ Giới Đạo Cao Đài đặc biệt chú trọng vào lời nói. Chính lời nói làm cho người tu dễ phạm Giới nhất mà nhiều lúc hầu như không hề hay biết. Nếu phạm bốn điều thuộc về ngôn ngữ nêu trên là đã phạm vào bốn điều ác trong thập ác. Xa rời bốn điều ác này là bước đầu đi vào bốn điều thiện trong Thập Thiện.

Như vậy, Ngũ Giới Đạo Cao Đài không những chỉ là Ngũ Giới thôi, mà đúng ra là bát (8) Giới hay thất (7) Giới trong giáo pháp Thập Thiện. Người tu giữ được thất Giới này là đã bắt đầu hành trì thất thiện, chỉ cần tu thêm tam thiện nữa thì sẽ được siêu thăng, Thiên đàng liền đến. Đây là đặc trưng thứ nhất.

B- Đặc Trưng II:

Đặc trưng thứ hai trong Ngũ Giới Đạo Cao Đài là sự chú trọng toàn diện vào Thân nghiệp, Khẩu nghiệp và Ý nghiệp, không giống như Đạo Phật đặc biệt nhấn mạnh vào thân nghiệp và chỉ một khía cạnh “nói láo” của khẩu nghiệp mà thôi. Chính ở ý nghiệp và khẩu nghiệp mà con người rất dễ sai phạm.

a/- Về ý nghiệp:

- Người tín đồ trì Giới du đạo ngoài việc không được trộm cắp, còn bị cấm không được sanh lòng tham của quấy, để ý hại người. Như vậy, ngay tại ý phát sanh ác nghiệp tham lam, người tín đồ cũng không được phạm.

- Về Giới tà dâm, ngoài việc cấm lấy vợ chồng người, thả theo đàn điểm, người tín đồ còn bị cấm không được thấy sắc dục lòng tà. Lòng tà đây là ý nghiệp, dù rằng khẩu chưa tác động, thân chưa thực hành nhưng đã có ý thì bất định nghiệp

cũng đã hình thành.

b/- Về khẩu nghiệp:

Không được lường gạt của người tức dùng lời nói hay mưu chước chiếm đoạt của cải tài sản người khác; không được dùng ngôn ngữ xúi giục người làm loạn luân thường hoặc lấy lời gieo tình huê nguyệt. Nói khác hơn, dùng lời nói để toan lường gạt của người, xúi giục tà dâm hay gieo tình huê nguyệt là đã mang lấy khẩu nghiệp rồi.

Tóm lại, Ngũ Giới Đạo Cao Đài, ngoài thân nghiệp còn chú trọng đặc biệt vào ý nghiệp và nhất là khẩu nghiệp.

Với thân nghiệp, người tín đồ dễ thấy và dễ tránh nên đã không sát sanh, trộm cướp, tà dâm. Nhưng với khẩu nghiệp, đây là phạm vi mà nhiều người thường hay phạm.

Giáo lý, hay nói rõ hơn Ngũ Giới Đạo Cao Đài đặc biệt nhấn mạnh vào phạm vi khẩu nghiệp. Đây là đặc trưng thứ hai nhằm dạy tín đồ không những tránh nghiệp ở thân, mà quan trọng nhất là phải tránh nghiệp ở khẩu. Nghiệp thân và khẩu là hai loại nghiệp nếu phạm vào có thể tạo thành định nghiệp, nguyên nhân dẫn dắt Luân hồi.

Đã biết tạo khẩu nghiệp có thể phạm vào định nghiệp dẫn đến Luân hồi, ấy vậy mà vẫn có người thường phạm phải là tại sao? Tại vì con người luôn luôn quen nói và hay nói. Nhưng lời nói có thật hay không? Để trả lời câu hỏi này, và cũng để phá chấp danh ngôn, xin được lạm bàn về thật tướng của lời nói với những nét vi tế của nó.

III- NHỮNG NÉT VI TẾ CỦA NGÔN NGỮ

Ngôn ngữ hay văn tự là những ước lệ do người đời đặt ra để dùng cho một nhóm người, một địa phương, một bộ lạc, hay một dân tộc nào đó. Người đời ghép những chữ thành câu, những tiếng thành lời để diễn tả những ý nghĩ, hành động, thói quen, tập quán v.v. Tùy theo địa phương, bộ lạc hay dân tộc mà lời nói hay văn tự được gán cho một ý nghĩa nào đó mà người đời chấp theo để rồi tạo nghiệp.

Thật ra, lời nói hoặc văn tự là những pháp hữu lậu và tương đối, không có thực thể, không diễn tả được Chân Lý Tuyệt Đối, vô lậu. Dù vậy, thói thường người đời ai cũng thích nghe lời nói thuận tai, tránh nghe lời nói nghịch tai mà đã quên quán chiếu bản thể lời nói là không thật, chỉ do duyên hợp mà thôi.

Thật vậy, ngôn ngữ, lời nói, kể cả văn tự, bản thể của nó là “không”. Không đây là không có tự tánh, tức tự tánh của nó không thật, chớ chẳng phải là không ngưng, không có gì hết. Nói khác hơn, ngôn ngữ hay lời nói tự tánh của nó là không nhưng do duyên hợp nên giả “có” mà thôi.

Để lý giải tánh không của ngôn ngữ hay lời nói, xin được đơn cử những thí dụ và hình ảnh như sau:

A- Ngôn ngữ tự tánh là “Không”.

- **Thí dụ 1:** Có một anh nọ cha mẹ đặt tên là Hiền nhưng anh ta không hiền tí nào cả. Anh thường làm những điều ác, xâm phạm luân thường đạo lý v.v. Như vậy, tên Hiền mà người đời thường dùng gọi anh, để gán vào cho cái tâm sân si, cái thân tham lam độc ác của anh đó chỉ là danh ngôn giả lập hoàn toàn trái ngược với bản chất của con người anh. Nói khác hơn, tiếng gọi, danh ngôn không diễn tả đúng bản thể, và bản thể lại hoàn toàn trái ngược lại danh ngôn, lời gọi, tên đặt. Nói rõ hơn, tên đặt, tiếng gọi, lời nói, danh ngôn, chỉ là giả danh chớ không thật nghĩa. Nó không có tự tánh đúng như người ta đã gán cho nó.

- **Thí dụ 2:** Ta nói cái đồng hồ. Tự lời nói ấy không phải là cái đồng hồ mà thật ra đồng hồ là đeo trên tay, để trên bàn, treo trên tường, chớ lời nói nào phải cái đồng hồ. Vậy lời nói chỉ là giả lập, duyên hợp chữ “đồng” và chữ “hồ” để tạo thành một giả tướng đồng hồ chớ tự tánh của nó, tự bản thể của lời nói không phải là cái đồng hồ.

- **Thí dụ 3:** Anh A nói anh B là con chó. Sự thật anh B nào phải là con chó mà là con người. Vậy khi anh A nói anh B là con chó thì anh B có trở thành con chó không, có mọc đuôi, mọc bốn chân thay vì hai chân không. Chắc chắn là không. Thí dụ này một lần nữa cũng cho thấy ngôn ngữ hay lời nói chỉ là

danh ngôn chớ không có thực nghĩa, không có tự tánh.

Các thí dụ nêu trên chỉ rõ lời nói tự bản thể nó là không gì cả. Lời nói dùng để chỉ một cái gì (như cái đồng hồ) chớ tự nó không phải là cái đó; hoặc lời nói dùng để khen, chê, chưởi, rửa v.v. như trường hợp anh A chưởi anh B là con chó, nhưng thật ra anh B đâu phải là con chó mà là con người. Vậy là anh A duyên hợp lời nói dùng tiếng “con” và tiếng “chó” để tạo ra một giả tượng sai sự thật. Đã biết là sai, là quấy rồi, vì chưởi rửa là sai quấy, là ác khẩu, là tạo nghiệp, tại sao người ta lại cãi vã gây gổ và đôi khi có thể đi đến ấu đả nữa. Đã biết A nói sai quấy, sai sự thật thì lẽ ra B nên thấy rằng A vì điên loạn nói bậy không đúng, vậy bỏ đi. Bây giờ B lại gây gổ với A.

Như vậy, có phải B đã tự mình dẫn thân vào chuyện điên đảo, chuyện sai, chuyện bậy không. Nếu cãi vã hay ấu đả nhau thì ai cũng sẽ quấy cả, chỉ có quấy trước hay sau, nhiều hay ít mà thôi. Thế nhân thường vấp phải những chuyện như thế này là vì do chấp: chấp ngã, chấp danh ngôn. Đây là hai thứ chấp đã làm cho người ta điên đảo, đau khổ. Ngày nào con người còn chấp thì phiền não và khổ đau vẫn còn.

Để phá chấp, người tu cần phải thấy rõ thật tướng của sắc thân, vọng tâm và danh ngôn. Tất cả ba đều là sanh diệt tức có rồi mất, không thường hằng.

Nhằm thấy rõ sự vô thường của cả ba đều HƯ chớ không phải THẬT hầu tránh phát ra ác ngôn, tạo ác nghiệp, người tu cần phải rõ lý trong Kinh tụng đọc hằng ngày và nên nghe theo lời Đức Hộ Pháp dạy, phải thường xuyên *Hồi Quang Phản Chiếu*, vì như Đức Ngài đã nói: “. . . quan sát lại mình và hành tàng của thế nhân ra sao. . . rồi găm lại ta đang ở cảnh HƯ hay THẬT.”

B- Ngôn ngữ do duyên hợp chớ bản thể là “Không”.

Thật vậy, ngôn ngữ bản thể của nó là “không”, chỉ do duyên hợp mà thành. Như một người khan tiếng đến tắt tiếng thì làm sao nói được. Người câm, người bị thụt lưỡi, hay bị cắt mất cái lưỡi thì cũng không nói được. Một người khác, nếu cứ mím

chặt cứng đôi môi thì làm sao phát ra thành lời. Nói như vậy để thấy rằng lời nói tự nó không có mà do duyên hợp của môi, lưỡi, âm thanh, óc, cổ, họng, phổi, lồng ngực hợp lại mới tạo thành được. Nếu một trong tám yếu tố nêu trên mất đi thì tiếng nói cũng mất theo. Nói khác hơn, lời nói tự bản thể của nó là “không” mà chỉ do duyên hợp nên giả “có” mà thôi.

Vạn pháp trên thế gian, kể cả thân xác này cũng vậy, đều do duyên hợp. Hễ duyên còn hợp thì vẫn còn mà duyên tan thì bại hoại ly tán, là mất. Lời nói cũng thế. Nếu tám yếu tố tạo thành ra nó còn thì nó còn, nhưng nếu một trong tám yếu tố tạo thành ra nó mất thì nó cũng biến mất. Nó chỉ là một giả tướng duyên hợp, hay nói rõ hơn, là tướng tùy duyên tạm có chứ không có thực thể.

Đã biết bản chất lời nói không thật thì tiếng khen, tiếng chê, tiếng chửi rửa do lời nói tạo thành có thật không? Cũng không thật. Người tỉnh thấy không thật nhưng người mê trái lại vẫn cho lời nói là thật vì họ chấp thân, chấp tâm và chấp cả danh tự ngôn ngữ. Chính do sự cố chấp này đã làm cho con người điên đảo, phiền não, tâm loạn rồi từ đó sanh ra khẩu ý chẳng lành.

Ngày nào con người chưa thấy rõ thế nào là HỮU thế nào là THẬT như lời Đức Hộ Pháp đã dạy, ngày nào con người chưa tỉnh vẫn còn mê, còn chấp thì ngày đó phiền não vẫn đầy đầy.

Chỉ có sự tỉnh giác, thấy được chân tướng của mọi sự vật, của thân, của vọng tâm và của ngôn ngữ với bản tánh vốn “không”, duyên hợp giả “có”, thì mới đưa được con người ra khỏi cảnh phiền não và khổ đau.

C- Ngôn ngữ không thật và không phải là sự thật.

Xin kể ra đây một câu chuyện mà các Thiền Sư cũng thường nhắc đến để chỉ nhiều khía cạnh trong đó có khía cạnh ngôn ngữ không thật và không phải là sự thật.

Câu chuyện như sau:

Có một thầy tu nọ vì muốn việc tu hành của mình được mau tinh tấn nên đã lìa gia đình đi vào rừng cất một cái cốc để tu. Hằng ngày, vào buổi sáng ông ra làng gần đó khát thực và đến trưa trở về cốc tịnh tu. Ngày lại tháng qua, một hôm ông lâm bệnh nặng không còn đi được nữa. Ông nằm một mình trong cốc.

Một hôm, có một cô gái vào rừng kiếm củi. Cô gái vô tình đi đến cái cốc của thầy tu. Cô thấy ông nằm run rẩy và nóng sốt. Với lòng từ tâm muốn cứu giúp người tu hành, cô chạy vội về nhà lấy thuốc và thức ăn mang đến cho ông. Cô lo việc đó được vài ngày thì có nhiều người trong làng để ý. Họ rình mò theo dõi và thấy cô gái đang ở trong cốc với thầy tu. Họ nghĩ rằng giữa thầy tu và cô gái này đã có tư tình. Việc này được đồn lan ra và cả làng đều biết.

Thầy tu sau khi hết bệnh đi khát thực trở lại như thường lệ trước đây. Khi vào làng ông thấy dân làng nhìn ông với cặp mắt khinh miệt và thái độ đối xử khác hẳn khi xưa, không còn kính trọng nữa. Ông tìm hiểu và cuối cùng được biết đã có những lời đồn vang ông tư tình với cô gái. Họ nói ông tu mà phạm Giới nên không cúng dường nữa.

Thầy tu buồn lắm vì ông giữ giới hạnh rất cẩn thận, thế mà bây giờ người ta lại nói ông phạm Giới. Ông nghĩ chỉ có cái chết mới minh oan được cho ông. Ông bèn đến một gốc cây thắt một cái vòng trên cành để treo cổ tự tử. Khi ông sắp đưa cổ vào vòng thì có vị thần hiện ra.

- Vị thần hỏi ông vì sao mà phải tự tử.

- Ông kể lại hết câu chuyện và kết luận rằng ông đã hành trì Giới cấm rất nghiêm nhặt thế mà bây giờ người ta lại nói ông phạm giới làm cho ông đau khổ không chịu nổi nên phải tự vận.

- Vị thần hỏi ông đã tu được bao lâu rồi.

- Ông trả lời mới tu được hai năm.

- Vị thần nói với ông rằng: “Ông đã tu được hai năm, và bây giờ người ta nói ông thành Phật rồi, vậy ông có thành Phật được không?”

- Ông trả lời làm sao ông thành Phật được vì công tu thì còn ít quá.

- Vị thần bèn nói tiếp rằng: “Người ta nói ông thành Phật nhưng vì công tu còn ít, ông không thành Phật được. Vậy người ta nói ông phạm Giới, nhưng ông không phạm Giới, vậy ông có trở thành phạm Giới được không?”

Nghe đến đây thầy tu tỉnh ngộ, bỏ ý định tự tử, bái tạ vị thần và lui về cốc tiếp tục tu hành.

Câu chuyện này cho thấy người đời khi nói là do nghi ngờ, vui buồn hay thương ghét .v.v. mà nói thôi, chớ lời nói ấy không hẳn là thật, không phải là sự thật tức lời nói chỉ có danh ngôn chớ không có thực nghĩa.

Đã biết lời nói không có thực nghĩa vậy thì chấp nó làm gì. Cũng chính vì chấp nó mà người ta luôn luôn bị đau khổ và phiền não phủ vây. Khi con người vẫn còn chấp ngôn ngữ là thật, các pháp thế gian là thật thì lúc đó con người vẫn còn phiền não và đau khổ triền miên.

Nếu các pháp là thật thì được là mừng, mất là khổ, khen thì vui, chê thì buồn, và cứ như thế mà bị cuốn trôi trong vòng sinh tử Luân hồi biết đến ngày nào mới thoát ra được.

Chỉ khi nào con người thấy rằng ngôn ngữ cũng như các pháp thế gian không thật, mà chỉ có giả tướng, do duyên hợp tạo thành, nên tạm gọi là “có”, chớ thật ra tự tánh hay bản thể của nó vẫn “không”, thì ngày đó mọi phiền trước thế gian, dù con người không muốn cũng tự nó tiêu trừ. Giả dụ có một người chửi ta nhưng ta hỉ xả, chỉ cười thôi và không chửi lại, tức ta không nhận tiếng chửi rửa ấy.

Như vậy tiếng chửi kia sẽ đi về đâu? Nó sẽ tan biến vào hư không, vào cõi vô sanh mất dạng, ngoài ra còn trở ngược lại người đã dùng ngôn ngữ để chửi ta nữa. Họ chửi là đã hành ác khẩu mà ác khẩu có ở đâu thì ác nghiệp tùng theo đó, rồi ác nghiệp này sẽ dẫn dắt con người đi vào ác đạo Luân hồi.

Vậy ta nên giận hay không nên giận người chửi ta?. Ta không nên giận mà trái lại còn dùng từ tâm để hỉ xả cho họ nữa. Biết rằng họ vì nhất thời mê muội tạo ác nghiệp do ác

khẩu thì tội nghiệp cho họ lắm vì họ phải trả vay. Lời nói, tiếng chửi không cắt được da, xẻ được thịt, nhưng nếu ta chấp nó, thì tự thấy đau thấu tận tâm can. Nhược bằng không chấp, vì nó chỉ là danh ngôn, là giả tướng chớ có thật đâu, vậy *chấp làm chi, như thế tâm ta vẫn an nhiên tự tại, con đường Đạo rộng mở thênh thang.*

D- Ngôn ngữ là “không”, theo Kinh Kim Cang, Niết Bàn Lăng Già:

1)- Trong Kinh Kim Cang, nơi đoạn 7 với tiêu đề “Vô đắc - Vô Thuyết”, Đức Phật hỏi ngài Tu Bồ Đề:

“Này Tu Bồ Đề, ý Ông nghĩ sao? Như Lai được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác chăng? Như Lai có nói pháp chăng?.

Tu Bồ Đề thưa: “Như con hiểu qua nghĩa Phật nói không có Pháp nhất định tên là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cũng không có Pháp nhất định Như Lai có thể nói. Vì cớ sao? Vì *Pháp Như Lai nói đều không thể chấp, không thể nói, chẳng phải pháp, chẳng phải phi pháp . . .*”.

Tại sao Đức Phật lại bảo rằng pháp Như Lai nói đều không thể nói? Tại vì thật tướng của Pháp xa lìa ngôn thuyết, nói rõ hơn, ngôn thuyết không thể nói tới được Chân Lý Tuyệt Đối như là Đạo. Đối với Chân Lý Tuyệt Đối, ngôn ngữ có thể dùng để chỉ cho thấy mà thôi. Vì lý do này nên trong nhiều chùa có tượng Đức Phật đang đứng và ngón tay chỉ lên trời. Đây là Phật dùng ngón tay để chỉ mặt trăng. Ngón tay giả dụ cho ngôn ngữ, cho Phật thuyết, còn mặt trăng giả dụ cho Chân Lý Tuyệt Đối là Đạo. Ngón tay không phải là mặt trăng. Ngón tay dùng chỉ mặt trăng ở trên cao xa xôi chớ không chạm tới mặt trăng được. Nói khác hơn, ngôn ngữ được dùng để chỉ Chân Lý Tuyệt Đối chớ ngôn ngữ không nói tận cùng Chân Lý Tuyệt Đối là Đạo được và ngôn ngữ cũng không thể là Chân Lý Tuyệt Đối.

Ngôn ngữ hay ngôn thuyết được lập để phá trừ những tư tưởng lầm lẫn của chúng sanh, vì chúng sanh còn mê muội và cần phải được cứu độ nên không thể không nói, do đó mà phải dùng ngôn ngữ để lập ngôn thuyết. Nhưng ngôn thuyết tự nó

không có thực tướng như đã nêu ở A.B.C . . . , vì thế nên Phật bảo “nói mà không nói”. Nói là để chỉ, để cứu độ chúng sanh. Không nói là không nói đến nổi, không nói hết được Chân Lý Tuyệt Đối.

2)- Trong Kinh Niết Bàn hay Kinh Lăng Già, Phật nói: “Ta nói pháp 49 năm chưa từng nói một chữ”. Tại sao vậy? Tại sao Phật có nói pháp mà lại bảo rằng chưa từng nói một chữ? Như vậy là Phật phủ nhận những lời Phật đã nói hay sao? Nếu hiểu theo nghĩa Phật phủ nhận tất cả những lời Phật nói thì tất cả Kinh nhà Phật phải đem đốt hết vì đó là Phật Pháp do Phật thuyết mà có. Nhưng không phải vậy.

Pháp mà Phật nói chia ra làm hai phần:

a/- Pháp là phương thức Phật giáo hóa chúng sanh, đó gọi là Phật Pháp. Đó là Pháp mà Phật nói 49 năm lập thành tạng Kinh gọi là Phật Pháp để dạy chúng sanh noi theo đó mà tu.

b/- Còn Pháp là Pháp Tánh là cái sẵn có trước Phật chứ không phải đợi đến khi Phật ra đời mới có. Phật ngộ được Pháp Tánh đó nên thành Phật, mà Pháp Tánh không thể dùng ngôn thuyết nói tới nổi. Vì vậy, đứng về mặt Pháp Tánh, Phật chưa nói một chữ, vì ngôn ngữ là hữu vi, nằm trong đối đãi, là sanh diệt còn Pháp Tánh là vô vi, thoát ngoài đối đãi, là không sanh không diệt.

Như vậy, kinh Kim Cang, Niết Bàn và Lăng Già cho thấy sự giới hạn của ngôn ngữ.

Ngôn ngữ hay văn tự dùng để chỉ rõ giáo lý, giáo pháp cho người tu noi theo đó mà tu thì lợi lạc vô cùng. Nhưng ngôn ngữ được dùng để tranh luận, nói phải nói quấy, nói hơn nói thua, khen chê để rồi thương hay ghét thì chỉ làm cho con người càng sa đọa, càng xa Đạo mà thôi.

E- Ngôn ngữ hạn hẹp theo Đạo Đức Kinh.

1)- Trong Đạo Đức Kinh, Đức Lão Tử có nói: “Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri”.

Nếu cứ hiểu một cách nôm na thì hai câu trên có nghĩa là biết thì không nói mà nói thì không biết gì cả.

Với nghĩa nôm na như vậy có đúng không?

Nếu con người hiểu được rằng tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức, vạn vật vô thường, thế gian vô ngã cũng như theo lời của Đức Lão Tử bảo rằng: “Nói là không biết gì cả”, vậy thì thôi còn nói đúng sai, phải quấy, tốt xấu, khen chê nữa để làm gì.

Thật vậy, thế gian là vô thường vì có cái gì, kể cả thân xác này thường hằng mãi mãi được đâu. Nói vô thường vì nó biến đổi thường xuyên để đi đến biến hoại. Sự hoại diệt này làm cho người đời rất sợ. Người đời sợ vô cùng khi nghe nói đến nó. Sợ đến nỗi người đời hình dung nó như là một con quỷ đến để hợp hồn.

Nhằm để chỉ sự ác nghiệt của con quỷ này và để khuyên nhủ tín đồ rán lo tu mà trong Kinh Sám Hối phần Thế Đạo có câu “Quỷ vô thường sẵn chực đem đi”, và trong Đàn cơ bằng tiếng Pháp ngày 19 tháng 12 năm 1926 có nói: “Donnés par un humain, ils ne sont que trop humains. Ce qui vient d'un homme n'a rien de résistant. C'est sujet à détérioration. Ils sont détruits dèsqu'on enlève la vie de celui qui les détient”, để chỉ sự vô thường.

Vô thường thật sự là một định luật thiên nhiên và tự nhiên không thể thay đổi hay đổi đời. Nó chi phối vạn vật trên thế gian này, kể cả con người. Với con người thì sinh, lão, bệnh, tử; với sự vật thì thành, trụ, dị, diệt; còn với thế giới vũ trụ thì thành, trụ, hoại, không. Đây là luật Tuần Hoàn của Tạo Hóa mà không một ai, không một sự vật nào bước ra khỏi hay đứng ngoài được. Biết như vậy không phải để cho con người bi quan, buồn lòng nản chí, mà thấy được như vậy là thấy sự thật, là chánh kiến. Sự thật trong vũ trụ và trên cõi đời là y như vậy.

Thánh Giáo Đạo Cao Đài có 04 câu như sau:

“Thơm tho chi lăm cũng mùi đời,
Chưa kể dùng nên của để chơi.

Mua bán lọc lừa như buổi chợ,
Về nhà chưa tối đã qua đời”.

Đời của con người là như thế. Nó như một giấc mộng dài. Con người có thể sống đến tám chín mươi tuổi nhưng cũng có thể thấy đó rồi mất đó. Có ai tránh được cái chết đâu.

Hễ có sinh là phải có tử. Biết sinh tử là lẽ đương nhiên, thành, trụ, hoại, không là lẽ bản nhiên như nhiên, tại sao con người không dùng quảng đời mình với lòng từ tâm ban bố thiện lành cho đồng loại và cố gắng tu trì. Hơn thua nhau chỉ một lời nói, mà lời nói có thật đâu. Nó không có thật thể mà chỉ giả danh thôi. Vậy chấp nó làm gì chỉ chuốc lấy phiền não và khổ đau thôi.

2)- Thật ra với câu “Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri”, Đức Lão Tử muốn chỉ cho người ta biết rằng lời nói không có khả năng diễn tả nổi cái lý vô vi của vũ trụ, không thể nói tới nổi bản nguyên của vũ trụ là Đạo.

Ngay trong chương đầu của quyển Đạo Đức Kinh. Đức Lão Tử đã nói: “Đạo khả đạo phi thường đạo, danh khả danh phi thường danh”, có nghĩa Đạo là bản thể của vũ trụ cho nên khó có thể dùng ngôn ngữ để phân tách thông suốt được. Đạo là vĩnh cửu bất biến không thể diễn tả được bằng ngôn ngữ. Điều này cho thấy khả năng hạn chế của văn tự ngôn ngữ, vì văn tự ngôn ngữ vốn giả lập, chỉ có giả danh.

Đã biết văn tự ngôn ngữ vốn giả lập và chỉ có giả danh, vậy thì thôi ăn thua nhau chi từng lời ăn tiếng nói làm gì. Nếu phải nói thì nên cố gắng nói thiện lành, thương yêu, hòa ái, bằng ác khẩu thì chỉ tạo thêm ác nghiệp có giúp ích được gì trong bước đường tu tập đâu.

Có câu:

“Lời nói khỏi mất tiền mua,
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”.

* * *

IV- NGÔN NGỮ VÀ VỌNG NGỮ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

Đạo Cao Đài được thành lập tại nước Việt Nam, Kinh Kệ và Cơ Bút viết bằng Việt ngữ, hầu hết với lời lẽ trong sáng và dễ hiểu.

Trong việc dạy dỗ tín đồ cũng như người đời qua Kinh Cơ, Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng đặc biệt chú trọng vào lời nói hay ngôn ngữ, nhất là Giới Vọng Ngữ mà tín đồ hay người đời thường dễ sai phạm nhất.

Với người đời mà phần nhiều vẫn còn mê chưa tỉnh nên việc chấp ngã, chấp ngôn còn rất sâu nặng. Vì còn mê lầm nên nhiều người thường coi lời nói như một phần không thể thiếu trong đời sống của mình. Có người cái gì cũng nói, gặp đâu nói đó, nói ma, nói Phật, có khi nói rồi cũng không biết mình đã nói những gì. Sở dĩ người đời hay nói, nói ma, nói Phật là cũng tự tâm mà ra. Hễ tâm ma thì nói theo ma, còn tâm Phật thì nói như Thánh nói.

Thật vậy, cũng là lời nói nhưng có lời nói của ma và lời nói của Thánh hay Phật. Ma nói là do tâm ma, nói để tranh giành cái thấy, cái biết, khoe khoang cái hay cái giỏi của mình. Ma nói là do chấp tướng, mà bất cứ lời nói nào do chấp tướng đều là hư vọng, vì tự tướng nó đã là hư vọng rồi (Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng). Nói do chấp tướng, do vọng thức phân biệt, do tâm thức chấp trước, tức do tình mê nương theo kiến chấp dấy lên, tất cả đều là lời nói của ma. Lời nói của ma thường để đe dọa, áp đảo, mê hoặc hay cám dỗ, khác với lời nói của Thánh hay Phật là để chỉ rõ cho nhơn sanh thấy chỗ tốt cùng của Chơn Lý, rồi từ đó lập ngôn.

Ma ở khắp cùng trong thế gian. Ma là bốn chương ngại cản trở bước đường tỉnh ngộ của người đời và sự tu trì của tín đồ các Đạo. Chúng chẳng những xuất hiện đầy dẫy ngoài xã hội, mà còn hiện diện ngay cả trong Thánh Thất, trong Chùa, như trong Thánh Ngôn đã nói:

“Bày đàn ai khéo sắm đàn giây,
Để quỷ để ma ở cả bày.
Lần bản cứ theo toan cám dỗ,
Làm cho nên nổi Đạo xa Thầy”.

Giáo lý Đạo Cao Đài cũng như Đạo Phật có chỉ rõ ma cũng đó mà Phật cũng đó; nói khác hơn, địa ngục cũng là ta, súc sanh ngã quỷ cũng là ta, con người cũng là ta và Thần, Thánh, Tiên, Phật cũng là ta. Hễ ta lạm sát giết người tức là ta đã tự mở cửa địa ngục cho ta rồi. Hễ ta chửi rửa, đánh đập, hiếp đáp người thì khác nào con cọp gầm gừ rồi cắn xé con nai. Hễ ta dùng lời ngon tiếng ngọt dụ dỗ để hại người, hoặc hăm dọa, dùng thủ đoạn để bắt người khuất phục thì có khác nào mưu mô chước quỷ của loài ngã quỷ. Nhưng nếu ta nhận biết và giữ gìn nghiêm ngặt Ngũ Giới thì ta hiện tại là con người và ít nhất sẽ là con người ở kiếp sau chắc chắn. Hơn thế nữa, nếu tâm ta thanh tịnh thì ta là Hiền, Thánh và biết tự giác, giác tha viên mãn thì quả Phật sẵn chờ.

Tóm lại, hiện tại ta là con người nhưng biết đâu tiền kiếp nào đó ta là súc sanh có công tu được chuyển kiếp người hoặc ta là Thánh, Tiên vì lầm lỗi mà bị đọa trần. Điều này được nói rõ trong Đàn cơ năm Bính Dần 1926 tại chùa Gò Kén Tây Ninh. Thầy nói: “Trần là cõi khổ để đọa bậc Thánh Tiên lầm lỗi”, và trong Thánh Giáo Thầy cũng có dạy:

“Một ngày thốn morn một ngày qua,
Tiên Phật nơi mình phải ở xa,
Luyện đặng tinh thông muôn tuổi thọ,
Cửa Tiên xuất, nhập cũng như nhà”.

Biết con người có người cốt Tiên hay Phật, và cũng dễ trở thành ma chỉ do tâm ma mà ra, nên Thầy ân cần tha thiết khuyên bảo con Thầy rán lo tu để trở về ngôi xưa vị cũ là Thánh, Tiên hay Phật.

Trong quá trình dụng công tu tập, người tín đồ dễ tránh nghiệp thân nhưng khẩu nghiệp thì lại khó hơn nhiều. Dù người tu không phạm vọng ngữ, xảo ngữ, lưỡng ngữ và ác ngữ, nhưng với một lời nói đùa thôi thì cũng đủ để tạo nghiệp rồi, chẳng hạn như sự dễ vui có thể trở thành ác khẩu. Thí dụ có một anh đánh bạc thua phải bán tất cả tài sản và vợ chồng gây gổ đi đến ly dị. Anh đã đau khổ lắm rồi và nỗi khổ đau ấy luôn luôn vằng vặc. Có người gặp anh ấy vừa cười vừa nói đùa: “Ê, lúc này chắc đánh bài cao lắm rồi hả?”. Câu hỏi dễ vui, chỉ vô tình có thể nhắc lại sự đau khổ của anh và âm thầm khơi dậy nỗi khổ đau càng thấm thiết hơn nữa.

Làm cho người khác đau khổ dù chỉ lời nói dễ vui cũng là phạm khẩu nghiệp, là có tội. *Bất cứ lời nói nào gây đau khổ cho người khác là có tội.*

Do những nét vi tế của ngôn ngữ dễ tạo thành khẩu nghiệp nên trong Đạo Cao Đài, Thầy luôn luôn ân cần nhắc nhở tín đồ:

A- Nên nói thật nếu cần phải nói. Nên liệu lời mà nói. Nói đúng chỗ, đúng nơi, đúng lúc. Nên nói ít chớ đừng nói nhiều.

Thầy dạy:

“Tích phước con ơi, tích phước con,
Con còn lững lú lắng nghe con.
Con thương con trẻ là thương Đạo,
Đạo chẳng ở xa ở tại con”.

Và:

“Định ninh Thầy dạy trẻ đôi lời,
Mình biết phận mình giữ đó thôi;
Mặc kẻ thường tình ngu biếm nhỏ,
Phải coi nên chỗ để nên lời”.

Thầy bảo tín đồ “phải coi nên chỗ để nên lời”, tức phải lựa lời mà nói để lập ngôn. Lập ngôn có nhiều ý nghĩa rất thâm

diệu, nhưng quan trọng nhất và quý nhất là ở chỗ làm sao lời nói cảnh tỉnh được người.

B- Đừng nói xảo mị. Đừng nói với mưu kế gian. Đừng nói khen chê và đừng dị nghị việc người:

Trong Đàn cơ ngày 20 tháng 2, 1926 Thầy dạy rất rõ: “Thầy cấm các con dị nghị việc người”. Và trong Thánh Ngôn Thầy dạy như sau:

“Cho hay Trời Phật rất công bình,
Trước mắt thờ thờ thấy phép linh.
*Huyền diệu mũi kim qua chẳng lọt,
Đừng đừng xảo mị gọi tài tình.*

Và:

“Cung trướng chim đở thế nào đang,
Mất phước ôn nhu ấy mất nhàn.
Quyền biến dầu dùng khi buổi ngặt,
Dẫn lòng nhớ tránh kế mưu gian”.

Dùng kế mưu gian cốt để hại người bằng cách nói đâm thọc, nói như mình có đến hai cái lưỡi để gây bất hòa, hờn giận, thù hận; dùng lời nói xảo mị thêu dệt, diễn dịch ý tưởng của người khác theo ý riêng của mình với mục đích gây chia rẽ, xào xáo, mất đoàn kết, cả hai loại ngôn ngữ này đều tạo nên khẩu nghiệp. Đây là hai trọng tội về khẩu.

Ngoài ra, với nghiệp ngôn “dị nghị việc người” tưởng rằng không tội, mà nếu không tội thì Thầy ân cần dặn dò nhắc nhở làm gì. Trong Đàn cơ dạy về “Bất Vọng ngữ” năm Mậu Thìn 1928, Thầy bảo: “Nơi Tòa phán xét, chẳng một lời nói vô ích mà bỏ, nên Thầy dạy các con phải cẩn ngôn, cẩn hạnh, *thà là các con làm tội mà chịu tội cho đành, hơn là các con nói tội mà phải mang trọng hình đồng thể.”*

Lời dạy của Thầy quá rõ ràng. Dị nghị việc người dễ mang trọng tội. Dị nghị việc người là đem việc người ra mà bàn tán. Thế rồi quen bàn tới, tán lui mãi làm cho tâm loạn trở thành thói quen hay nói.

Thói thường, con người với tánh nét tán kỹ hủy tha, khen mình chê người nên hay nói. Có người để khen mình mà nói, để chê người mà nói, phải cũng nói, quấy cũng nói, đúng cũng nói, sai cũng nói, hay cũng nói, dở cũng nói, nói mãi rồi đâm ra quen nói hay dở, phải quấy, đúng sai, tốt xấu v.v. toàn là những chuyện thị phi.

Thị có nghĩa là phải. Phi có nghĩa là quấy. Nếu cứ nói phải nói quấy thì phải quấy biết đến chừng nào mới xong vì ít ai nhận mình quấy mà thường chỉ thấy mình phải.

Có câu:

“Thuyết thị thuyết phi hà nhật liễu,
Vô minh hải hoạt ngã sơn cao”.

Nghĩa là nếu cứ nói phải nói quấy thì biết đến ngày nào mới nói hết được. Càng nói thì càng làm cho sự mê muội, sự vô minh của mình càng thêm rộng lớn như biển cả mênh mông và cái ngã của mình càng cao như núi. Chính cái ngã này đã bại hoại con người, khiến con người tán kỹ hủy tha.

Thật vậy, nếu thấy ngã tướng mình cao thì theo sau đó ngã kiến của mình là hay là đúng, ai đụng tới thì chẳng chịu thua. Vì thấy ngã tướng, ngã kiến cao nên từ đó sanh ra càng ái ngã, thương nó và bảo vệ nó bằng bất cứ giá nào. Từ ngã tướng, ngã kiến, ngã ái đưa đến ngã mạn, xem thường mọi sự, mọi vật, mọi người. Đây là cái bệnh chấp ngã.

Người chấp ngã thấy ngã cao có ba thứ tâm bệnh:

a/- Dễ coi thường, dễ khinh khi người khác:

Coi thường hay khinh khi người khác là một cái tội vì con người ai cũng có Chơn Linh và mọi Chơn Linh đều bình đẳng khi Thầy ban, chỉ khác nhau ở chỗ mê hay ngộ khi đã nhập thể mà thôi. Thầy ban cho các con Thầy mỗi người một Chơn Linh đồng đều, không ai hơn, không ai kém. Vậy coi thường bất cứ người nào là không trọng Chơn Linh mà Thầy đã ban đồng đều cho các con của Thầy vậy.

b/- Dễ nổi sân:

Người thấy ngã mình cao hễ bị chê là hờn giận, dễ nổi sân, mà sân si là một trong tam độc, một trong thập ác đối với người tu. Nếu phạm phải sân, cửa Thiên đình liền đóng, vì muốn đến được Thiên đình thì phải hành trì Thập Thiện, mà một trong Thập Thiện là tránh được sân. Thầy có dạy:

“Trình ta ta sẽ đỡ nâng chơn,
Khuyên một điều con khá giảm hờn.
Hễ ghét người thì Trời ghét lại,
Ghét người Trời ghét lẽ nào hơn”.

Nghĩa là các con Thầy nếu người nào muốn trở về ngôi vị cũ hãy đến trình Thầy. Thầy sẽ chỉ cho nẻo CHƠN để tránh nẻo HƯ, cái THẬT để tránh cái GIẢ. Trước tiên, Thầy khuyên đến trình Thầy và tiếp theo đó Thầy khuyên hãy giảm hờn tức đừng nổi sân, đừng ghét bỏ ai vì hễ ghét người thì bị Trời ghét vậy.

c/- Dễ vị kỷ và ác độc:

Thật vậy, người chấp ngã cái gì cũng muốn mình hơn, chỉ nghĩ cho mình. Đó là vị kỷ. Càng vị kỷ thì lại càng ác độc. Sở dĩ chê người khác là để đưa mình cao thêm, để tăng cái ngã của mình, chẳng cần biết đến sự đau khổ của người bị chê, thế là ác độc. Khen chê, nói phải quấy, nói đúng sai là cố ý phô bày cái dở, cái quấy, cái sai của người khác và chỉ có mình là hay, là phải, là đúng, là tốt, là giỏi mà thôi.

Tuy nhiên nếu xét kỹ, đúng và sai có phải tuyệt đối đúng và sai không; tốt và xấu có phải tuyệt đối tốt và xấu không; phải và quấy có tuyệt đối là phải và quấy không, v.v.?

Không phải như vậy.

Cách thấy vừa nói chỉ là cách thấy biên kiến, phiến diện, hai bên đối đãi, chớ không phải là chơn lý.

Sự thật không có cái gì tuyệt đối, cố định cả, mà mọi sự vật luôn luôn biến đổi. Cùng một sự việc mà có thể đúng nơi này, sai nơi khác, đối với người này thì phải, người kia thì quấy,

v.v..tức tùy thuộc vào không gian, thời gian, cá nhân hay tập thể. Xin đơn cử những thí dụ như sau:

1)- Đúng sai:

Đúng sai không tuyệt đối cố định mà luôn luôn biến đổi. Đúng sai tùy thuộc vào không gian thời gian và con người.

- **Về không gian:** như tại nước Anh và các nước thuộc Khối Thịnh Vượng Chung (Commonwealth) thì người ta lái xe bên tay trái đường lộ. Vậy lái xe tay trái là đúng mà lái bên tay phải là sai. Trái lại, tại nhiều nước khác, rõ nhất là nước Pháp, lái xe tay trái là sai mà lái bên tay phải mới đúng. Chỉ cách nhau về không gian có 30 cây số với eo biển Manche mà đúng, sai khác biệt hoàn toàn, quá rõ ràng.

- **Về thời gian:** như tại nước Tàu và vài nước kế cận, trước đây vua là Thiên tử. Vua muốn giết ai cũng được. Bề tôi trung với vua khi vua bảo chết là phải chết. “Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung” mà hình ảnh Tể Can là điển hình. Thử hỏi ngày nay quốc trưởng nước Tàu còn có thể bảo người nào thì tự động người ấy phải tự tử được không. Chắc chắn là không. Thời gian đã làm thay đổi. Ngày xưa đúng, ngày nay sai. Đúng sai tùy thuộc vào thời gian.

- **Với con người:** đúng, sai tùy căn cơ, tùy nhận thức của mỗi người. Chuyện kể có một cặp vợ chồng ra đồng làm việc, chồng đi, vợ điếc. Khi cả hai đang gặt lúa, bỗng có vua đi qua ở trên lộ xa xa. Đoàn của vua đi cờ xí rợp trời, trống chiêng inh ỏi. Người vợ hỏi chồng cái gì vậy. Chồng vì điếc chẳng thấy mà chỉ nghe nên bảo rằng tiếng kèn, trống, chiêng hòa nhau nghe vui quá. Người vợ vì điếc cãi lại tiếng kèn, trống, chiêng đâu có chỉ có cờ xí phát phới thôi. Hai người cãi nhau rồi giận nhau bỏ về không gặt lúa nữa. Như vậy hỏi ai đúng, ai sai. Không ai hoàn toàn đúng mà cũng không ai hoàn toàn sai.

Đúng sai là tùy căn cơ, tùy cái nghe, cái thấy, cái nhận thức của mỗi người. Đúng sai không tuyệt đối, cố định mà chỉ tương đối thôi.

2)- Phải quấy:

Phải quấy cũng vậy. Phải quấy không cố định mà biến đổi tùy nơi, tùy lúc. Như tại các nước theo Hồi Giáo, người đàn ông được quyền có 4 vợ. Như vậy, chánh thức có 4 vợ là phải chớ không quấy chút nào cả. Còn tại Hoa Kỳ hay Việt Nam và nhiều nước khác, người đàn ông có hai vợ đã là quấy lắm rồi, đừng nói chi tới ba bốn. Như tại nước Úc chẳng hạn, theo luật thì bất cứ ai có hai vợ là phạm tội, đã thành tội rồi chớ không còn nói chi phải quấy nữa.

Thí dụ thứ hai là thời xưa ở Việt Nam, con gái cha mẹ đặt đâu ngồi đó. Vậy là phải, cãi lại là quấy. Ngày nay, phần lớn ở Việt Nam đã khác, nhưng đặc biệt ở ngoại quốc như nước Úc chẳng hạn, hầu như con đặt đâu coi được được là cha mẹ sẽ ngồi đó vậy, không có quấy chút nào cả. Văn hóa Úc như thế, không có gì quấy mà là như vậy.

3)- Thiện ác:

Thiện ác cũng vậy. Cũng cùng một sự việc mà đối với người này là thiện, đối với kẻ kia thì ác. Như một con chồn, vào một buổi chiều trời sắp tối. Nó rượt theo con gà để bắt làm mồi ăn và tha về cho con nó ăn. Có một cậu bé thấy vậy, muốn cứu con gà nên đuổi con chồn đi. Chú chồn chạy đi và không bắt được con mồi. Đêm đó nó nhịn đói và con nó cũng bị đói. Vậy với chú chồn thì cậu bé là ác vì làm cho mẹ con nó đói. Nhưng với cậu bé thì cậu đã làm một việc thiện cứu được con gà. Vậy cũng một sự việc mà thiện ác không cố định mà tùy nơi, tùy lúc, tùy người mà trở thành thiện hay ác.

4)- Đúng với đúng là sai:

Xin được kể ra đây câu chuyện “Phong Phang”.

Lục Tổ Huệ Năng được Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn trao Y bát để làm tổ Thiền Tông thứ 6 lúc Ngài Huệ Năng vẫn còn là một cư sĩ chớ chưa phải tu sĩ. Ngũ Tổ ban đêm đưa Ngài ra bến đò chạy về phương Nam. Phe Thượng Tọa Thần Tú đuổi theo để

giật Y bát lại. Tổ Huệ Năng phải lẩn trốn, rày đây mai đó, có lúc phải sống với bọn thợ săn và đi săn thú.

Khi Ngài đến được Quảng Châu vào sân chùa Pháp Tánh lúc Pháp Sư Ấn Tông đang giảng Kinh Niết Bàn. Ngoài sân chùa có hai vị tăng cãi nhau mãi không thôi về việc lá phướng treo trong sân chùa đang bay trước gió. Một vị tăng nói phướng động. Vị tăng khác nói gió động. Không ai chịu thua. Ai cũng cho rằng mình đúng không chịu mình sai. Tổ Huệ Năng bèn tiến đến bảo: “Không phải gió động, cũng không phải phướng động, mà tâm của hai ông động”. Thật là một câu nói đầy bất ngờ từ một cư sĩ. Câu nói này có nghĩa cả hai vị tăng, mỗi người đều tự cho mình đúng, nhưng cả hai đều không đúng, mà cả hai đều sai.

Sở dĩ Tổ nói không phải phướng động, cũng không phải gió động là vì nếu có lá phướng mà không có gió thì lá phướng làm sao động được. Nhưng nếu có gió mà không có lá phướng treo trên cột phướng thì gió cũng không thể làm cho phướng bay được. Nhìn vào cột phướng đứng im lìm thì nào thấy động được. Động ở đây là tướng duyên hợp, do hai hay nhiều yếu tố hợp lại mà thành tức có duyên hợp mới có động, không duyên hợp thì không động. Động là do hai yếu tố gió và phướng hợp lại, nếu chỉ nhìn một mà nói thì sai.

Tại sao Tổ lại bảo tâm hai vị tăng động? Vì hai vị tăng chấp và chỉ chấp có một bên. Khi chấp là dấy niệm để chấp. Dấy niệm thì phải dùng tâm. Dấy niệm do dùng tâm thì tức nhiên tâm động. Do đó mà nói tâm động. Ở đây Lục Tổ muốn chỉ thẳng cái gốc của sự cãi nhau là do tâm chấp. Mà hễ dấy niệm chấp là có tranh cãi, và động là từ cái chấp đó mà ra.

Câu chuyện “Phong Phang” trong Kinh Pháp Bảo Đàn muốn bảo người đời rằng: lời nói thường chỉ phiến diện thôi chứ không đạt được Chân Lý. Người đời vì chưa tỉnh giác vẫn còn mê muội nên thường hay tranh hơn thua qua lời nói. Vì thế cũng trong Kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ có dạy rằng: “Người mê miệng nói, người trí tâm hành”. Mà Đức Lão Tử từ trước cũng

đã dạy: “Hành bất ngôn chi giáo”, là vì theo Đức Ngài cái sai là bề trái của cái đúng, cái quấy là bề trái của cái phải, cái ghét là bề trái của cái thương, thương ghét là một không có gì khác nhau, mới thương đó rồi ghét đó, mới quấy đó rồi phải đó, mới sai đó rồi đúng đó.

Ở đời có ai quấy mãi đâu. Cũng có lúc làm phải. Ở đời có ai nói sai mãi đâu, cũng có lúc nói đúng. Phải quấy, đúng sai cũng từ ở một người, chỉ hiềm vì mê mà quấy và sai, còn tỉnh thì đúng và phải. Tất cả chỉ do tâm mê hay tỉnh. Do biết người đời nhiều mê ít tỉnh, nhận vọng tâm cho là mình, nhận giặc làm con (theo như lời nói của Đức Phật), chớ không thấy được Chơn Tâm nên Đức Lão Tử khuyên người đời nếu muốn được Đạo đừng có nhìn sự vật bằng cặp mắt nhị nguyên, chia phân nhị ngã mà phải thấy cả thấy đều là “Một”.

Người tín đồ Cao Đài hằng ngày cúng tứ thời thường nhìn thấy “Một” đó là Thiên Nhân. Dù vậy, khi hết cúng đi về quên đi, cũng có người chấp nhị nguyên, nhị ngã rồi sinh ra bất đồng ý với nhau. Có gì là nhị nguyên, nhị ngã đâu. Cùng một người, nhưng có khi người ấy nói sai, làm quấy mà cũng có khi người ấy nói đúng, làm phải, chớ nào phải đó là hai người, là nhị ngã. Sở dĩ người đời phiền não nhiều, khổ đau nhiều là cũng do chấp nhị ngã, nhị nguyên, tức chấp hai bên. Nhìn “Sự” hay “Tướng” thì có hai bên nhưng đạt Lý hay Tâm thì không có. Giáo lý “Pháp Môn Bất Nhị” của nhà Phật có giải rõ giáo pháp này và Lão Giáo cũng có đề cập với “thuyết Tương Đối”. Trong Kinh Cơ của Đạo Cao Đài cũng thế, cũng có đề cập đủ cả, chỉ hiềm vì Tạng Luận chưa được khai triển.

Trở lại với Đạo Lão, cái mà Đức Lão Tử chống đối là nhìn mọi sự vật trên thế gian này, nhìn cuộc đời bằng khối óc phân chia dài ngắn, cao thấp, đúng sai, phải quấy, tốt xấu, thiện ác, khen chê, .v.v. .Sự phân chia như vậy là sai, là trái Đạo. Sự thật chúng không rời nhau, chúng tương tùy, tương sinh. Thí dụ có cao mới thấy thấp, có ngắn mới thấy dài. Thử đem cây thước học trò gạch hàng giấy tập vở so với cây thước dài một thước

của thợ mộc thì cây trước ngắn hơn cây sau. Nhưng nếu đem cây thước của người thợ mộc so với cây thước giầy của người thợ may dài hơn hai thước thì đến lượt cây thước mà ta nói dài tức cây thước của người thợ mộc lại trở thành ngắn.

Nếu đem cây thước giầy của người thợ may so với giầy thước của một trác địa sư đo đất thì từ dài, cây thước của người thợ may tự nó trở thành ngắn, . v.v. . Dài ngắn chỉ tương tùy, tương sinh, tương đối chứ không tuyệt đối. Có dài có ngắn là do sự phân biệt hữu lậu mà ra.

Cao thấp, tốt xấu, khen chê, v.v. cũng vậy. Tất cả đều tương đối, tương sinh. Không có cái này thì chẳng có cái kia. Đức Lão Tử nói: “Cố hữu vô tương sinh, nan dị tương thành, trường đoản tương hình, cao hạ tương khuynh, tiền hậu tương tùng” để chỉ sự tương sinh, tương tùy, tương đối, v.v. . Sở dĩ người đời phân chia cho đó là hai là vì óc phân biệt mà ra chứ nào phải là hai.

Đã biết vậy thì đừng nên nói hơn thua, cao thấp, có không, tốt xấu, khen chê. Nếu lấy óc phân chia này để so sánh, chỉ trích, phê bình nhau là điều chẳng nên làm. Lập ngôn mà cứ chỉ trích, phê bình nhau, không xa rời óc nhị phân, nhị ngã thì càng ngày càng xa Đạo.

Con người nếu muốn được Đạo thì phải bỏ cái óc chia phân. Đức Lão Tử gọi đó là “Giải Kỳ Phân” mà các thí dụ trong bài này về đúng sai, phải quấy, v.v. đã có giải phần nào dù chỉ rất ít thôi.

Với Thuyết Tương Đối và giáo pháp Giải kỳ Phân, Đức Lão Tử muốn chỉ cho thấy bậc Thánh Nhân sở dĩ đạt đến Đạo tức trạng thái Tuyệt Đối chỉ vì biết rõ mình có mắc bệnh nhị nguyên, phân chia nhị ngã. Do biết có cái bệnh phân tán đó nên đã phòng ngừa và tỉnh ngộ. Đức Lão Tử nói: “Phù duy bệnh bệnh, thị dĩ bất bệnh”, nghĩa là biết mình có tâm bệnh thì tâm bệnh đó sẽ được trị hết. Tâm bệnh này là cái bệnh cứ nói đúng, nói sai, nói phải, nói quấy rồi khen chê, thương ghét, v.v. Đúng

sai nào có khác hai bề mặt của một đồng tiền, đúng đó rồi cũng có thể sai đó. Phải quấy cũng do một người, chỉ vì tâm bệnh mà ra. Có gì là hai, có gì cố định. Vậy thì còn khen chê làm chi, thương ghét làm gì. Nếu cần phải khen là cốt để khuyến thiện, cốt để giúp người được vui tươi hạnh phúc, ổn định tâm hồn. Nếu cần phải thương là để cứu người sa cơ, thất thế, già cả, tật nguyền hay gặp hoạn nạn, đó là hành thiện tạo nghiệp lành. Còn phỉ báng chê người, hay hờn giận ghét người chỉ có chuốc lấy ác nghiệp mà thôi.

Muốn “vô ngôn hành” được như lời Đức Lão Tử khuyên để tạo phước huệ, để đạt Đạo thì phải dùng Trí như Đức Ngài đã dạy. Trí đây là Trí Đạo tức Trí Tuệ Giải Thoát mà nhà Phật gọi là Trí Tuệ Bát Nhã, Đạo Cao Đài gọi là Trí Vô Đối chớ không phải trí thế gian.

Trí Đạo hay Trí Tuệ Giải Thoát, theo tôn giáo Cao Đài, là trí thấy được “Nhược thiệt nhược hư; Bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa; thị không thị sắc; vô vi nhi dịch sử quần linh” và còn nhiều nữa bằng bạc trong Kinh và Cơ Đại Đạo. Còn trí thế gian là trí làm cho mạnh được yếu thua, khôn còn dại mất...

Về trí thế gian thì Đức Lão Tử chê lắm. Trong Đạo Đức Kinh, Đức Ngài có nói như sau: “Đại trực nhược khuất, đại xảo nhược chuyết, đại biện nhược nhược”, nghĩa là rất thẳng dường như cong, rất khéo dường như vụng, rất hùng biện dường như lấp bắp ấp úng vậy.

Có người khéo nói, nói giỏi, thường nói thao thao bất tuyệt để tranh biện, chứng tỏ rằng mình giỏi, mình hơn người, lý luận mình sắc bén, v.v. để rồi từ đó thấy người thua, người dở, mà nào có biết đâu khi mình càng trở tài hùng biện, phóng chạy theo sự tướng thì tâm mình chỉ chứa chấp toàn vọng niệm điên đảo của thế gian chớ nào phải tâm Đạo. Dùng trí thế gian để hơn thua, theo vọng tâm để tranh chấp, chỉ cốt làm bại hoại cái tâm Đạo mà thôi.

C- Phần A và B đã bàn về Vọng ngữ, Xảo ngữ, Lưỡng ngữ. Trong phần C xin được luận bàn về Ác ngữ:

Con người bản ngã vốn ham sống và bảo vệ cuộc sống của mình bằng mọi cách. Theo triết gia Pháp Henri Bergson thì đây là một thực tế. Triết gia Bergson mô tả sức sống mãnh liệt của con người (élan vital) qua hai bản năng. Đó là bản năng sinh tồn (instinct de conservation) và bản năng tàn phá (instinct de destruction). Hai bản năng này làm cho con người thiên về ác hơn là thiện.

Vì để bảo vệ mình (instinct de conservation) nên bằng mọi cách con người phải diệt trừ tất cả mọi mầm mống, mọi yếu tố, mọi sự vật có thể làm hại đến mình.

Rồi với cái đà sức sống vươn lên (élan vital) con người phải tàn phá tất cả những gì cản trở đường mình đi, con đường tiến thủ của mình. Do đó mà trong việc làm hay lời nói, con người thường hay tìm cách vu dập, đê bẹp người khác, dù cho việc làm ấy có đúng hay sai đối với lương tâm, con người vẫn thường làm. Làm và nói để chứng tỏ ta hay người dở, ta đúng người sai, ta phải người quấy, ta tốt người xấu, và nhất là ta cao và mọi người đều thấp hơn ta. Tất cả việc làm, lời nói càng ngày càng làm cho con người giảm thiện tăng ác nếu chẳng biết tu đúng theo con đường Chơn Đạo.

Biết rõ người thế gian như vậy nên Đức Chí Tôn trước đây đã lần lượt sai các con Ngài xuống trần lập Đạo để dạy người đời tránh ác làm lành.

Ngày nay, Đức Chí Tôn tự Ngài giáng trần dạy Đạo với nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Ngài đã qui Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi, vì vậy mà trong giáo lý Đạo Cao Đài có tất cả tinh túy giáo lý của tất cả các Đạo khác, trong đó việc hành thiện tránh ác là một Giáo pháp.

Đức Chí Tôn dạy các con Ngài một khi đã nhập môn rồi thì phải giữ gìn ngũ Giới, mà trong Ngũ Giới thì ngũ Giới là khó nhất, vì tế nhất, phạm hay không thường ở tại Giới này.

Thật vậy, giết người, trộm cắp hay tà dâm rất dễ tránh, nhưng nói làm cho người đau khổ mà có khi mình hầu như không hay biết, thật khó tránh. Đây là một nét vi tế về ác ngữ, do ác

khẩu mà ra. Chính vì sự vi tế của ngôn ngữ mà Thầy khuyên bảo các con Thầy nên thận trọng cẩn ngôn, ít nói càng tốt, không nói càng hay.

Không nói đây chẳng phải không nói gì cả vì nếu không nói gì cả thì con người làm sao giao tiếp với nhau được.

Có nhiều người hiểu lầm chỗ này rồi tịnh khẩu, không nói lời nào, nhưng đi đâu thì cầm theo cây viết và tờ giấy. Hễ muốn hỏi gì ai thì viết ra và có ai hỏi gì thì không trả lời thành tiếng mà chỉ viết trên giấy để trả lời thôi. Họ không biết rằng đó cũng là một trong nhiều cách nói. Người ta có thể nói bằng cách ra dấu, bằng hành động (body language) như đưa hai tay lên là nói đầu hàng, nhăn mặt là nói đau hay nói không đồng ý, v.v. Như vậy dù lời không nói nhưng ý lại có nói.

Tóm lại, như trên đã trình bày, lời nói tự nó không có. Nó do 8 duyên hợp mà thành. Trong 8 duyên hợp này quan trọng nhất là ý (não). Lời nói là do từ ý mà nói. Không nói là không có ý để nói. Ý là chủ, là thể mà lời chỉ là dụng, là phương tiện mà thôi. Nếu con người không có ý thì làm sao nói ra lời được. Như vậy, không nói lời ác là tự nơi ý đã không ác rồi.. Tương quan giữa lời nói và ý mật thiết như vậy.

Do đó, hễ tránh được ý ác thì sẽ không có nói ác. Điều quan trọng là phải tránh từ ý để không gây ra Thân nghiệp và cả Khẩu nghiệp, chớ lời nói thì khi cần con người vẫn phải nói. Nhưng cần đây là cần những gì?

Phàm con người ai cũng thích nghe lời nói êm tai, lời nói thiện lành. Cái mà con người cần, đó là lời nói nho nhã, thanh tao, ngay thẳng thật thà, thương yêu đoàn kết, an ủi lẫn nhau, v.v.. Vậy để vừa lòng người cũng như thuận lòng Trời (thuận như tâm ất thuận Trời), người tu nếu cần phải nói thì nên nói những gì có đạo lý, thiện lành và nên tránh những lời nói ác.

Thầy có dạy rằng:

“Nho nhã con tua tập tánh tình,
Ở đời đừng tưởng một mình lành.

Một câu thất đức thiên nhiên đọa,

Nhiều nôi trầm luân bởi ngọn ngành”.

Chỉ một câu thất đức thôi là có thể bị đọa đến cả ngàn năm. Vậy nói thất đức, nói ác làm chi để phải bị trầm luân. Nói ác là nên tránh. Tránh được nói ác cũng là một bước trong 10 bước tiến tu lên Thập Thiện.

Muốn đạt đến Thập Thiện để siêu thăng, trước tiên người tu phải giữ Giới cấm, đừng thất ác vì trong Ngũ Giới Cấm của Đại Đạo có đến 8 điều cấm chớ không phải chỉ có 5 thôi. Đừng thất ác là bước đầu để hành trì Thất Thiện. Thất Thiện đó là:

- 1- Thay vì sát sanh, nên phóng sanh.
- 2- Thay vì trộm cắp, nên bố thí.
- 3- Thay vì tà dâm, nên giữ trong trắng, trinh bạch.
- 4- Thay vì nói láo, nên nói thật.
- 5- Thay vì nói thêm bớt, thêu dệt, nên nói ngay thẳng, trung chính.
- 6- Thay vì nói đâm thọc, nên nói lời hòa hợp, đoàn kết.
- 7- Thay vì nói lời độc ác, nên nói nho nhã thanh tao, thiện lành, thương yêu hòa ái, an ủi người.

Còn ba thiện nữa là phải tránh tam độc: Tham, Sân, Si (tà kiến). Tam độc này rất khó tránh, dù vậy cũng tránh được, và trong Kinh Cơ Đại Đạo cũng có dạy.

Để có thể tránh tam độc, hoàn thành tam thiện cuối cùng, điều quan trọng là người tu phải cố gắng trước tiên hành trì tam thiện về thân và tứ thiện về ngôn. Đặc biệt về ngôn, người tu nên thận trọng cẩn ngôn và luôn luôn nhớ rằng:

*“Đạo bốn vô ngôn
Ngôn sinh lý tán
Ngôn ngữ Đạo đoạn”.*



KẾT LUẬN

1)- Muốn giữ được kiếp làm người trong Luân hồi, người tu nói riêng hay con người nói chung phải giữ gìn ngũ Giới, nói khác hơn giữ được Ngũ Giới là giữ được kiếp làm người trong tái kiếp mai sau.

2)- Muốn được siêu thăng “Thiên Đàng liền đến” như lời Lục Tổ Huệ Năng đã nói, người tu phải cố gắng hành trì Thập Thiện.

Trong hạnh hành trì Thập Thiện thì việc tránh được ba nghiệp nơi thân con người có thể thực hành không khó lắm. Có khó chăng là bốn nghiệp về khẩu tức lời nói.

Riêng còn lại tam độc Tham, Sân, Si nếu muốn tránh được để kiện toàn tam thiện cuối cùng thì điều cần yếu trước tiên là con người phải cố tỉnh thức, tránh khỏi Si mê. Càng tránh được Si mê thì con người càng tránh được Tham và Sân. Nói rõ hơn tránh được Si mê càng nhiều thì con người càng tránh được Tham, Sân và càng dễ dàng đạt Đạo, giải thoát thành Phật, tránh được Luân hồi.

3)- Quyển sách này được viết với mơ ước, nhắn nhủ cùng nhau xa lánh Luân hồi, mà mục đích trước tiên và hiện tại là phải làm sao tránh được bốn nghiệp liên quan đến lời nói.

Để tránh được bốn nghiệp liên quan đến lời nói tức khẩu nghiệp, xin được kể lại hai câu chuyện sau đây:

Câu chuyện thứ nhất nói về một nhà Sư:

Có một nhà sư ngày nọ leo lên một cây cao. Có một người bất chợt đi ngang qua thấy nhà sư đang ở trên cây cao mừng quá, vì người ấy có một việc muốn hỏi nhà sư, nhưng từ lâu không gặp được.

Người ấy hỏi nhà sư rằng:

“Vậy chớ ý của Tổ Sư Đông Độ là như thế nào?”

Nhà sư nhìn xuống định đáp thì rủ xảy chân té. Nhà sư quơ tay nhưng thay vì tay chụp trúng thì miệng lại cắn được một cành cây. Nhà sư lúc đó không làm sao dám hả miệng ra để trả lời vì nếu hả miệng ra nói thì sẽ bị rớt xuống đất, tan xương nát thịt.

Còn câu chuyện thứ hai được rút ra từ quyển “Giai thoại nhà Thiên” với tựa đề “Họa tùng khẩu xuất”.

Chuyện kể rằng thuở xưa có con rùa, gặp phải lúc hạn hán, nước hồ ao đều cạn, không biết đi đâu cho có nước. Bấy giờ có hai con hạc trắng đậu trên cây gần đó. Rùa vội vã nhờ hạc giúp mình đến chỗ có nước. Hạc thương tình hứa giúp đỡ nhưng trước khi đi lại dặn rùa không được nói chuyện, sẽ có hại. Rùa vâng chịu. Hai con hạc mới dùng mỏ kẹp một sợi dây nhỏ và bả rùa ngậm vào. Thế rồi hai con hạc bay lên hư không. Khi bay ngang một làng kia, gặp trẻ nhỏ đang vui chơi nhìn thấy, nói với nhau rằng:

- Ý, ngộ quá bây ơi ! Hai con hạc với con rùa cũng với nhau kìa. Ý ngộ quá! Ý ngộ quá!

Rùa nảy giỡn trong bụng hết sức nhẩn nhục, vì nhớ lời hạc dặn. Nhưng khổ nỗi, các trẻ nhỏ cứ trêu chọc mãi, rùa mới hả miệng định chửi các trẻ nhỏ, nhưng chưa thành lời thì liền rơi xuống đất và bị chúng bắt ăn thịt.

Do vậy, tất cả mọi người phải cẩn thận nơi miệng, nếu không sẽ bị hại thân.

“Ai ơi ! ít nói là vàng,
Nói nhiều, nhiều lỗi trái ngang cũng nhiều.
Chi bằng ít nói bao nhiêu,
Khỏi điều phiền não, khỏi điều thị phi.
Hằng ngày tam nghiệp vô vi,
Không tranh nhân quả có gì đảo điên.
*Không nghiệp chướng, chẳng lụy phiền,
Vô ưu, vô não, nương thuyền tiêu dao”.*

Với hai câu chuyện ghi trên, chuyện thứ nhất muốn khuyên người đời nên nói đúng lúc, đúng chỗ, đúng nơi, nên thận trọng, cẩn ngôn. Nên lựa lời mà nói. Nên nói ít càng hay, chẳng nói gì thì càng tốt.

Chẳng nói gì cả đó là trường hợp của nhà sư. Nhà sư chẳng nói một lời vì nếu mở miệng ra thì tan xương nát thịt. Lời nói nó tai hại như vậy đó. Biết bao nhiêu người tán gia bại sản hay tan nát xác thân cũng tại vì lời nói mà thôi. Nói thiện, nói lành, nói lời nho nhã thanh tao, thương yêu hòa ái hay nói để an ủi người, cứu vớt người thì nên nói, bằng trái lại nói láo, nói thêu dệt, thêm bớt, nói đâm thọc hay lời nói độc ác thì trong hiện đời chỉ tự chuốc họa vào thân và tái kiếp thì chắc chắn không làm sao tránh khỏi ngữ ngôn nghiệp chướng.

Còn về chuyện con rùa:

Câu chuyện này muốn nói với người đời rằng chỉ vì tâm còn Tham, Sân, Si, miệng còn ham ăn nói, chưởi bới mắng nhiếc người mà con rùa phải tan xương nát thịt.

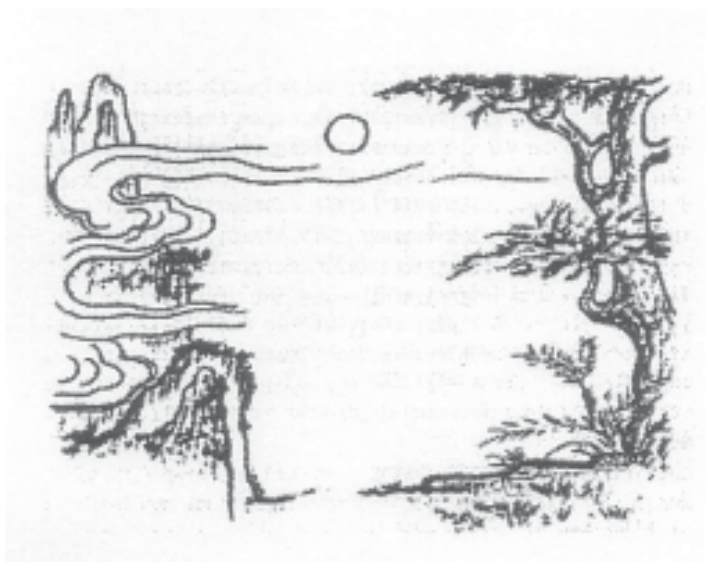
Có nhiều người ở đời cũng vậy. Chỉ vì ham ăn ham nói, đôi khi lại nói chẳng thiện lành mà chỉ toàn lời độc ác, vì thế nên mới rước họa vào thân, tự mình chuốc lấy khổ đau mà lại còn gây khổ đau cho bao nhiêu người khác nữa.

Để kết luận, xin ghi lại đây lời của người xưa thường nói:

Người xưa thường hỏi rằng tại sao mỗi con người ai cũng đều có hai lỗ tai, hai con mắt, hai lỗ mũi mà lại chỉ có một cái miệng?

Có hai lỗ mũi là để thở được nhiều không khí nuôi thân. Có hai con mắt là để thấy rộng, biết nhiều, giúp con người dễ tỉnh thức giác ngộ và lo tu hành. Còn có hai lỗ tai là để giúp con người nghe nhiều hơn là nói. Nếu chỉ thích nghe mà ít chịu nói thì bảo đảm sẽ được mọi người thương, an nhiên tự tại, dù không tu mà khác nào đã có tu nhiều. Con thỏ nó đẹp là nhờ có hai tai đứng, thẳng, cao và dài. Hai tai cao và dài giúp thỏ nghe nhiều, chạy lẹ nên ít khi bị chết oan. Nếu hai tai của thỏ cũng ngắn, nhỏ và hẹp thì thỏ nào có khác chi mèo. Hai tai là để nghe,

cái miệng là để nói. Hai tai là để nghe nhiều, một miệng là để nói ít.



Càng nói ít chừng nào thì càng tốt chừng nấy. Điều nên nhớ, như thế nhân thường nhắc là “Con ếch nó chết chỉ vì cái miệng mà thôi”.

Càng ít nói, con người càng an toàn và càng dễ tránh khẩu nghiệp.

Tránh được Khẩu nghiệp cũng như Thân nghiệp và Ý nghiệp, con người sẽ dễ lên Thiên Đàng, dễ dàng thành Phật, có câu:

*“Tam nghiệp hằng thanh tịnh,
Đồng Phật vãng Tây Phương”.*

Soạn giả:

Hiền Tài Lê Văn Thêm (Tự Bạch Y)

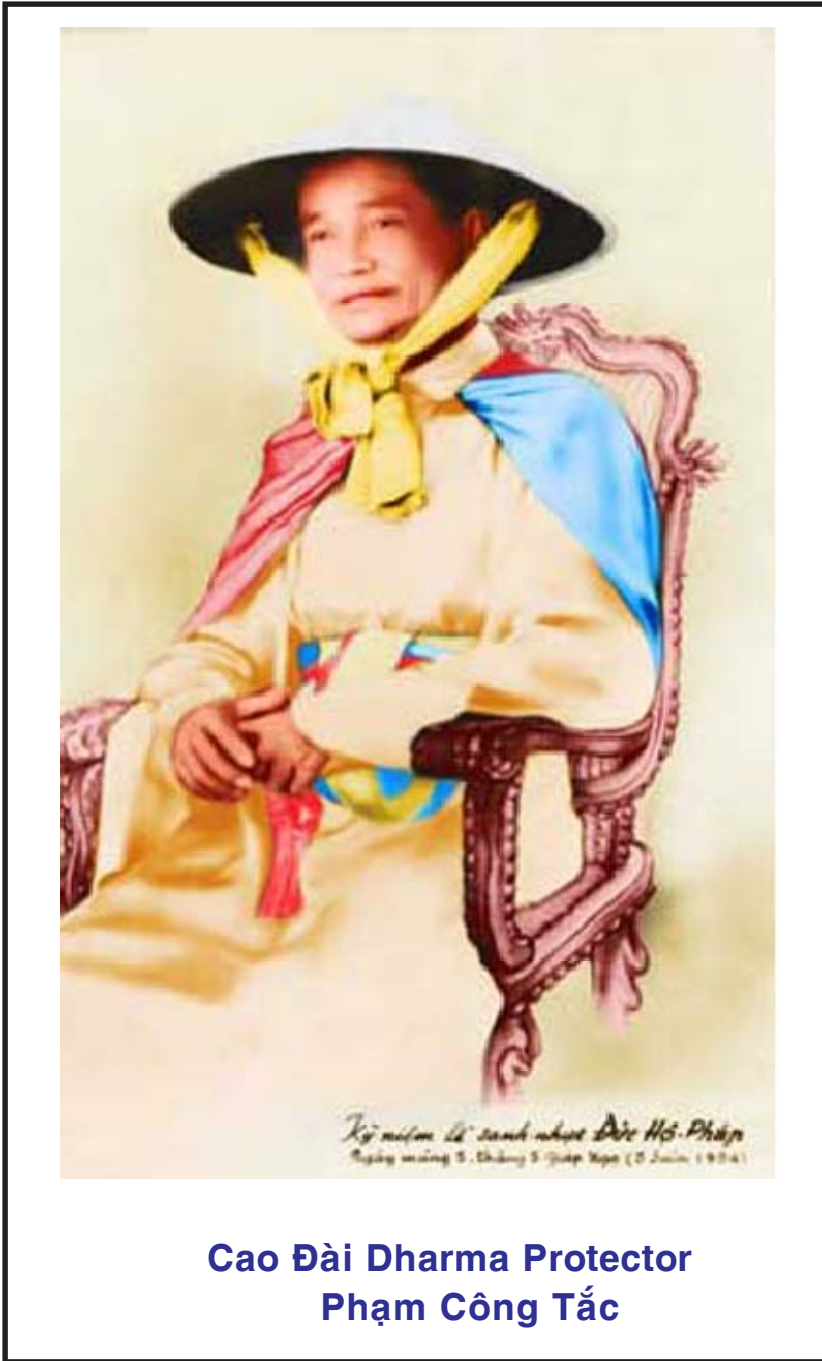
Soạn giả:
Hiền Tài Lê Văn Thâm

**PRECEPTS,
The Way to Paradise**

**GIỚI,
Đường tới Thiên Đàng**



Published by
BAN THẾ ĐẠO HẢINGOẠI
08-2009



**Cao Đài Dharma Protector
Phạm Công Tắc**

Preface

The Five Precepts of Caodaism are apparently similar to those of Buddhism.

Caodaism however, gives much more importance to language, particularly to spoken words.

It is language or spoken words that are the sources of almost all mistakes or sins made or committed by human beings as a whole.

Indeed, besides the three precepts that safeguard human activities from killing, stealing, and adultery, there are four other precepts, or prohibitions, relating to spoken language. These four precepts tell us not to lie, not to mislead or to make up stories, not to incite hatred, and not to slander, vilify or resort to vulgar, abusive language.

Generally, people can avoid acts that are easily identifiable as harmful or sinful, but it is harder for them to avoid mistakes and errors when it comes to the use of spoken language, because it is more subtle, conceptual and abstract.

This book focuses on the last Four Precepts regarding spoken language in order to help people attain Paradise or the Nation of God.

If people can observe the three Precepts controlling their actions and the four Precepts governing their spoken language, then they will have observed the seven Rules or Prohibitions. They only ought to follow three further commandments to fulfill their undertaking of Ten Good Conducts.

Through engaging and fulfilling the Ten Good Conducts or Ten Virtuous Acts, people's souls, after death, can get to Paradise or the Nation of God.

VOLUME I

The Importance of the Precepts

1- Precepts are the fundamental rules for all religions. They teach people how to cultivate virtues and moral conduct, most importantly how not to generate negative Karma. It is Karma that causes metempsychosis.

2- For all followers of any religion, Precepts are regarded as the foundation of a building. The stronger the foundation, the higher the building can be. It is the same for religious disciplines. They must, first of all, strictly observe the Precepts before wishing for happiness in this worldly life, and finally, before being thoroughly liberated. It is like before a house is built, there ought to be a firm and solid infrastructure.

3- Precepts include a number of commandments related to moral conduct and good virtue, embracing the very first teaching method that requires all religious disciples to practice in order to advance on the path of changing their mind.

4- Precepts form the vital step, the primary step for the building of good fortune and merits. People must observe the Precepts in their self-cultivation. Otherwise, all their teaching and practice will be in vain, and their self-cultivation becomes unsuccessful and leads to nothing.

Many religious disciples thought that they have got rid of the five prohibitions such as no killing, no thieving, no committing adultery, no telling lies and no drinking alcohol. There are others who believe that apart from having observed the Five Precepts, they have practiced the three main Rules, namely abiding the law and commandments, performing good deeds and virtuous acts, and carrying out the Dharma of Giving.

Both these groups of religious practitioners may think that is enough. Yes, at a superficial level it does appear to be enough, to be true. But a closer examination of the nuances of the matters reveals that a lot more needs to be done.

Chapter I

Precepts and the Transmigration of Souls or Metempsychosis

In Caodaist and Buddhist teachings, Metempsychosis and Transmigration of Souls have the same meaning. They both refer to the rebirth of the soul at death in the Six Realms, different from liberation.

Many people may think that the Law of Cause and Effect, of Karma and Metempsychosis are particularly distinctive characteristics of Buddhism, used to distinguish Buddhism from other religions. This is not quite true. These words of Law of Cause and Effect, of Karma and Metempsychosis had existed a long time before Siddhartha, the Prince of an Indian State became Buddha Sakyamuni.

In many places, from North Europe, West Europe and East Europe to Ancient Egypt, Africa, America, Australia, particularly in Asia, a large number of people believed in that theory. The fact is, even now, references to this belief can still be found in the well-known Indian text Upanishads which existed about four thousand years before Christ.

Today, not only is metempsychosis preached by religious Venerable, it is also a subject of study by scholars and scientists who are persuaded by its truth. They have carried out a large number of experiments in many countries, including the United States of America, at the end of the 20th century. Most notable and most important was the research by Dr Ian Stevenson.

Ian Stevenson is a medical doctor, and also a Professor of Psychiatry in the USA. He left his beneficial career behind to travel all over

the world to conduct experiments relating to the rebirth of the souls.

After many years of experiencing, interviewing and observing, he wrote many valuable books; among them were the four volumes of Cases of Reincarnation Type, Twenty cases of suggestive of Reincarnation, and Children who remember their previous lives. All these books were published by the University Press of Virginia University in the USA.

Nowadays, the topic of the rebirth of the soul has entered the curriculum of American Community Colleges and Universities. It has become a major or a selective subject depending on the Faculty, such as Philosophy, Psychology, Education, Social Sciences, or Religious Studies. Many issues, many articles on reincarnation have appeared in American newspapers. There have also been many scientific conferences held on this subject, attended by scholars and scientists. According to a recent Gallup poll, 23 percent of adult Americans believe in Karma and the rebirth of souls after death.

In short, the transmigration of soul after death is noticeable. Thus, how could people avoid It? Actually, what should they do?

They have to observe the Five Precepts if they hope to avoid the rebirth of their soul into the three Lower Realms: hell, hungry ghosts and animals. There is a saying : “ Without observing the Five Precepts, the transmigration of souls after death into human beings is very difficult”, meaning that those who fail to do away with the five sins will lose their souls’ transmigration into human beings, or they will become handicapped with defects, disability or impairment if their souls transmigration into human beings occurs. All these happen as a result of the Law of Cause and Effect, according to Buddha’s teachings:

“If you want to know what you did in your previous lives
Look at what you receive and what you have now.
If you want to know what you will have in your coming lives
Look at what you do in the present”.

In conclusion, the Law of Cause and Effect, as well as Karma and Metempsychosis, appear to reveal a truthful reality that is “people will reap what they have sown”.

The Law of Cause and Effect, of Karma and Metempsychosis presently appears to hold the truth. So, in response to them, and for the sake of our souls’ transmigration, what should we do?

We have to cultivate virtue, to improve ourselves morally, to practice good deeds, good conduct, especially to observe the Five Precepts properly.

In the chapter Investigation of the “Precious Dharma Sutra, the sixth Zen Patriarch, Master Hui Neng said, “Dear disciples, the practicing of Ten Good Deeds will lead to the way to Heavenly life.” That means those who observe practise and promote the Ten Good Conducts will go to Heaven after death. The more effort they put in to cultivation, the higher in Heaven they will reach.

Similarly, for those who cannot practice the Ten Good Deeds, but who wish for the rebirth of their souls into human beings, they must first of all, observe the Five Precepts. It is only by observing the Five Precepts that their souls can transmigrate into human beings.

The attainment or the regaining of a human beings existence is a long process of practicing proper conduct and cultivating good merits. Consequently, people ought to highly value it. The “Precepts and Mind Sutra” in the Heavenly Way of the Caodaist teachings says:

“It is very difficult to regain a human being existence,
Once attained, men should highly value it.
There are two ways for your choice,
Either to act badly or to practice good deeds,
Any good deed is like a pine tree.
Whereas all bad acts are like flowers,
There is a big difference between the pine tree and the flowers,

The pine tree is less colorful than a flower,
But the pine tree stands alive in the cold of winter.
In the meantime, the flowers will wilt,
Finally, flowers disappear and pine trees remain”.

With the same purpose, in the Seance of December the 12th, 1926, the Supreme Being taught that, “Living beings are subjected to transmigration of souls for millions or billions of times before being able to attain a human existence”.

Besides, everyday, Caodaist followers worship the Supreme Being and chant the Buddha Maitreya Sutra. From the Buddha Maitreya Sutra, let’s understand what the teachings are.

The teachings contained in that sutra are profoundly meaningful. The Dharma of the Sutra reveals that for billions of lifetimes we did not have an opportunity to chant that sutra because we were confined in hell, or led the life of insects, animal or hungry ghosts. Now we can recite it verbally, as we have restored ourselves to return to our human being existence through a long process of cultivating merits. For this reason, we must not lose it again, because regaining it or returning to it is a great difficulty. On that difficulty, the teachings of Buddha have metaphorically expressed:

“A thousand- year- dried tree may give flowers,
But it is almost no way to find again one’s human being existence
once it’s lost”.

To prove the effectiveness of the above saying, there is a story in Buddhist teachings “One day, the Zen Patriarch Bá Truong gave a dharma lecture. When the lecture was over, all monks and nuns left the lecture hall. Only one elderly man remained there, motionless. The Patriarch approached him and asked him about his motives. The elderly man responded:

“Master, I am not a human being. I am a fox”. Then he added “In my previous lives, I was also a monk, an abbot of a temple”.

One day, an ordinary man came and asked me a question, “Will a monk of high ranking be subject to the Law of Cause and Effect?” and I replied “No”. The Lord Buddha then punished me for I have slandered Buddha in giving a wrong answer. I was banished to become a fox for five hundred lifetimes. Could you please save me?”

The Patriarch requested the elderly man to ask the same question, and in response the Zen Patriarch explained, “The high ranking monk did not misunderstand the Law of Cause and Effect”.

On hearing the Zen Patriarch’s answer the elderly man was awakened and became enlightened. He asked the Patriarch to bury his fox body left behind the temple with the burial rituals appropriate for a monk.

The above story shows that with one single wrong answer man can be dumped into the animal Realm for five hundred lifetimes. They can regain their human being existence only when they are awakened.

Thus it is very difficult, and it takes time, to restore and to regain one’s human being existence. Once having attained it, people should try to keep it. It will at least give people worldly happiness or, more importantly, can help people in the cultivation of their mind so as to attain Heavenlyness or to be fully liberated.

Caodaism and Buddhism have taught the Five Precepts. Christianity also has the Ten Commandments for their disciples to practice. Despite all that, some people still believe in the continuation of the same life through the migration of soul. For instance, they assume that if one was a human being in the previous life, one would also be a human being in the present time, and continue to be a human being in the coming lives. Whereas some others are not convinced of reincarnation, nor the rebirth of souls. All is finished after death. As a result, they freely enjoy their present life with no hesitation to do bad deeds. They do not pay attention to the Law of Cause and Effect, of Karma or Metempsychosis, or whatsoever.

Regardless of whether people believe in the transmigration of souls or not, it is beyond doubt that the Law of Cause and Effect, of Karma have today become a truth. The Caodaist ‘Precepts and Mind Sutra’ has said “The Law of Cause and Effect is certainly trustworthy. Human beings have to think over it, to look over it carefully”.

That means the Supreme Being recommends his followers to guard themselves against bad deeds, to try their best to practice the Precepts, because Karma is something that men are going to be subjected to. People can evade worldly laws, but they will not be able to trick the divine law, which is the Law of Cause and Effect, recognized and accepted philosophically and scientifically. Therefore, religious practitioners must try to help one another to be diligent on the way of merits cultivation, first of all, to observe the Precepts.

In strictly observing the Precepts, society will be at peace, and families will live in happiness. In the family there will be no adultery. Husbands and wives are faithful to each other. Children show filial piety towards their parents who are, in turn, tolerant. How could such families not be happy?

Moreover, in addition to the keeping of Precepts, the awareness of the Law of Cause and Effect, of Karma and Metempsychosis will teach people how to promote themselves so as to retain their human being existence in the coming lifetime, as the means for their mind cultivation.

If people are not aware of the Law of Cause and Effect, of Karma and Metempsychosis, and if they do not observe the Five Precepts, they will be punished and dumped into the Three Lower Realms: hell, hungry ghosts and animal. They will be unable to practice good deeds or cultivate merits due to the fact that they are not gifted to benefit religious teachings.

* * *

Chapter 2

Precepts and Karma

Precept and Karma share a very close interdependence.

If the transmigration of soul is the destined result of Karma, the interdependence of Karma and Precepts can be regarded as the relationship between the engine of a car and the car's body. A faithful and complete observation of the Precepts will not generate Karma. Karma forms or develops only when the Precepts are not kept

In the Caodaist sacred doctrine, the Supreme Being taught his disciples as follows:

“My boat is ready to carry you to the Pure Land of Truth,
Do not complain of the hardship of cultivation,
The more you create Karma, the more misfortune you will
experience.
With Karma, one can never reach Nirvana”.

This means, for the sake of his children's dear love, the Supreme Being has sent a boat to carry them back from worldly delusion to an enlightened awakening. The Supreme Being's boat is always ready waiting for them. If the children accept to board the boat, that means they agree to cultivate themselves morally.

The first step of their cultivation is to be honest, indulgent, condoning, most importantly, to practice the Precepts. The Supreme Being has specified that “people will come across more difficulties if they keep on creating Karma”.

In other words, if they do not observe the Precepts, then the way leading them to return to the Pure Land, or their Buddha Nature, appears to be obstructed. As they continue to generate Karma, their souls will continue to transmigrate around the Six Realms. Consequently,

they cannot enjoy the happiness of being liberated.

In the Seance of January 18th, 1927, and in four successive Seances in 1928, the Supreme Being has reminded his disciples of practicing the Five Precepts, as the Five Precepts are the basic commandments of all moral and spiritual cultivation.

Likewise, in Buddhism, Buddha Sakyamuni taught: "Follow my Dharma. If you observe the Precepts in your way of practicing Dharma, Buddha Sakyamuni will always be with you. If you do not follow Dharma and do not observe the Precepts, I can no longer help you whatsoever".

Besides, Buddha Sakyamuni advised A Neng, one of his Ten Well-Known disciples, that 'When Buddha is still on earth, he is the teacher. After his disappearance, the teacher is the Precepts'.

It is not enough if someone only follows a vegetarian diet and daily attends a church or a temple to chant or recite the Sutras. There is something more that needs to be done, that is to be kind, honest and never to generate negative Karma. Remember that the aim of all Sutras is to teach people to practice good conduct, particularly to create good Karma. It is Karma that leads to transmigration of souls.

We all know that after death we will leave behind everything, money, fame, fortune, relatives and even our corporal body. But there is one thing inseparable which will follow us, that is Karma.

To explain the transmigration of souls due to Karma, there are two stories in Christianity and in Buddhism.

In the old days, a man named Mạnh Thường Quân, from the Chinese state of Te, was well-known for doing unselfish good deeds. One day he sent one of his servants to the Tiet province to recover some debt, with the instruction to his servant to spend the amount

recovered on whatever necessary for his palace. The servant returned empty-handed, explaining that before setting off he had looked over the palace and he saw no need to acquire anything, as his master possessed everything. The only thing that his master needed to amass was good deeds. Therefore the servant used all the money recovered from the debtors to give to the needy so as to buy good deeds for his master.

Some time later, Mạnh Thường Quân lost his position as a mandarin. He returned to live in Tiet province, his homeland, and people rushed to welcome him, to help him, to pay him back what he had given them before, through the action of his servant.

A Christian reading of the above story would remind us that everything on earth may be gone one day, but the good deeds you have done will last forever. Jesus Christ told us not to bother amassing wealth because it can be robbed or destroyed. When we die, the only treasure we can bring with us is our good deeds.

In a similar way, Buddhism has another story.

Once there lived a rich man who had four wives. The first wife was faithful to him but he did not love her. He paid a bit of attention to the second and now and again he would speak with the third. And he was always quite attached to the fourth.

One day he became seriously ill and, close to death, he summoned all his four wives and said, “I will soon pass away. Would anyone among you volunteer to die with me?”

The first wife said, “I am always faithful to you, although you don’t love me. Now that you are going to pass away, I volunteer to follow you”.

The second wife replied, “Now that you are passing away, as you usually pay a little bit of attention to me, I will follow you but only to the front of your tomb”.

The third wife said, “When in good health, you frequently speak of me. When you die I will follow you to the gate of our home”.

The fourth wife, the most beloved of the soon to be dead husband, now confirmed, “You love me very much I know that. You are always next to me day and night. Now you are going to pass away, I will follow you up to the front door of our house”.

In the Buddhist teachings, the fourth wife represents money. Money is always next to us. But when we die it will remain in the drawer or in the safe in the house. This is why the fourth wife confirmed that she could only follow him to the front door of the house.

The third wife is also considered as representing wealth, commodities or facilities. They stay within the fences of the house. Thus the third wife said she would accompany her husband to the front gate.

The second wife represents fame. Fame will be reflected in eulogies delivered at the burial place. This is why the second wife said she would follow him to the front of the tomb.

Finally, the first wife stands for good or bad Karma. They are inseparable from the person who has created them, who owns them, and follows that person even after he or she passes away.

In short, according to Caodaist and Buddhist teachings, our good or bad Karma will follow us forever in our rebirth or ascension. For this reason, when we’re still alive, we must try our best to build up good, instead of bad, Karma. Why? Because all of us harbors the wish to become liberated, or at least to be able to maintain human being existence through the transmigration of souls. No one wants to be reborn into the Three Lower Realms of hell, hungry ghosts and animals.

In conclusion, let us take note what the teaching is in the Caodaist sacred doctrine relating to Karma:

1- The Supreme Being teaches us to be kind, honest and virtuous.

He said:

“Guard yourself against greed and earthly desires,
Do not fight for rich and wealth.
Leave everything behind as if it were an illusion.
Remember to practice good deeds, for your lifetime is very

short.

The one who practices good deeds will be rewarded by
Heavenly Powers.

That is the one who pays no intention to gains or losses.
Real happiness comes when one has purity of mind.

Whereas praise or condemnation are only worldly
phenomena”.

Likewise, in the Seance of July the 21st, 1926, at the residence of the Caodaist Director of Religious Affairs, the Supreme Being confirmed: “What is the objective of entering a religion? The purpose is to cultivate virtues to become kind, honest and virtuous, deserving the attainment of the Western Pure Land or Nirvana, which is the Nation of God”.

2- The Supreme Being also recommends us not to generate Karma, because it is Karma that leads to the Six Realms.

Caodaist followers must first promote moral conduct and get rid of all Karma originating from physical bodily activities, speech and thought, and secondly must chant or recite Caodaist sutra. There is a saying:

“It’s no use observing a vegetarian diet

While one keep being subjected to delusion, anger or causing bad Karma”.

An angry man is a fierce one. He will harvest what he has sown. For him, a vegetarian diet is of no use. It cannot help him nullify his sin. What he should do is to be honest, virtuous and not to create bad Karma. In order to do so he must follow the Five Precepts. Fully observing the Five Precepts will give him access to avoiding bad Karma from activities, speech and thought.

Chapter 3

Precepts and the Great Way

The Supreme Being taught Precepts and the Caodaist Sacerdotal Congregation put into force the “New Law” with Article 21, Chapter 4, detailing the practice of the Precepts, both aiming at protecting their disciples in particular, and humankind as a whole from evils and devils.

Practicing Precepts, according to the teachings and commandments, is the proper cultivation of Caodaist doctrine. It can be said that observing Precepts also means upholding a Religion.

The religion just mentioned does not, first of all, mention the Heavenly Powers or divine God. It only comprises human beings’ duties and obligations towards others and the environment. It can be called the Human Beings’ Way.

The Human Beings’ Way is the basic step, the primary fundamental Way of the Caodaist Five Ways including the Human Beings’ Way, the Gods’ Way, the Sages’ Way, the Immortals’ Way and the Buddha’s Way..

Caodaism teaches the Human Beings’ Way first, because without fulfilling one’s human being’s duties, one cannot advance further to the higher Ways.

In fact, before being able to cultivate oneself to become a Sage, a Bodhisattva or Buddha, one must first accomplish one’s duties as a human being. In other words, without achieving one’s human being duties, one can never attain the Western Pure Land or the Nirvana.

To explain the importance of the Human Being’s Way, the Supreme Being said:

“The globe as well as the universe as a whole is our home,
I’ve come to teach you to be kind and honest

I hold a sacred doctrine to show you the way to save yourself
To accomplish your human being duties before you can become
Immortals.

The one who shows repentance after committing errors
Will tell him to remember that.
One has to completely fulfill one's human being duties on earth,
Before being able to attain Heavenly Way''.

Through seances, the Supreme Being founded the Third Amnesty of the Great Way on earth, not only to bring back the wandering and lost spirits to their former position, as mentioned in the seance of the year of the Tiger, 1936, but also to save human beings, those who will be awakened and enlightened. Caodaist teachings state clearly that only after achieving human beings' duties that awakened and enlightened men can regain their previous positions of Saint or Buddha.

In other words, the Supreme Being, through seances, reminded us that on their way of self cultivation, people should first of all fulfill their human beings' duties. This is one of many particular characteristics of the Caodaist teachings aiming at helping disciples to succeed. In reality, self cultivation is very hard, if not, many practitioners would have become Sages, Saints or Buddhas already.

The reason that self cultivation is hard and difficult is that, during the course of their lifetime, human beings form many attachments, greed, anger, delusion, ignorance, arrogance, etc . . . which makes it almost impossible to retain their human being existence through metempsychosis, let alone having the capability to recover their Purity of Mind, so that they can cultivate effectively in order to return to their Pure Mind or to attain their full Enlightenment.

Although they may be unable to attain full enlightenment due to the length and hardship required in self-cultivation. Caodaist followers nevertheless will not lose their human being existence if they closely observe the Five Precepts. That is why people say that keeping the

Five Precepts also means upholding a Religion. The religion mentioned here is the Human Being Way, or human being duties towards others and the environment.

The Supreme Being, as he loves his still deluded disciples, so he reminds them that they have to accomplish properly their duties of human beings before they can wish for enlightenment.

Indeed, it is because of delusion or ignorance that men cannot restore or regain their True Mind . But what is True Mind?

True Mind is the quintessence of the Buddha Nature immanent in the mind of each human being. More clearly, according to a speech delivered by the Caodaist Dharma Protector Phạm Công Tắc on the evening of the 8th of September 1948, True Mind is the True Appearance of Buddha Nature.

The process of recognizing one's True Mind is very difficult. Therefore, to recover it demands one's great effort of self-cultivation, if one has not achieved sufficient merits in one's previous lives.

However, in relation to the fulfilling of one's human being duties, or more properly, retaining one's human being existence through the transmigration of souls, it is not such a big problem. It requires only a strict observation of the Five Precepts, for Precepts have the capability of making people awakened instead of being deluded.

In order to be awakened, the Caodaist Dharma Protector asked his disciples to refer to their "Inward Retrospection". What does Inward Retrospection mean?

According to the Dharma Protector's teachings, at the Holy See on the evening of the 15th of September 1948, Inward Retrospection

means looking back in thought upon the changing of our mind on past events, past things, past activities, past experiences. It will reveal where we are. Are we living and dealing with the true mind or with a wandering one?

More clearly, and in conformity with the Dharma Protector 's teachings, that is using the light of the True Appearance of Buddha Nature to reflect on oneself so as to rediscover one's True Mind.

In spite of what the Dharma Protector has taught, there remain a large number of people who prefer to unleash their thoughts as well as themselves going out in the pursuit of earthly desires and the pleasures of the flesh. By doing so, they only amass bad Karma which will lead them to the Six Realms. Unfortunately, they have truly forgotten the Caodaist doctrine that says:

“Huge wealth comes only from fighting, monopolizing or even trickery.

Fame is nothing but borrowing and begging things.

If one is always deluded in one's lifetime

One is only destined to repay what one has borrowed”.

Many people are used to being attached to what they have seen or heard. As a result, their hearing and sight, in brief, their thinking is biased and distorted. Their viewpoints and their thoughts are discriminatory and make them love what is right or good, and hate what is wrong or bad, and finally their accustomed psychological process or discriminatory viewpoints give rise to Karma.

Now, if people follow the Third Amnesty of the Great Way to practice the Caodaist Dharma Protector's teachings of “ Inward Retrospection”, they will realize that all objects, all appearances, all phenomena or forms, without exception, are false, illusory, Wrong and Not True.

As people become aware of the impermanence of everything on earth, so they know how to deal with them.

The first thing to be done is to fulfill their human being duties or, more properly, to follow their Human Being Way.

In order to accomplish one's Human Being Way, it is necessary that one ought to observe strictly the Five Precepts.

Observing the Five Precepts not only helps people cultivate themselves diligently, but also gives them peace and happiness. For instance, through observing the Precepts, people will not be punished, as they will not commit murder or burglary. Without adultery, their family life will always be happy. Inside the family, as well as in the society outside, if everybody has a smooth affectionate, kind and generous relationship with each other without wandering or troubled thoughts, the family and society will be pleasant, safe, peaceful and secure. After all the Three Relationships, the Five Cardinal Virtues, the Four Merits, the obligation towards one's country, the obligation between husband and wife, tolerance and filial piety between parents and children, in short, if all the above are performed fully, namely love, kindness, discipline, wisdom, sincerity for men as well as homework, speech, comportment, conduct for women, all people will then live with peace of mind. At the individual level, people have a serene mind, and the society as a whole will live in peace.

Having a serene mind is everybody's wish. Living in peace is an objective for all communities, all nations, all religions. However, in reality, do people have serene minds? Do societies live in peace?.

Through the activities and the liveliness of many religions, inside the temples, churches, pagodas and in the society outside, the answer is both Yes or No. Why No? Because the followers of religions do not observe the Precepts. They are used to talking in terms of right and wrong, good and bad, love and hate, and so on. As a result, they engage themselves in many forms of dispute, openly or wordlessly. They do not realize that by doing so, they have not fully observed the Precepts. Specific Precepts mentioned here are the prohibitions of wandering speech or erroneous expressions, whose nuances will be discussed in the next Book.

VOLUME II

The Subtlety of the Precepts - “Improper Language”

Chapter I Language and Religions

For all religions’ followers who are practicing self-cultivation, spoken language is very important. It can be said that those who practice religious commandments and teachings without paying attention to their own spoken language are not true practitioners.

Religious practitioners must be careful with their spoken language.

Although they may be well-versed in their religion’s doctrine, so they can preach it to others, but if they do not observe the Precepts, their teaching will not effective nor efficient. Finally, they cannot save even themselves too.

Because of the primordial importance of speech and the Precepts, the Sages and Religious Leaders have continually urged their disciples to be mindful in their own spoken language.

1- With Confucianism:

Confucius made two recommendations:

a- According to Confucianist standards, a perfect gentleman must be thoughtful in what he says. If he cannot put his words into practice he will be ashamed.

b- A perfect gentleman must try to avoid arguing. When obliged to do so, he must behave as a man who strictly keeps the rules when shooting arrows with a bow.

2- With Taoism:

In his book, titled Tao Teh Ching, Lao Tzu advised mankind to follow his theory of quietness. He recommended that the teachings

must be carried out not only with pure language or speech but through action which will be served as examples.

3- With Christianity:

Based on love, Jesus Christ taught his disciples that “If your brother has committed faults, you should first personally advise him to avoid it. If your brother follows your advice, you can save him from sins. But if he did not listen to you, this time you must come to see him in the presence of some other friends so that you are more likely to be successful in your undertaking. Thus, you must, in anyway you can, give advice to the wrongdoer, very sincerely and with love so as to convince him to avoid his sins. But, in any case, you have to keep it a secret because if the news leaks out, it will damage his reputation.

In brief, Confucianism, Taoism, Christianity, all recommend their disciples to be careful in their spoken language. If they have to talk to somebody about something, the language used must be gentle, affectionate, prudent, moderate and just.

4- With Caodaism:

In the matter of language, Caodaism particularly has its distinctive and expressive points of view. Caodaist teachings give more importance to everyday life language because spoken language may generate Karma.

Caodaism has clearly and fully articulated the Precept relating to language to help its followers stay away from creating spoken- language-Karma, one of the three definite karmas that can lead to the transmigration of souls after death in the Six Realms.

Furthermore, similarly to Taoism with its guideline of teaching not only with pure language but through action, Caodaism, in its Heavenly Way Sutra said ‘ Without talking in any case or in any way will lead to being understood universally ‘. Moreover, it Meetings Sutra taught “Wordless Sutra does help true and good practitioners”.

By “Wordless Sutra” Caodaism suggested the referring to the Sutra without letters, without spoken language. The Wordless Sutra is

the sutra carrying instructions which can not be described or expressed with letters or language, but learners may follow and imitate through acknowledging and appreciating the behavior, the virtue, and the merits of the teacher who is at the same time the performer.

In short, with the comprehensive details of the improper language contained in Lao Tzu's Axiom, in addition to the Caodaist sutra stated above, Caodaism teaches its disciples the characteristic distinctiveness of the Precepts which will be outlined and itemized in the following Chapter.

Chapter II

Distinctive Characteristics of language in Caodaism

Generally, the Caodaist Five Precepts are much the same as those of Buddhism, or as the Ten Commandments of Christianity. However, when examined more carefully, there are some characteristics that make the quality of the Caodaist Precepts.

Many distinctive characteristics of Caodaism will be brought to light later. This book, specially, will deal with the distinguishing feature of the five Precepts.

The Five Precepts, according to Buddhism, consist: no killing, no stealing, no adultery, no telling lie and no drinking alcohol. Christianity's Ten Commandments are not exactly the same, but there are similarities.

The Fourth Buddhist precept, or prohibition, is "not telling lies". Buddhist practitioners are told not to tell lies, only to tell the truth. Although some Buddhist Venerable have given broader explanation on spoken language, finally and fundamentally their teachings focus attention only on "not telling lies".

The Caodaist teachings on improper language insist on four typical prohibitions.

1- Not to tell lies.

Not to make false statements with intent to deceive or to convey false impression.

2- Not to use tricky language.

Not to make erroneous statements with the intent to boast oneself as well as to deceive someone. Not to say silly thing in a deceitful, deceptive, and scheming manner. Not to throw innuendoes against someone. Not to hint or to speak in a figurative way so as to incite someone to do bad things. In brief, not to exaggerate, nor to minimize, not to make up stories.

3- Not to speak with forked tongues.

Not to backbite. Not to set people apart, not to cause bad blood between people. In brief, not to incite hatred, not adding fuel to a fire, and not to stir up troubles.

4- Not to be vulgar in speech.

Not to make fun of someone, or to accuse someone falsely or even ironically. Not to slander, or to libel or vilify someone. Not to speak insolently. Not to use obscene, offensive language, especially insulting language.

A- Distinctive characteristic 1:

Caodaist predominantly pays attention to the importance of language. That is why Caodaist teachings specifically mention spoken language in the four prohibited categories listed above. Often it is language that causes religious practitioners to make mistakes or commit errors due to inattention.

If religious followers render themselves liable to the above categories of language mis-use, they have certainly committed four wicked practices. As soon as they abandon them, they will undoubtedly do four decent and righteous practices which are amongst the Ten Good Conducts.

Thus the so-called Five Precepts in Caodaism do not consist of just only five precepts. They embrace eight or at least seven precepts in the Ten Good Conducts. In keeping these seven precepts, true

practitioners are going to practice seven Good Conducts. They then need to go through only three more, which are no greed, no anger, and no delusion. Then they can, at that time, attain Paradise.

B- Distinctive characteristic 2:

Caodaism pays comprehensive attention to three Karma relating to activities, speech, and thought as a whole. This is the second distinctive characteristics of the Caodaist Dharma on Precepts. It is different from the Buddhist Five Precepts which insist specially on activities Karma and on only one aspect of improper language, which is “Do not tell lies”. In reality, people are used to committing mistakes on thought and speech.

1- Thought Karma:

Caodaist disciples are advised not to be ambitious or greedy, which is the origin of thought Karma, let alone committing burglary and theft, which is definitely and decisively Karmatic. In other words, Caodaist disciplines cannot commit mistakes or offences even only in their thinking.

With respect to adultery, any sexual relationship between married person and anybody other than the lawful spouse is prohibited. Besides, Caodaist disciplines are recommended to take caution against lasciviousness, to disengage one’s mind from lust. Lust engenders thought Karma, although this Karma is still indefinite.

2- Language Karma:

It is forbidden to take possession of other people’s wealth by scheming or deceitful language. It is also not permitted to flirt with or to seduce others of the opposite sex, or to incite others to commit incest. In other words, verbally trying to appropriate others’ wealth dishonestly, verbally inciting others to commit incest, or flirting as well as seducing others, all of these will generate Karma which is the Language Karma.

Generally speaking, in addition to bodily activities Karma, Caodaist Precepts focus special attention on thought and language Karma. Bodily activities Karma is so obvious that it become more or less easily

avoidable. This is why people can keep away from killing, thieving, or committing adultery, but a large number of them are more likely inclined to create language Karma.

Caodaist Dharma or more clearly, Caodaist Precepts particularly insist on language Karma. That is the second distinctive characteristic, aiming at teaching Caodaist disciplines not only to do away with bodily activities Karma, but also, and most importantly, to prevent language Karma. Bodily activities Karma and language Karma are definite. They are the cause of metempsychosis.

It is evident that language Karma can generate metempsychosis. Yet, why do so many people not refrain from creating it. That is because people are used to speaking out to satisfy their habit of making themselves heard. But, does the language really exist? Is the language truthful?

In order to give answers to these questions, and at the same time, to get rid of improper language, let us look at the nature of the language with its peculiar nuances in the next chapter.

Chapter III

Peculiar nuances of language.

Language and the letters of our alphabet are just conventional signs. They are only symbols and signs invented by men for the need for communication.

Human beings create words, phrases and clauses from a collection of alphabetic letters, or by assembling a gathering of sounds and put them together to make spoken words, to express their ideas, their thoughts, as well as their actions, habits and customs. People allocate to sounds or word certain meaning, depending on localities, tribes, peoples and finally, through their utterances they create their own Karma.

Apparently, words, letters or language are only worldly objects or forms. They do not have their own nature. They are unable to describe

nameless and incorporated Absolute Reality.

However, people usually love decent language and hate coarse language. As a result, they forget that language itself does not have its own nature, and that it is only the product of Causes and Conditions.

In fact, language, even its letters have no true nature of their own. They are nothing. The word ‘nothing’ here means having no essence of their own, having an appearance that’s changing and not truthful. That is not to say that they do not exist temporarily, for they have spatial and temporal existence. In other words, language and letters are nothingness and emptiness because they are not permanent. They do not last forever. They come into existence and then go out of existence. They are only the products of Causes and Conditions.

In order to explain the nothingness and emptiness as well as the untruthfulness and meaninglessness of language and letters, it is necessary to refer to the following examples.

A- Nothingness of language.

Nothingness of the language expressed in the following examples conveys the connotation of emptiness and meaninglessness.

1- First example.

There is a man with the name “Good”. But he is not a good man. He is bad, an evil person. He has committed adultery and crimes, etc . . . Thus the name “Good” given to him by his parents is not accurate. His name does not express, embody, or stand for his true nature, which is wicked, greedy and ignorant. In fact, his name is only an established calling language which is totally contrary to his real behavior, activities and speech, etc . . .

In other words, language or sound of voice, name or appellation, none of these have the capacity to describe exactly the true nature of beings or things, and sometimes they say quite the opposite. Broadly speaking, names, appellations, language, sound of voice, are only artificial assumptions or inventions. They do not convey the true meaning. They do not have a true nature of their own.

2- Second example.

We may say, a clock or a watch. This appellation, in itself, is not a clock or a watch. It is only a name given to an object, a timepiece hung on a wall or placed on a desk. The two, comprising object and appellation, are different. An appellation is an act of naming an object, but it is not the object itself by nature.

3- Third example.

A insults B. A calls B a dog.

In reality, B is not a dog, he is a human being.

So, when A calls B a dog, does B become a dog or not?. Does he grow a dog's tail and has four legs instead of two? Certainly no. B remains a human being although A calls him a dog. This example shows once more that language or speech is completely empty, void, meaningless, nothing. It does not relate or describe exactly what it intends to convey. It does not have a true nature of its own.

All the above examples demonstrate that language, or speech, is empty, void, meaningless, nothing. Language is used to express or to indicate something, for instance a watch, but it is not that object.

Very often, people refer to language as the means of convey what they intend to put forward, such as to praise, to despite, to insult, to curse, etc

When A insult B , he calls him a dog, but the reality is that B is not a dog; he's a man. Thus A has used an article 'a' and a noun 'dog' to make up a combination which forms an insulting word which is an imagined make- believe form. By doing so, A is in error, having used bad language to insult others. He has committed a wrong doing. Where there is wrong doing, where there is bad language, there is Karma.

It is obvious that uttering erroneous, wandering, improper language will give rise to negative Karma. Why, then, do people deal with each other through improper language? If B acknowledged that by using improper language A is wrong, B must then disregard it, close his ears to it, and everything is gone. B would be at ease and always happy. On the contrary, if B harbors resentment against A, engages in a dispute,

or even fights with A, B would become unwise, unbalanced and deluded like A.

When two people enter into a dispute or a fight, both is in the wrong, it's just a matter of degree of culpability. Now and then people develop such a state of mind because they are subjected to delusion, to ignorance, to their own ego, to their self. They love and give much importance to their self to the point of being under the domination and control of their self attachment and their language attachment, which are the two main attachments that cause affliction, worries and sufferings.

To break clear from these two attachments, people ought to really understand the true nature of human corporal body, the real nature of wandering thoughts, and the real nature of language. None of them is permanent. They come, exist and then disappear. They are subjected to life and death, to birth and destruction. By acknowledging the Three are false, untrue, not real, people can avoid improper language and negative Karma.

In order to become mindful of the Untrue and the Real, people have to understand clearly and perfectly what is taught in the Daily Reciting Sutra of Caodaism, and particularly, to follow the teaching of the Caodaist Dharma Protector to practice regularly the 'Inward Introspection'.

B- Emptiness of language.

In fact, language is empty in terms of not having an intrinsic nature or a true substance. It is only a product of Causes and Conditions. For example, the one with throaty hoarseness, or with a lump obstructing his throat, cannot speak. Neither can the mute, the ankyloglossa (tongue tied), or a person whose tongue has been cut off. Another who tightens or screws up his lips will become voiceless too.

All the above examples show that language is empty, and has no true nature of its own. Language takes existence from the co-ordination of eight elements including lips, tongue, sound, throat, mouth, chest, brain, lungs. All of these eight essential factors work together to produce

the sound. If one of them fails to function properly, the sound or voice will be lost accordingly. In other words, the true nature of language is emptiness. It is Causes and Conditions that give life to language.

It is the same with all worldly phenomena, objects, forms, or living beings. Their apparition as well as that of language depends on Causes and Conditions too. If the eight essential and conditional elements giving rise to language remain, language will continue to exist. But if those conditional constituents disappear, then language will also disappear. Language has no intrinsic nature. Its emergence depends totally on external Causes and Conditions.

Given that, by nature, language means nothingness and emptiness, how real and how true can an insult, a mockery or praise be if its existence is derived from language? They are also not real, not true. Awakened people will recognize that, but the deluded would hold contrary viewpoints. For people with delusion or ignorance, everything, including living beings, are real and true because those people are under the domination of their self-attachment, of their wandering thoughts-attachment, and of their improper language attachment. All these attachments cause them to be unbalanced and ignorant, that is the cause of erroneous language.

People will continue to suffer if they remain ignorant instead of becoming awakened, if they remain attached, unaware of what is real and what is unreal or false, in conformity with the teachings of the Dharma Protector.

It is only with awakening ability of understanding thoroughly the true nature of everything, particularly of living beings, of wandering thoughts and of improper language characterized by nothingness, that people can be free from worries and sufferings.

C- Language is not real and not truthful.

Let us refer to a story often told by Zen masters pointing out that language is not real and not truthful.

There was a monk who built a thatch hut in a forest in which

he meditated with the purpose of making his cultivation more diligent. Everyday, the monk went to the nearest village with his alms bowl to beg for food. At noon, he would return to his thatch hut to have his meal and then he would begin his meditation.

As time went by, unfortunately he caught a bad cold. He stayed alone at home, lying down in his bed, helpless.

One day, a young girl went into the forest in search of firewood. By chance, she came across the bonze's hut and saw him shaking with cold.

Out of compassion for the unattended monk, she quickly ran home and brought him some food and medicine. She continued to do this for several days and the villagers began to notice. They secretly followed her and saw the girl being alone in a hut with a monk. They thought that the two were having an affair. Rumors spread quickly and soon the whole village knew about it.

After getting over his illness, the monk kept on going to beg for his food as usual. When he returned to the village, he noticed that the villagers' behaviors towards him had changed. They no longer showed him respect, but looked down on him instead. He tried to find out why the villagers' attitude towards him had changed, and finally he learnt that there was a rumor about him having an affair with the girl. He also realized that the villagers accused him of not observing the Prohibitions and therefore did not give him offerings any more.

The monk felt terribly sad, because he had seriously kept all the Precepts, but people misunderstood him. He thought that suicide was the only way he could save his name. He approached a tree with the intention of killing himself by hanging. But a genie appeared as he was ready to hang himself.

The genie asked him why he wanted to kill himself and he told him the whole story. The genie asked him how long he had been cultivating himself morally and spiritually, and he replied: "Two years".

The genie then said: "You said you've had two years of religious training. If somebody told you that you've become Buddha, would

that make you a Buddha?”.

The monk replied, “It would not be possible because my time of practice is not enough”. The genie then explained, “If the fact that people call you Buddha doesn’t make you a Buddha, because your time of practice is not enough, then if people say that you haven’t strictly observed the Precepts, but you did, that you have had an affair with the girl, which you did not, then does that make you a sinner? Of course not”.

After hearing the explanation, the monk became awakened and abandoned the intention to kill himself. He bowed to the genie and returned to his hut to continue with his self-cultivation.

This story shows that when people speak about something, what they say depends on their state of mind, suspicion, joy, sadness, love or hate. In reality, spoken words are not categorically true, not a verified and indisputable fact. That means spoken words are meaningless, not true, in the sense of not being in accordance with the actual state of things, not conforming to fact.

Given that spoken words, or language, has no real but only phenomenal and apparent meaning, why are people so attached to it, in such ways that they become subjected to worries, distress and suffering?.

Human beings will continue to suffer if they keep on being attached to improper language as well as all earthly ephemeral and artificial forms and objects which they regard as reality or truth.

On the contrary, if people are awakened and realize that language and all earthly objects, including living beings, are impermanent and ephemeral, then automatically all worldly troubles, annoyance, anxiety, grief, suffering or misfortune will disappear. All of them have a made-up form. All of them, take their existence from the Causes and Conditions, which means they are all not real, and have no true nature that would last forever.

For instance, a man insults us but we do not respond. We forgive him, we let go of it. That proves that in the bottom of our heart we do

not receive the insult. In that case, where does the insult get at? Where does it go to? Certainly it would dissipate in the sky phenomenally, and furthermore, according to the Law of Karma, it will return to its producer because where there is bad language, there is bad Karma..

Language, in general, or an insult in particular, cannot cut off our limbs, or sever our head, because it has no intrinsic nature, no true substance, and materially it is non-existent. It means nothing. But if we grasp it, take it into account, or seize it mentally, that is we are mindful of it, we will then be attached to it, subjected to it, and become a victim of it. Inevitably, we'll suffer due to our attachment to it. In contrary, if we let go of it, regard it a nothingness, emptiness, and meaninglessness because it is only an invented form, no more and no less, our mind will be then at peace, and we will be undeniably happy.

D- Meaninglessness of language.

In the Buddhist Diamond Sutra and Nirvana Sutra, language is meaningless.

1- The Diamond Sutra.

In chapter 7 of the Diamond Sutra, titled “Nothing attained, nothing spoken”, Buddha asked Subhuti, “Subhuti, what do you think?. Has the Tathagata attained the Enlightenment?. Has he spoken of such Dharma?”.

Subhuti responded, “As I understand the meaning of the Lord Buddha’s teachings, there is no absolute Dharma called Supreme Enlightenment, nor independent Dharma taught by the Tathagata. Why? Because by its essential nature, the Dharma taught by Tathagata cannot be understood wholly and thoroughly. They appear to be inconceivable. They cannot be spoken. They are neither Dharma nor non-Dharma”.

Why did Buddha say that his teaching cannot be spoken?. Because Dharma cannot be understood comprehensively through language. More clearly, language is insufficient, incapable, incompetent and inadequate to speak of or to explain the Absolute Reality. Language can be used only to indicate or to reveal the Absolute Reality.

This is why in many Buddhist temples there is a statue of Buddha with his index finger pointing to the sky. More precisely, he points to the moon. The Buddha's finger represents language, or the Buddha teachings, and the moon symbolizes the Absolute Reality. The finger is not the moon.

People refer to the finger to point to the far-away moon, but the finger does not touch the moon. There is no link between the two. They are separate. That the one is not the other is just like language is not the Absolute Reality.

In other words, language can be used only to denote, to point to Absolute Reality, but language is unable to make plain or clear, to render intelligible, or to make known in detail, the Absolute Reality. Finally, language is not an Absolute Reality.

Language or speech has the potential of abolishing or nullifying wandering thoughts and wrong doings by human beings. Language or spoken words are established to help deluded people.

In fact, language or speech is nothing but arbitrary auditory symbols in conventional ways with conventional meanings. They have no true substance, no intrinsic value, as mentioned in subheadings A, B, C above. This is why Buddha spoke of the Dharma's teaching, but bluntly refused to recognize them, and confirmed that there was 'nothing spoken'. Nothing spoken because language or spoken words do not have the capacity to make known the Absolute Reality by means of voice. However, the Tathagata had 'to speak of' so as to save people from delusion, from the power and consequences of sins.

2- The Nirvana Sutra.

In the Nirvana Sutra, Buddha said, "After forty nine years of teaching, I have said nothing".

Why did he say so?. Tathagata had carried out his teaching with spoken words. Why did he say that he had not uttered even a word? Did he intend to deny what he had said? Did he refuse to acknowledge his Dharma teaching? If so, all the Sutras preached by Buddha must be burnt, because they were written down from the Dharma taught

vocally by Buddha?

But in reality, what Buddha spelt out can be accepted easily because Dharma consists of two different types:

a- Firstly, Dharma means all methods or all Buddhist teachings by Buddha during his forty nine years of teaching. These teachings constitute a collection of Buddhist Sutra.

b- Secondly, Dharma means the Reality, the Absolute, the Pure Mind, or the True Nature. It exists before all, even before all Buddhas. Human beings are aware of it., illuminated by it, awakened by it, enlightened by it and become Buddhas. In other words, it is the second type of Dharma that gives life to Buddha. It is untouchable, in terms of unable to be equaled, to be affected in any way, by any worldly factor. Consequently, people cannot refer to language to get at it, to describe it, or to make it known comprehensively. People can only reach it through meditation or by intuition, a direct acquisition of truth, which is independent of any reasoning process.

In brief, Dharma, in terms of True Nature, is beyond all explanations, is out of the reach of language. In short, language is something invented worldly, discriminatory and impermanent, while on the contrary, Dharma is non-discriminatory and permanent. This is why Buddha, after forty nine years of teaching, said that there was nothing spoken.

In conclusion, the Diamond Sutra and the nirvana Sutra have proven the limitation, the impediment and the drawback of language. Language and the written word have the ability to suggest to favor the teaching which can be very fruitful in helping people in their cultivation. But, if language is used to argue, to dispute, to praise or to despise, and finally to love or to hate, it will make people more deluded, more ignorant.

E- Elimination of language in the Tao Teh Ching.

1- In chapter 56 of the Tao Teh Ching, Lao Tzu said, “One who knows does not talk, one who talks does not know”.

The rough meaning of the above saying is that language has its limitation. If someone speaks of something, for example, the True Nature or the Absolute Reality, that means he does not fully understand it. On the other hand, if he does understand it, he will not be able to explain it or describe it fully.

Colloquially, is it right or true?

If people know that everything on earth originated from our mind, that all forms take existence from our perception, that all is impermanent and without self, as well as Lao Tzu's theory which say that 'speaking of something means not fully understanding it, how do people bother to talk about the right and the wrong, the true and the false, the good and the bad, love and hate, etc . . .

In fact, everything on earth is impermanent. All forms, all objects, even our human body are changing permanently. They modify, transform, alter and finally disintegrate and disappear. People are so afraid of such process that they call it a devil.

In order to demonstrate the ferocity of that devil, as well as to encourage its disciples to practice the Precepts and cultivate morally and spiritually, Caodaism, in its Repentance Sutra, has asserted that "The Impermanence Devil is always ready to destroy everything, everybody". Moreover, in the Séance section of December 19th, 1926, the Supreme Being, with the objective of making known the impermanence, said in the French language, "Donnés par un human, ils ne sont que trop humans. Ce qui vient d'un home n'a rien de résistant. C'est sujet à détérioration. Ils sont détruits dès qu'on enlève la vie de celui qui le détient".

This French axiom proves the impermanence of everything. It can be translated into English as 'Anything originated from a human being is human. It cannot last. It will deteriorate. All will be rendered null and void as soon as the human being who possesses them passes away.

Impermanence is really a natural law. It governs everything on earth, including human beings. With human beings, there are births, illness,

old age and deaths. With earthly forms, there are formation, staying, destruction and annulment. The natural law does not spare anything, anyone. All human beings are subjected to it. We all should be aware of it. The awareness does not mean to discourage us or to dramatize the environment around us, but it has the potential to give us proper thoughts and proper viewpoints on life and on the universe as taught in the Dharma of Caodaism in the following terms.

Everything on earth, including ourselves, are worldly and earthly
They are nothing but phenomenal and impermanent.

People are struggling, fighting, just as selling or buying in the market.

They do not know that, in a flash, everything, including ourselves, will be gone.

Human beings' life is like a flash. It is nothing but a dream. It can last for eighty or ninety year, but a large number of people are subjected to sudden death. No one can escape from death. Death is a natural result of birth. Thus we know that birth and death are parts of a natural process of human life. Why don't we take advantage of our lifetime to help others, to show compassion to others, and to carry out our personal and moral self-cultivation? How good to have the upper hand with just a few words while spoken words or language is only nothingness or emptiness. They have no true substance or intrinsic nature. As a consequence, if we are so attached to them we will be affected and distressed eventually.

2- As a matter of fact, with the saying 'One who knows does not talk, and one who talks does not know,' the saint Lao Tzu suggested that language does not have the capacity to describe the quietness of the universe. Language is insufficient and inadequate to ponder upon the True Nature of the Universe which is also the Tao. That is to say language has its limits as it is something that's invented.

Given that language is made-up, invented, without a true nature, there is no reason for us to use language to argue, to dispute etc

If we have to say something, try to do it decently, gently, kindly, mercifully and compassionately. On the contrary, the use of improper language will result only in negative karma which is not fruitful, not helpful, nothing at all, on our way of practicing Precepts. There is a motto:

“It costs nothing when one utters a word,
Try to choose decent language to please others”.

Chapter IV

Improper language in Caodaism

The Third Amnesty of the Great Way, or Cao Dai was founded in Viet Nam in 1926. Its collection of Sutras and Divine Messages, written in Vietnamese, are very clear and easy to understand.

In its teaching, Caodaism has accorded most importance to language, especially to the use of improper language, where its disciples, as well as ordinary people, are prone to make mistakes or to commit faults.

Indeed, most people, particularly ordinary ones, are so attached to their self and to the spoken language that they are subdued almost totally to ignorance. As a result of being subdued to ignorance, ordinary people develop the habit of talking with improper language. What they say depends on what is in their mind. In brief, people with serenity of mind will talk as sages do, and ill-natured people will use bad language.

There are two styles of language. One is the type spoken by sages, saints or serene people. The other one is used by ill-tempered people or evil ones. Ill-tempered people or evil ones resort to language for boasting, arguing or disputing. They used language as the means to threaten, to seduce, to deceive or to mislead others, while the sayings of saints and sages are aimed at showing the reality, teaching the truth, and elucidating in order to help human beings cultivate themselves morally and spiritually.

It is obvious that wicked people or devils exist everywhere

in society. They are present even in churches and temples, as foretold by Caodaist teachings.

“The musical sounds are so attractive
That induces a large number of devils to flock together.
They move around, trying to deceive and seduce
Finally to detach followers from their awakening Great Way”.

Caodaist and Buddhist teachings confirm that man is at the same time devil and Buddha. More clearly, he is both a hell, a hungry ghost, an animal or a human being, a sage, or a Buddha. If he commits killing, the doors to hell would open for him. If he insults or mistreats others in a brutal way, he is like an animal. If he uses improper language to seduce others or to harm them, he is nothing but a ghost. But, if he observes the Five Precepts, he is a human being, and will be a human being at rebirth. Furthermore, with a pure mind, he will be a Sage or Saint, and finally his total awakening and enlightenment will help him return himself to his very own true nature that is Bodhisattva or Buddha.

In summary, actually we are all human beings. We don't know whether in our previous lives we were animals and through our effort of self-cultivation that we have attained the Human Realm or we had been Saints or Bodhisattva but make mistakes or committed faults and we fell down, then we become human beings, These happenings were revealed in the Séance of 1926 at Gò Kén Pagoda in Tây Ninh, ViệT Nam. In that séance, the Supreme Being confirmed that ‘all sages and saints who have committed faults will be damned to earth’ Moreover, in the sacred teachings there are these four lines:

“Day by day life will go by unfruitful if you don't cultivate yourself
Without moral and spiritual cultivation, your True Nature will be diminished and fade away.
But if you practice to have a pure mind
You will return to your True Nature which is a Buddha”.

Caodaism knows that all human beings have a spiritual and immaterial entity. So Caodaist teaching aims at encouraging people to cultivate themselves in order to return to their True Nature of Saint or Buddha.

In the process of cultivation, people can easily avoid bodily activity Karma, but they are prone to commit improper language. For instance, they do not tell lies, do not deliver tricky and vulgar language, do not speak with forked tongue, but only with something said to incite laughter or amusement, such as a joke, they will thereby give rise to bad Karma too, for joking may cause negative Karmic consequences.

The following example will prove that point. A gambler loses all his fortune, resulting in a divorce from his wife. He suffers greatly and is deeply hurt. An old friend happens to see him, and jokes with him. “Eh, you are now a gambling expert, aren’t you?”. Though this utterance is a joke, it intensified his friend’s suffering. To make someone suffer is a sin. Any spoken words that cause distress are improper.

Due to the fact that language has its subtlety which can cause Karma, Caodaist teachings have made an effort to remind their disciples to be aware of this.

Caodaist teachings consist the following:

A- Always tell the truth.

Try to have proper language, at the right time, in the right place.

Keep your mouth closed when necessary.

The Supreme Being ordered:

“Collect blessings! Amass blessings! My disciples.

You are, up to this date, very talkative,

Your love for each other is also your love of the Tao

Your True Nature is always immanent in you”.

And,

“Be good listeners! I have some recommendations for you,

You know what to do, what to say, keep it your own.

Regardless of others ‘comments or criticisms,

Try to have proper language, in the right place, in the right time”.

The Supreme Being asked his disciples to have proper language that means to speak of something at the right time, in the right place, and with decent manners in order to practice them vocally in speech. Practicing proper language will give a lot of benefits, the most important of which is the benefit of awakening others.

B- Avoid tricky and scheming language.

Do not make comments.

In the séance of February 20th, 1926, the Supreme Being strictly recommended, “You are not permitted to make comments on others businesses”. And in the Sacred Saying, he taught,

“Be mindful that God is impartial
His mastering of all is obvious.
His impartiality does not give way to any trick
Remember to do away with tricky and scheming language’.

And,

How could a bird be safe when a bow is ready for shooting?,
It is like men lack of blessings are prone to suffering
One may turn to adopt oneself to tough experiences
But remember to get rid of all tricky scheming”.

By resorting to scheming to harm people through setting two people at variance, or speaking with forked tongues to incite hatred, will finally give rise to bad Karma. By throwing innuendoes against someone, or speaking in a figurative sense with the objective of bringing about discordance, disharmony or disagreement will also engender bad Karma.

In brief, the use of language in the above examples will certainly have Karmic consequences.

Besides, making comments on others’ business is also a breach of good conduct. This was proved by the séance in the year of the Dragon, 1928, when the Supreme Being said, ‘I advise you to conduct yourself

appropriately and to be closed-mouth. It is not worthy to cause an offence, only with your spoken language.’

The above teachings of the Supreme Being are very clear, distinct and definite. Making comments at ease or criticizing others unreservedly is sinful.

Making comments or criticizing is an act of analyzing, judging, fault-finding by means of language.

Through having the habit of using language to comment, to criticize, men will become accustomed to talking inconsiderately, without due regard for the right and the feelings of others. It is a sin indeed.

As usual, people are used to talking because of their selfishness.

Some people speak oratorically so as to praise themselves, or talk abundantly in order to despise others. They are so accustomed to talking that finally they become talkative. They speak of the right and the wrong, the good and the bad, the true and the false etc . . . but what they say is eventually nothing more than rumors, hearsay, or idle talk.

There is no end to rumor, hearsay, or idle talk. They will make people more ignorant, that mean the more people keep talking the more deluded they become. It is delusion or ignorance that causes great damage to people, morally and spiritually.

Really, people with ignorance are self-absorbed. They are subjected to self-attachment. Those who are victims of being self-absorbed and self attachments inevitably develop three psychological problems.

1- They have a tendency to look down on others.

Looking down on others is an offence, for everybody on earth has his own True Nature which is originated from the Absolute. Everybody is equal, amongst each other. If people appear different one from another, that is because of the awakening degree of their state of mind.

So looking down on others means not respecting others’ True Nature, originated from the Absolute, who is also God, Buddha or the Supreme Being.

2- They get angry very easily.

People get angry easily if they are so attached to their self. Anger is one of the three evil acts, one of the ten bad conducts. Those who let themselves get angry will not be able to attain Paradise because in order to attain Paradise one must fulfill the Ten Good Conducts of which no anger is one. The Supreme Being said

“Come and I will show you the Great Way.

As long as you do not commit yourself to anger

Remember that if you hate others God will blame you

It is up to you to think over and to make the right choice”.

That means all of those who wish to return to their own True Nature must first take refuge in the Great Way where God will show them the True in order to avoid the False, the Right in order to avoid the Wrong. After taking refuge in the Great Way, they should secondly refrain from anger, particularly not to hate others for fear of being blamed by God.

3- They are susceptible of being selfish and wicked.

It is obvious that a man with self attachments will have a superiority complex and will be a victim of selfishness. The more selfish he is, the more egoistic, egocentric and vicious he becomes.

The reason why he despises others is to satisfy the wish to make himself more well-known, to raise himself higher, regardless the suffering of others. Despising the others, or praising oneself, only aims to bring out the wrong, the false, the bad side of others so as to highlight one's own right, true and good aspects.

However if we examine and think over everything carefully and thoughtfully, we will notice that nothing on earth is absolute. They are all subjected to changing. They change all the time. They are not fixed. They are conditional, in terms of interdependence. All of them are relative and not absolute. The good in one area may be bad in another.

Very often, people accept the right, the wrong, the good and the bad differently, depending on the time and place, on personal or collective perception.

These are some examples:

A- Right - Wrong.

The concept of Right and Wrong is always changing. It depends on time, space and personal or collective perception.

*** Space:**

In Great Britain, as well as in all Commonwealth countries, people drive on the left hand side. Thus, driving on the left is right. In contrary, in France or in many countries including the United States of America, people drive on the right, and thus driving on the right is right. Between these two countries, France and England, separated by the Strait of Manche, a distance of 30 kilometers, the concept of Right and Wrong is totally different.

What is right in one country is wrong in the other, and vice versa.

*** Time:**

In the past, in China and some of her neighboring countries, the King had utmost power called Divine Right. He could kill anybody at will. He could order anyone to kill themselves and they would have to obey his command to show their loyalty to the King. An example was Ty Cang, an uncle of the King. But today it is different. The President of China does not have the power to kill anybody at will, nor can he order anyone to take their own life.

Things have changed over time. In the old days it was right, but in our time it is wrong. What constitutes Right or Wrong changes over time?

*** Personal Perception:**

There is a story about a couple working in the field. The husband is blind and the wife is deaf. While harvesting the crop, a royal cortege passes down the road a long way away, surrounded by a forest of flags and loud music. The wife asks her husband. “What’s happening?” and the husband who cannot see anything, because of his blindness says, “The funny and cheerful voice of music is so entertaining”.

The wife, who cannot hear because of her deafness, replies, “No, there is no music. There is only a gathering of flags which fly amusingly”.

The couple then disagrees with each other, starts arguing, gets angry, stops working and leaves the field.

Now the question is, “Who is right, and who is wrong?”. Neither is completely right or wrong. Right or wrong depends on the individual’s gifted abilities. The concept of Right or Wrong is not absolute or fixed. It is conditional and relative.

B- Righteous - Vicious.

It is the same with Righteous and Vicious. Righteous and Vicious are not fixed but conditional and dependent on time and location.

For example, in countries where people observe Islamic law, one man may have four wives. Thus it is not against the law for a man to have four wives. That means that polygamy is righteous and not vicious in Muslim countries. On the contrary, in the USA, or in many other countries such as Viet Nam, having more than one wife is not lawful. In Australia for example, polygamy is unlawful and forbidden.

A second example: In the past, in Viet Nam, most marriages were pre-arranged. Parents made decisions on the marriages of their children. Most parents chose the person to whom their children would marry, and the children had no say in it. In those days, there was no marriage of love, only arranged marriages. Nowadays, it is different in Viet Nam. Most marriages are with love, and arranged marriages are rare.

Specially in Australia, in migrant families of Asian backgrounds, it seems that the children make their own choice of whom they marry. Most parents agree to respect their children’s choice. This process appears to be natural, righteous, and nothing wrong because the Australian culture, as well as the Australian lifestyle, is like such at the moment.

C- Good - Bad.

It is also the same with Good and Bad.

A same event may be good for some people and bad for others.

For instance, a hungry fox hunted for food at the end of the day. The fox chased a chicken to catch it for him and his cubs to eat. A teenager happened to see the chicken being chased and tried to save

it, chasing the fox away. As a result, the chicken was saved. It was the teenager's good deed, because he saved the chicken's life. But for the fox, what the teenager had done was very bad for his cubs and for himself, because they would be hungry all night long.

This example proves that good or bad is not fixed. It is conditional and relative. It depends on time, space, and particularly on the individual case.

D- Right +Right = Wrong.

Let's tell the story relating to Hui-Neng Master, the Sixth Zen Master.

Hui-Neng received the title of Sixth Zen Master from his predecessor when he was still a layman.

His predecessor helped him to go southward at night. His opposition camp went after him, trying to snatch the bonze's toga and bowl from him. He had to go into hiding, to find shelter. He wandered around aimlessly, with no fixed abode, and sometimes he had to live with hunters.

One day, he arrived in Guang Zhou province. He entered the True Nature Temple's front yard while inside the hall the Venerable An Tong was giving a Dharma lecture on the Nirvana Sutra.

Outside, in the middle of the front yard, two junior monks were arguing about the temple's banner which was flying freely with the wind. One monk said that the banner was moving. The other said that it was the wind that was moving. Both tried their best to assert that their view was right. Neither admitted that he was wrong. Master Hui-Neng approached the monks and revealed, 'It is neither the banner nor the wind that's moving. It is the mind of both of you that's moving.' The monks were stupefied by what they heard from a layman.

The reason why Master Hui-Neng said that it was neither the wind nor the banner was moving is that if the banner exists but there is no wind then the banner cannot be moving. Or, if there is a wind, but there exist no banner on a flagstaff, then the wind cannot be seen. The movement comes from the conditional relationship of two components, the wind and the banner. Without either of these, the action of moving cannot be perceived.

In brief, the wind is the cause of moving and the fluttering banner is the effect, the condition, the moving form. There must be a relationship of at least two factors to bring about the emergence of the third. This is why Master Hui-Neng said that both monks were wrong, because each of them referred to only one single component for his own assertion.

But why did Master Hui-Neng said that the mind of both monks moved? That is because both were victims of one-sidedness. They were so attached to one side, to a single factor, that they had wandering and erroneous thoughts. In other words, wandering thoughts are the source of all attachments, all errors which are the cause of all arguments or disputes.

The “Wind and Banner” story shows that the two monks have used language to consider only one side of a matter. They were one-sided. Moreover, language used in their arguments was also invented, conventional and one-sided. It cannot reach the Reality and is not the Reality.

Due to the fact that people are so deluded, they often make use of language to argue or to dispute. That is why in his Precious Dharma Sutra, Master Hui-Neng taught that “The deluded are used to speak vocally of everything, the awakened, on the contrary, are mindful of their conducts that are the teachings for everybody”.

Likewise, Lao Tzu, in his Tao Teh Ching, also advised people to use their conducts to teach others, instead of using language.

As stated by Lao Tzu, the wrong is the reverse of the right, the false is the reverse of the true, the vicious is the reverse of the righteous, hate is the reverse of love. Just like the two sides of a coin.

On earth, there is no everlasting right or wrong. In their life time, people sometimes love and sometimes hate others. No-one is bad forever, and no-one has an unending goodness. They are changing all the time, making one the reverse of the other and both are originated from the same source, which is a human being. Being right or wrong, good or bad, depends on the state of mind which is awakened or deluded.

Seeing that ordinary people indulge themselves in delusion rather than awakening, that they regard wandering thoughts as their self, and that they hardly meet with his True Mind again. Lao Tzu advised people to look at everything including human beings, in their unity or one-ness if they wish to reach the Tao.

Caodaist disciples, in their daily prayers, have an opportunity to practice the unity of thought by looking at the One-ness represented by the Divine Eye.

However, after prayer time, some forget the natural state of being “One”, that is the one-ness of a complex organic whole or of an interconnecting series, and they become victims of a viewpoint of self and other. As a result of the viewpoint of the two separated self and other, they are so attached to their self that they begin to disagree with each other, which is the cause of their affliction, of their distress and suffering.

There are not two identities in one human being. It is only one person who is both good and bad, both right and wrong. The right is the reverse of the wrong. The good is the reverse of the bad. One is the other side of the other and vice versa. Both sides are from one unity. Both sides are a part of the states of being united and combined into one, as parts of the whole.

People are so afflicted and worried because they are victims of self attachments. They are so attached to their self that they pay too much attention to the difference between their self and that of the other, which is the cause of their suffering and which hampers their path to enlightenment. Buddhism has clarified this viewpoint. Taoism has also made reference to this in its theory of Relativism.

Similarly, Caodaist Sutras and Sacred Messages have mentioned it as well. Unfortunately, there is still a lack of Caodaist commentaries designed to bring to light all the Caodaist doctrine.

Let's now return to the Taoist doctrine concerning One-ness.

What Lao Tzu openly refused to accept is the viewpoint of looking at things with an attitude of opposing to the quality of being One, of unity. Such a viewpoint is not in conformity with the Tao.

In reality, the two sides of one coin cannot be separated. They are conditionally related. One cannot exist without the other. In other words, they are interdependent. The one must rely on the other for its whole existence, or for its own appearance, or emergence. They are bound up with each other. In brief, because of their relationship, of their interdependence, of their similarity of character or identity, they have to unite to join together to become the same, in one-ness and whole-ness.

C- Prohibition of evil-tongue, of unsympathetic, unkind and cruel language.

Human beings, by instinct, cherish living and safeguard their lives by all means. It is an innate impulse, a very natural aptitude, according to the well-known French philosopher Henri Bergson.

Henri Bergson describes human vital drive through two instincts, the Instinct of Destruction and the Instinct of Conservation. These two instincts cause human beings to become gradually contaminated by rendering themselves impure through contact and mixture, then finally make them more inclined to be sinful.

In fact, in order to protect themselves from being abused by others, human beings have a tendency to eliminate all objects, all factors or entities that can be harmful to them. Furthermore, with the veracity of their vital drive, human beings are inclined to overcome all impediments, barriers and obstacles encountered in their life.

That is why in their behavior, or language, they have a tendency to mistreat or to crush others. They carry out all these activities in order to prove that they are talented, efficient, good, right, while the others are awkward, incapable, bad, or wrong. All these activities cause them to gradually become more and more wicked, unless they learn to redress their setbacks so as to follow the way of enlightenment.

The Supreme Being knew quite well the penchant and proneness of human beings, so from an early day, He had founded at different epochs, and in different areas, the Five Branches of the Great Way in order to teach people how to avoid the Bad and practice the Good.

Today, the Supreme Being has firmly resolved to come Himself to show people the Way, called the Third Amnesty of the Great Way, or Cao Dai , which links the doctrinal essence of three Great Religions in Asia and Christianity in Europe. That is the reason why within Caodaism there exists the doctrines of other religions, in which the way of practicing good and avoiding bad is the main Dharma.

The Supreme Being asked his children to keep the Five Precepts after taking refuge in Caodaism. In the Five Precepts, the language commandment is the subtle, the most difficult to observe, where people often and easily commit errors.

Really, killing, burglary or adultery are more or less easily avoidable. But spoken language that causes people to suffer is often unnoticeable. Spoken language is very subtle. It is because of the spoken language's subtlety that the Supreme Being advised his children to be careful in their speech, less speaking is better, and speaking nothing at all is the best.

Speaking nothing at all does not mean being voiceless. It conveys the notion of abstaining from improper language. People do need spoken language to communicate with each other. Some people may misunderstand the phrase "speaking nothing at all" and they abstain from speaking, and become voiceless. However, when communicating with others they use a pen and a notebook. If they need to ask someone something, they write it down in the notebook instead of using spoken words. They use the same method when answering questions. They don't realize that it is also written language.

In general, people can communicate with each other in many ways, for example, by making signs or through body language. Body language and written language are the means of conveying one's thinking. They are regarded as language, although no spoken words are involved.

In conclusion, as mentioned above, language in itself has no entity. It takes existence from the eight causes and conditions, of which the most important is the mind or the thought. The thought is the origin, the nature, whereas spoken words are the form, in terms of external appearance or particular structural mode of exhibition. Without thought people cannot speak or pronounce, in other words they cannot give audible expressions with their voice. Therefore, one cannot have bad language if one does not have erroneous thoughts. The relationship between thought and spoken language is very close. Bad language only comes from wandering thoughts. As a result, people have to avoid wrong thoughts in order to avoid generating bad language, bad Karma. But, in matters of language, people must use it when necessary.

Generally, people prefer listening to a soft voice. What people expect is fine, delicate, sincere, friendly, affectionate, and consoling language. So, it is better for everybody to use decent language towards each other. The Supreme Being has taught:

“Try to be decent in your vocal language,
Do not presume that only you are eloquent enough.
Remember that bad language can cause you to go to hell for a
thousand of years,
That presently, language is the origin of all ups and downs in
life”.

It is only with an insult or a curse that people can be condemned to the Three Lower Realms for a thousand years.

Therefore, people must avoid bad language.

Avoid bad language is the first step of cultivating the Ten Good Conducts.

With an attempt to achieve Ten Good Conducts so as to attain Paradise, people must first observe the Five Precepts of Caodaism, which include the Seven Good Conduct, namely:

1- To free or to release from restraint or from imprisonment all living creatures : Do not kill them.

2- To give alms, to give to charity, instead of stealing.

- 3- To observe purity, chastity instead of adultery.
- 4- To tell the truth instead of telling lies.
- 5- To speak honestly, frankly, loyally instead of exaggerating, minimizing, or making up stories.
- 6- To use language that engenders harmony, fellowship, solidarity instead of speaking with forked tongues to incite hatred or to equivocate.
- 7- To speak decently, delicately, affectionately and consolingly instead of slandering, libeling, vilifying or insulting.

There remain three more Good Conducts to be achieved, which are no greed (or ambition), no anger (or hatred), no delusion (or ignorance). It will take time to practice and to carry them through, but they are achievable too.

People will go beyond the cycle of death and rebirth, will enter Paradise or Nirvana depending on their Ten Good Conducts achievement and on the degree of their awakening and enlightenment, or more properly, on their being free of ignorance. The freer they are of ignorance, the higher their attainment will be.



CONCLUSION

1- In order to retain one's human being existence through the transmigration of souls after death, religious practitioners in particular, ordinary people in general, must observe the Five Precepts. In other words, the keeping of the Five Precepts will help people maintain their human being's existence through metempsychosis.

2- In order to attain Paradise, as stated by the Sixth Zen Patriarch, Master Hui-Neng, people must make an effort to practice the Ten Good Conducts.

In the practice of the Ten Good Conducts, it is quite easy to avoid the three bad deeds arising from bodily activities. However, in general people will experience some difficulties in handling four other conducts relating to speech.

Finally there remain three sins which are greed, anger and ignorance, which people ought to eliminate decisively so as to bring to completion the Three Last Good Conducts.

In the process of fulfilling the Three Last Good Conducts through eliminating the three sins of greed, anger and ignorance, it is necessary that people should be awakened. The more awakened the people are, the more they can do away with greed, anger and ignorance. In other words, as long as people become elucidated, they will be able to get rid of delusion and in the end they hopefully will have more opportunity to attain enlightenment.

3- This book has the ultimate goal of avoiding metempsychosis to transitionally attain Paradise. But, firstly and presently, it aims at showing people how to keep away from the four Karmic consequences arising from speech. With this purpose in mind, let's recount two stories in relation to language Karma.

The first story is about a monk. One day a monk climbed up a tree. One of his disciples saw him by chance and asked him a question:

“What is the instruction of Bodhi Dharma?”, the disciple asked.

The monk looks at his disciple standing on the ground, ready to give an answer but unfortunately he lost his grip and started to fall down. He tried to save himself by grasping at the tree branches, but without success. Although he was unable to grab a branch with his arms, he could unexpectedly seize and hold a branch with his teeth. The monk, at that moment became voiceless. He could not speak because if he opened his mouth he would fall to the ground.

The second story, titled “Misfortune comes from the mouth”, is drawn from a book titled “Zen’s beautiful anecdotes”.

The story goes:

“Once upon a time, there was a tortoise that had to endure an extensive drought. All ponds and lakes were completely dry. At that time, two flamingoes, perched on a tree nearby, had the good intention of saving the tortoise. Upon the tortoise’s request, the flamingoes agreed to carry him to water.

Before departing, the two flamingoes advised that the tortoise was not to open his mouth to speak under no circumstances, as doing so could be fatal. The tortoise agreed. The flamingoes fetched a rope and asked the tortoise to grasp it with its mouth, as they did. Then the two flamingoes began to fly.

On their way to the sea, they flew over a village. A group of children saw them and shouted, ‘That’s odd! Take a look! Two flamingoes carrying a tortoise!’

The tortoise felt frustrated. But he remembered the flamingoes’ advice and he abstained from reacting.

The children kept on teasing to the point the tortoise became angry: he opened his mouth to yell curses on the children. But as soon as he opened his mouth, even before he could say a word, he fell down to the ground and died.

With the two stories related above, the first story aims at advising people to use spoken words only at the right time, in the right place. People must be careful to their speech in order to have a proper and

decent language. The more they abstain or refrain from speaking, to become voiceless if possible, the better it is.

Becoming voiceless was the case of the monk. The monk could not speak even a single word because if he opened his mouth to speak he would fall down and die. Spoken words are sometimes disastrous like that. Many people have experienced that. So, if people have to speak of something, they should try to use decent, delicate, affectionate, consoling language. On the contrary, if they tell lies, make up stories, speak with forked tongue, or slander, libel vilify, or insult others, they will be victims of misfortune in present life and will not be able to evade Karmic consequences in the lives to come.

As to the tortoise, the story of the tortoise is a lesson to teach people that misfortune will come from greed, anger, delusion as well as from improper language. All of them constitute the cause of the tortoise's death.

Finally, let's recall the teachings of the ancients.

Ancient teachings reveal that each person has two eyes, two nostrils but only one mouth. They explained, 'With two nostrils, a person can inhale more oxygen to nourish his body. With two eyes, the person can observe more broadly and to gain more knowledge which can help him be awakened in order to cultivate himself morally and spiritually, while his two ears are to enhance and intensify his listening skills more than his speaking skills with only one mouth.

Anyone who loves listening to others attentively and mindfully, instead of speaking volubly, will no doubt gain the sympathy of others. He will always feel at ease and at peace, just like having cultivated a great deal, thanks to his listening ability. The rabbit is beautiful thanks to its two upright, straight and large ears. The large ears give the rabbit the listening skills needed to run away in time when danger comes. Consequently, the rabbit can escape from death easily. If the rabbit's ears were short and small, he would like a cat, more or less. The ears



are designed for listening, while the mouth for speaking. The two ears are destined for a great deal of listening while the one mouth is meant to speak less.

People will become more fortunate if they learn why and when they must abstain from speaking.

The more people can abstain from speaking, the happier they will be and good fortune will be with them. It may be crucial to quote the adage that says, “The frog was killed because of its mouth”.

The End



**Giới,
Đường tới Thiên Đàng
Precepts,
The Way to Paradise**

Soạn giả: HT. Lê Văn Thêm

**Chủ trương
BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI**

Trình bày

HT. Nguyễn Ngọc Dũ

HT. Nguyễn Văn Cầu

Đánh máy

HTDP. Nguyễn Đăng Điền

Nguyễn Ngọc Dao

Phát hành

HT. Nguyễn Đăng Khích

SÁCH BIẾU - KHÔNG BÁN

Địa chỉ liên lạc:

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

3076 Oak bridge Dr.

San Jose, CA 95121-1716

Điện thoại: 408-238-6547 , Fax: 408-440-1372

Email: dutani@comcast.net



Tri Ân

Ban Thế Đạo Hải Ngoại xin thành thật tri ân:

- Quý Đồng Đạo
- Các Cơ Sở Đạo và Cơ Sở kinh doanh.
- Quý vị Đạo tâm và Thân hữu

đã tích cực yểm trợ Ban Thế Đạo Hải Ngoại, Tập San Thế Đạo trong việc phổ truyền Chơn pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh từ ngày Ban Thế Đạo Hải Ngoại được thành lập (tháng 12 năm 1995) cho đến nay, đặc biệt là trong việc in Kinh sách, Bản tin, Tập san. Nếu không có sự yểm trợ quý báu và đều đặn này chắc chắn là Ban Thế Đạo Hải Ngoại không có được sinh hoạt như ngày hôm nay.

Thành tâm cầu nguyện hai Đấng Phụ Mẫu Vạn Linh và các Đấng Thiêng Liêng chan rưới Hồng Ân cho toàn thể Quý Huynh, Tỷ cùng gia đình luôn được dồi dào sức khỏe, vạn sự an lành và tu tấn trên đường lập vị.

Thành thật tri ân.
San Jose, tháng 07-2009



Mục Lục

- Lời giới thiệu -----	05
- Tựa -----	07
- Phần thứ nhất: Tầm quan trọng của giới -----	09
* Giới và Luân Hồi-----	10
* Giới và Nghiệp -----	15
* Giới và Đạo -----	20
- Phần thứ hai: Những nét vi tế về Giới “Vọng ngữ” -----	24
I-Ngôn ngữ với các Tôn giáo -----	24
II-Đặc trưng ngôn ngữ trong Ngũ Giới Đạo Cao Đài -----	26
III-Những nét vi tế của ngôn ngữ -----	28
IV-Ngôn ngữ và Vọng ngữ trong Đạo Cao Đài -----	38
- Kết Luận -----	53

Phần Anh Ngữ

- Precepts, The Way to Paradise -----	57
- Preface -----	61
- Volume I: The importance of the precepts -----	63
* Chapter 1: Precepts and the transmigration of souls or Metempsychosis -----	64
* Chapter 2: Precepts and Karma -----	70
* Chapter 3: Precepts and the Great Way ----	75
- Volume II: The subtlety of the Precepts- Improper language -----	80
* Chapter 1: Language and Religions -----	80
* Chapter 2: Distinctive characteristics of language in Caodaism -----	82
* Chapter 3: Peculiar nuances of language ---	85
* Chapter 4: Improper language in Caodaism	97
- Conclusion: -----	112



Sách đã phát hành:

1-Giáo Lý của soạn giả Tiếp Pháp Trương văn Tràng, Ban Thế Đạo Hải Ngoại **phát hành năm Canh Thìn 2000.**

2-Thánh Ngôn Hiệp Tuyển: Hội Thánh xuất bản năm 1964, Ban Thế Đạo Hải Ngoại **tái bản năm Tân Ty 2001.**

3-Thiên Đạo của Nguyễn Trung Hậu và Phan Trường Mạnh, nhà sách Minh Tâm phát hành năm 1963, Hội Thánh tái bản năm 1964, Ban Thế Đạo Hải Ngoại **tái bản năm Tân Ty 2001.**

4-Chính Trị Đạo của Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, Hội Thánh tái bản năm 1974, Ban Thế Đạo Hải Ngoại **tái bản năm Quý Mùi 2003.**

Địa chỉ liên lạc:

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

3076 Oak bridge Dr

San Jose, CA 95121-1716

Phone: 408-238-6547, Fax: 408-440-1372

Printed by
PAPYRUS
1002 S. 2nd street
San Jose, CA 95112
Phone: (408) 971-8843
papyrusqt@yahoo.com

Đạo cao thâm, đạo cao thâm
Cao bất cao, thâm bất thâm.
Cao khả xạ hề thâm khả điều
Cao thâm vạn sự tại nhưn tâm.
(Trích Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.1,1964)



BOOK NOT FOR SALE

Published by
BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI

3076 Oakbridge Dr
San Jose, CA 95121-1716
Điện thoại: 408-238-6547
Fax: 408-440-1372

ISBN # 978-0-9825307-0-2

		\$0.00
ISBN-10:	0-9825307-0-6	
ISBN-13:	978-0-9825307-0-2	
		9 0000 >
9 780982	530702	